

PHỐ THÔNG

Tạp chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc : NGUYỄN-VŨ

22



Văn chương và tư-tưởng Việt-Nam	NGUYỄN-VŨ
Đè cho chồng khôi khôi (chuyện ngắn)	PHONG CẨM
Lửa sống điện	Ký-sự LƯU-VĂN-A
* Phan đình Phùng thi-sĩ	THÀM-THỆ-HÀ
Nhà giấy thép	NGUYỄN TRIỆU
Một đời người	THIẾU SƠN
* Ba người Nhật bị xử bắn tại Sài-gòn	TÔ KHÁNH MINH
Các thi sĩ cổ lão: Cố THƯỜNG-TIỀN	DIỆU HUYỀN
Không-Minh	NGUYỄN QUANG LỤC
* Minou Drouet nô thần đồng Pháp	TỬ TRẦM LỆ
Norton I, hoàng đế nước Mỹ	TÂN-PHONG
* Văn sĩ thi sĩ tiền chiến: VŨ BẮNG	NGUYỄN-VŨ
Cần sửa đổi trong chương-trình Sở Địa... NG. HỮU THỦ	
Bàm nước mắt (thơ)	HÀ-PHƯƠNG
Nghệ sinh nỗi (truyện ngắn)	PHAN TÙNG MAI
* Rơi đầu vì một bài thơ	LƯƠNG TRỌNG MINH
Vệ sinh trong thời kỳ thai nghén	QUANG-HOA
Mình ơi!	DIỆU-HUYỀN
Có kịch Việt-Nam	TCHY
Tôi làm phim	THÁI-THÚC-DIỀN

TRUYỀN DÀI:

Kiên Trinh truyện dài của Cố VĂN NGA

Cô gái điện, truyện dài của TÙ-VC

bản dịch của VI-HUYỀN-ĐÁC

(Xem mục-lục đầy-đủ ở trang 4-5)

Một tuổi Bản Đọc thân mến,

Hôm nay, 1-11-1959, là ngày sinh nhật của PHÔ-THÔNG tạp chí. Đáng lý ra, năm nay là năm thứ ba của nó, nhưng khai sinh trong thời chiến tranh, nó đã sống được hai tuổi rồi bị bàn tay của chiến tranh bóp chết. Nó không kịp trối lại một lời.



Nhưng ở thế gian này, «nơi vật đều biến mất, chỉ có Văn hóa là trường cửu mà thôi», như lời một văn hào Pháp đã nói. Chế độ chánh trị, cường quyền, uy thế, độc tài, chỉ tung hoành được một thời gian. Thủ Tư trưởng của con người còn ngự trị vĩnh viễn qua các thời đại. César, Néron, Alexandre, Tân Thủy Hoàng, Charlemagne, Napoléon, Hitler, Staline, chỉ có lẽ lại những cái tên bằng máu mà Lịch Sử các dân tộc đã kết án đời đời. Chứ Virgile, Homère, Lý Thái Bạch, Dante, Shakespeare, Goethe, Victor Hugo, Dostoïsky, Nguyễn Du, Tagore, trong a-tăng-ký-kiếp vẫn không chết được. Người ta mong rằng các nhà cầm quyền trên Thế giới đừng quên chân lý đó.

Tiếng nói của Văn hóa là tiếng nói của Con Người vĩnh viễn (la voix de l'éternel Humain).

Văn hóa phung sự cho con người không phải của một Thế hệ, mà của muôn nghìn Thế hệ. Tất cả chúng ta ngày nay đang hưởng giá tài Tư tưởng của 4000 năm xưa.



Phô Thông đã chết trong thời loạn và sống lại trong thời bình. Nó tiếp tục đeo đuổi nhiệm vụ của nó; Góp phần xây dựng, dù chỉ là một phần rất nhỏ, cho Văn Hóa Việt Nam.

Hôm nay, nó được một tuổi. Nó cầu nguyện Thượng đế cho nó sống được đến cuối Thế kỷ.

Bạn thân mến, Bạn có thương nó thì xin Bạn cũng cầu nguyện cho nó sống đến đó, để nó được trung thành mãi mãi với nhiệm vụ của nó, để nó được trung thành mãi mãi với Bạn.

PHÓ THÔNG

TẠP - CHÍ

CỘP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHÓ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỐ

Giám-Đốc; Chủ-Bút: NGUYỄN-VŨ

Quản- lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long -- Sài-gòn — Đ. T. Sài-gòn 307



ĐÈM MỚI SỐ 22 ★ 1.11.1959

1.—	Văn chương và tư tưởng Việt-Nam.	Nguyễn-Vũ	6	—	9
2.—	Phan-dinh-Phùng thi-sĩ	Thàm-thệ-Hà	10	—	13
3.—	Ba người Nhật bị bắt bắn tại Saigòn	Tô-khánh-Minh	14	—	19
4.—	Đề cho chồng khỏi khổ (Truyện ngắn) ..	Phong-Cầm	20	—	25
5.—	Một đời người (hồi ký)	Thiếu-Sơn	26	—	29
6.—	Sang mùa (thơ)	Mạc-hồ-Phong	—	—	30
7.—	Minou Drouet, nữ thi-sĩ thần đồng của Pháp	Tù-trâm-Lệ	31	—	35
8.—	Nhà giày thép	Nguyễn Triệu	36	—	40
9.—	Norton I, hoàng đế nước Mỹ	Tân-Phong	41	—	46
10.—	Đêm nước mắt (thơ)	Hà-Phương	47	—	—
11.—	Không-Minh	Nguyễn-quang-Lực	48	—	54
12.—	Đời sống tinh cảm của các giống vật . .	Lâm-vị-Thùy	55	—	59

13. - Văn sĩ thi sĩ tiền chiến ; Vũ Bằng	Nguyễn Vỹ	60	—	63
14. - Làn sóng điện sứ truyền ánh thanh . Kỳ sứ Lưu văn A	61	—	70	
15. - Ngày sinh nhật (truyện ngắn)	Phan Tùng Mai	71	—	71
16. - Rơi dùm vì một bài thơ	Lương Trọng Minh	75	—	78
17. - Tôi làm phim	Thái Thúc Diển	79	—	84
18. - Câu sửa đổi trong chương trình				
trung học : Sứ Địa	Nguyễn Hữu Thủ	85	—	89
19. - Lò gác điện (truyện dài)	Vì huyền Đắc	90	—	94
20. - Cụ Thường Tiễn, thi sĩ lão thành	Diệu Huyền	95	—	99
21. - Cú kịch Việt Nam	Tchya	100	—	106
22. - Những người dời mươi	Nguyễn thu Minh	107	—	109
23. - Minh ơi ! Hai cô bạn láng giềng	Điệu Huyền	110	—	119
24. - Vệ sinh trong thời kỳ thai nghén	Quang Hòa	120	—	124
25. - Giới thiệu sách báo mới	P. T.	125	—	126
26. - Kiên Trinh	Vân Nga	127	—	129
27. - Dập bạn bốn phương	Điệu-Huyền và Bạch Yến	130	—	138

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . .	Cô Diệu-Huyền
Tranh vẽ	Ngọc-Tài
★ Bản kẽm	Văn-Dầu
❖ Bìa Offset	Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-nam ở trong nước được in bằng trích
đăng những bài trong tạp-chí PHÒ-THÔNG, nhưng
yêu cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHÒ-THÔNG »
và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phông, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHÒ-THÔNG, printed in Việt-Nam

VĂN - CHƯƠNG

và TỰ TƯỞNG

Việt-nam và CÁC THỜI ĐAI

CHƯƠNG II

(Xem P. T. từ số 20)

A.— MỘT DÂN TỘC THISI

Có một sự kiện kỳ và rất lý thú mà chính chúng ta cũng không mấy khi lưu ý đến, là dân tộc Việt Nam thật là một dân tộc yêu chuộng văn chương nhất trên thế giới. Hầu hết những người Việt Nam đều thích nói văn chương, thích nghe thơ, ngâm thơ, hay làm thơ. Thật thế, trên trái đất không có xứ nào mà nhân dân ham mê văn thơ như ở xứ con Rồng cháu Tiên, mà hầu hết mọi hoạt động hàng ngày đều đượm màu Thơ, không ít thì nhiều. Có xứ nào mà từ ông vu đến anh thơ nè, từ nàng công chúa đến cô lái đò từ ông thiếu tướng đến anh binh nhì, từ ông bác sĩ đến người bệnh nhân, từ ông giáo sư đến cậu học trò và cô học trò, hầu hết đều làm thơ? Thậm chí có những chị buôn bán hàng lôm hàng cá ngoài chợ cũng lâu lâu chưởi nhau mệt trận bằng thơ. Chúng ta đã từng nghe họ phùng mang trộn mǎi, xắn áo xắn quần, xia xót với nhau những câu chưởi thề rää là độc đáo, nhưng có văn có điệu nghe vẫn

NHẬN XÉT TỔNG QUÁT

về VĂN-HỌC SỰ VIỆT-NAM

êm tai ! Một chi bếp mồi mộ con gà, thế là chi đúng trước sán xé ra một tràng thơ lục bát (hay thơ tự do !) chưởi xỏ người hàng xóm mà chỉ nghi là ăn trộm gà của chi !... Tại vùng ngoại ô Saigon, trong một ngõ hẻm ở Tân Định có một cụ già rách rưới mặc chiếc áo bành tô dơ bàn quần xà lỏn, chen mang đôi giày lính tây há mồm, một tay cầm mít cái cu cè, một tay vác trên vai một cây gậy cột một tấm lụa điệu trên đó có hai dòng chữ bằng mực đèn :

Vết cống, dàu mương, thằng nứớc.

Lời sinh, dấp dặt, dở tay dân

Đó là một ông lão chuyên làm nghề vết cống, trước kia làm pia lục lợ. Kiếm được đồng nào, ông uống rượu hết. Có hôm không kiếm được tiền, ông ngồi lì xì nước uống chịu lỵ cà phê,

vẫn thong dong rung đùi ngâm thơ. Ông có chép một tập thơ của ông đó ba chục bài, nhưng không có tiền để xuất bản.

Chắc các bạn cũng thường nghe mấy người hành khất van xin thảm thiết nơi đầu đường xó chẹ. Tay chìa nón ra xin tiền, miệng họ ngâm dai khái mõi câu sau đây :

Con lạy ông đi qua,
Con lạy bà đi lại,
Con xin đồig cơm bát cháo.
Tấm áo, tấm quàn,
Con két có con lạy ông, lạy bà !...
v.v...

Đành rằng đó không phải là một k'ết tác văn chương, nhưng mấy lời van lạy có vẫn có điều như thế, có cả diền lịch nữa, chẳng phải THÔI ID GI ?

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên lý nào khi gặp ở đồng quê một buồi tối có trăng, một

*anh nòng dân đi thăm ruộng về,
vác cuốc trên vai, dừng bước hỏi
một cô thôn nữ đang tát nước
hên đường cái :*

Hỏi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múa ánh trăng vàng đồ di ?

*Hoặc một cô thôn nữ mặc mạc
nghèo thơ, từ nhỏ chỉ lớn chưa
được cặp sách đi học bao giờ,
nhưng chiều tối sau khi gặt hái
mệt nhọc, cô đứng hóng gió nơi
bờ ao, nhò người yêu trong
mộng lung linh, cũng khẽ ngâm
mấy lời :*

Chiều chiều ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện dăng tơ.
Nhện ơi, nhện hối, nhện chờ mỗi
nì ?

*Đó không phải là thơ ư ? Và
chắc chắn là không phải thơ của
cô Sương Nguyệt Anh, hoặc
của bà Huyện Thanh Quan,
mà là lời thơ của tất cả những
cô thôn nữ vô danh của nước
Việt, và cũng có thể là lời thơ
của tất cả các cô gái Việt nam
của tất cả các thời đại,*

*Cho đến một anh đi cắt cỏ
cho ngựa, gặp một chị cũng đang
cắt cỏ trên bờ ao, cũng cao hứng
ghẹo chơi bằng thơ :*

Cô kia cắt cỏ mệt mình,
Cho anh cắt với, chung tình làm
đôi.

Cô còn cắt nữa hay không,
Cho anh cắt với, làm đôi vợ
chồng.

*Coi bộ anh chàng sờ sàng quá,
chỉ ta không ua nhưng chỉ
cũng đáp lại bằng thơ :*

Bao giờ chạch đẻ ngọt da,
Sáu đẻ dưới nước, thì ta lấy mình.

Bao giờ cây cài làm đình
Gõ lim làm gối, thì mình lấy ta.

*Có khi ba bốn chàng trai
nghịch ngịch xúm nhau lại chọc
một cô gái quê thì cô ta không
sợ gì mà không mang lại bằng
thơ :*

Ba đồng một chục đàn ông,
Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến
nó tha.

Ba trăm mệt vị đàn bà,
Đem về mà trại chiếu hoa cũng
không thèm ngồi !

*Người trai đê quay sẵn sàng
đáp lại, tuy là thô tục nhưng
vẫn là giọng thô tục trăm bỗng
du dương :*

Mồ cha con bướm trắng, mà mọ
con ong xanh,

Khen ai uốn lưỡi cho con ranh
nói cần.

Mồ cha con bướm trắng, mà mọ
con bướm vàng,
Khen ai uốn lưỡi cho nàng nói chua !

*Thế là hai bên sanh chuyện
rồi bỏ đi, nhưng lui con trai đê*

xa còn nghe phía sau lưng bài
thơ riêng biệt của nữ sĩ :

Không thèm ăn chả cá mè,
Không thèm nói với một bè trê
ranh.

Không tiếc ăn cỗ cá mương,
Không thèm nói với một phường
người.

Không thèm ăn gỏi cá chà,.
Không thèm nói với thằng thầy
mày đâu !

Thật là nhục nhã cho cả đám
học trò. Nhục cả cho ông thầy
nào đó của các cậu bỗng dung
tiếng chịu oan, tội nghiệp cho
ông !

Không nhứng là người lớn,
đủ các hạng người, đủ các tầng
lớp, đều ưa làm thơ nói thơ, mà
cho đến nhứng em bé bốn năm
tuổi tóc còn đẽ chỏm, cưa biết
mặc quần, đã bắt chuồn chuồn
ở ngoài bờ ao, bỗng dung lật
lật chạy về kêu mẹ, vừa mếu
vừa mèo :

Má ơi, con vịt nó chết chìm.
Con xuống con bắt, con cá kìm
nó cắn con !

Thi sĩ lý hon của xứ Việt
Nam chưa học thuộc hết văn i-
tì mà đã làm được thơ sớm
hơn cô bé thần đồng nào đó của
nước Pháp nữa !

Tất cả nhứng người ngoại

quốc hiều tiếng Việt hay người
Việt lưu ý đến nội dung của
các báo chí Việt Nam xuất bản
từ trước đến nay — mà nhất là
hiện nay — đều hết sức ngạc
nhận mà nhận thấy rằng trên
hầu khắp các tờ báo Việt ngữ
đều có đăng thơ. Cho đến nhứng
tờ báo không tên, nhứng tạp san
chuyên môn về thương mai kỹ,
nghệ, kiến trúc, pháp luật, y-tế,
thể thao, mìn ánh v.v.. đều có
đăng thơ. Bởi cứ một tờ báo nào
cũng có nhận được rất nhiều thơ
của bạn đọc mà tác giả là công
chức, tư chúc, nhà buôn, binh sĩ,
thợ thuyền, nam nữ học sinh, từ
ông Bộ trưởng, ông Thủ tướng,
ông Tông giám Đốc nầy nọ, cho
đến cậu học sinh đênh nhất, đênh
nhị, đênh ngũ, cô bán hàng, chị họ
may v.v.; mà phần nhều cũng
có thơ hay, tuy bị sai niêm sai
luật, sai cả văn, nhưng vẫn có âm
diệu êm tai, cảm hứng dồi dào
chân thật.

Đó là một sự kiện độc nhất
trên thế giới, một sự kiện mà
người ngoại quốc đã nhận xét
và cũng là một điểm danh dự
cho người Việt Nam. Có thể nói
rằng nước Việt Nam có 25 triệu
dân thì có lẽ có 20 triệu... thi sĩ
và nữ sĩ !



* THẦM THỆ HÀ

P H A N -
Đ Ì N H -
P H Ủ N G
T H I - S Ī

X ƯA nay người ta thường
ca ngợi Phan - đinh -
Phùng là một nhà cách-mạng cǎn
vương, ai biết đâu ông cũng lại
là một vő-trang thi-sĩ ?

Phan-dinh-Phùng là một chiến
sĩ quốc gia có tâm hồn thi-sĩ.
Cái dời bôn-ba trong chiến-trận
đá nun dúc cho ông một tâm
hồn rạn lửa, và từ tâm hồn ấy
phát tiết ra những văn thơ danh

thép, hùng-hỗn. Những sáng tác của ông là những sáng tác của hoàn-cảnh. Thơ của ông làm không phải vì nhân-sinh hay vì nghệ-thuật, mà là một sản-phẩm tự nhiên của tâm - bồn, không thè chắt chúa nó mãi thì phải dùng âm-diệu mà tiễn-tểu nó ra. Ông Chu-Hy cho đó là đặc tính của tâm hồn hoàn-toàn thi-sĩ.

Năm Mậu-Tý (1888), ông Phan-dinh-Phùng làm bài thơ khai bút đầu năm như vầy :

Lưu oanh đinh ngoại ngữ hoa
chi,
Hoa bảo xuân quy nhơn vị quy,
Bình lành bách niên tư nhật
nhiều
Hồng sơn oan lý vọng oán phi.
Ngô gia hữu giáo cẩn trung hiếu
Khách địa vô lâm oán biệt ly.
Giai-liết chí nhơn hành lạc xứ,
Ngô phùng giao liết bất thường
bi.

Một nhà thơ dịch :

Tiếng oanh non-ni sân ngoài.
Tin xuân về đó mà người ở
đâu?

Ngàn thu một lâm có sầu,
Non Hồng nút Ngự mây đầu
xa xa.
Hiếu trung là nếp nhà ta,

Bié-lý đất khách oán mà làm
chỉ?
Tết vui ai cũng vui vầy
Mà ta riêng nỗi sầu bi một
mình.

Thơ của họ Phan là loại thơ « Ngôn-chí » ; ông thường mượn lời thơ để tỏ cái chí của mình. Tuy giữa cảnh buồn, lời thơ có đượm vẻ âu-sầu thầm-thía, nhưng cái tráng-khí vẫn bộc-lộ, niềm ưu - ái vẫn chúa - chan. Buồn mà không ủy-mị, đó là bản-sắc của tiên-sinh vậy.

Phan Định - Phùng có một người bạn đồng-chí tên là Phan Trọng-Mưu. Khi tiên-sinh còn lưu-lạc ở Bắc-Hà, Trọng-Mưu lo gầy dựng cơ-dồ khởi nghĩa. Không may vì thế-cô mà thất-bại. Trọng-Mưu chạy trốn ra tỉnh Nam-dịnh. Hay tin ấy, Phan Định-Phùng gửi cho bạn một bài thơ :

Phiệt duyệt ngô môn tam thế
lưỡng,
San-hà cổ-quận tịch niêm bình.
Nhân lòng biệt cữu tư đồng-
chí,
Sư đảo thời gian quý đại danh,
Lão lưỡng thùy nhân xưng quắc
thuốc,
Nho thần hạ hách thế thanh-
bình.

*Bòi bòi ngũ đạ tâm thiên lý,
Đao hường viễn tiễn tá nhãt
mình.*

Có người dịch như vậy :
*Bì đòi khanh tưống nhà ta,
Đao binh nǎm ttưốc san hὰ
cõi xưa.*

*Người đồng chí, nỗi tương tư,
Trong thời thế những riêng như
hồ mình.*

*Tôi nho khôn chớc thanh bình,
Mà tài quắc thướt đâ dành cho
ai.*

*Năm canh lồng những bồi hồi,
Xa xa may cảng thấy ngoài cửa
viễn.*

Lấy tâm sự mình mà đặt vào
tâm sự bạn, âu cũng là cử chỉ
thâm tình đối với tri kỷ. Lời thơ
hàm súc, ý tứ đậm-dà, cái tài
cung kiếm hiên-ngang đành gói
ghém trong những lời tương-tư
gởi bạn. Thời thế xưa nay tạo
nên mấy anh hùng, sao giờ đây
lại nỡ buộc anh hùng trong ngõng
cửa ? Đọc những lời thơ này, ta
có thể thấy cái chí cao bay và sự
nghiệp hổng-hách về sau này của
thi-sĩ.

Một hôm, Phan-dinh-Phùng
diêm một đạo binh đi vừa đến
núi Vũ-Quang, bỗng gặp một toán
 lính ở trên núi chạy xuống. Ông
 xếp bài trận-lhể, chặn đường
 tấn-công. Quân địch tan tành
 không còn manh giáp. Chiều hôm

ấy, đi xem lại bài chiến-trường,
trong cơn căc ý, ông làm một
 bài thơ'kỷ-niệm buồi thắng trận.

*Tát phát quân hành hốt phi lai,
Đứa tâm ơi định chính hốt hồi.
Trường tiền thỉnh chiến hà
nhân già,*

Quả bế thời gian báo hiệp hồi.

Ông Đào Trinh - Nhất dịch :
*Vừa phái quân đi giặc đến nơi,
Lòng ta lui tới luống bồi hồi.
Người xin quyết đánh là ai
đó ?*

Chớp mắt mà ta đã thắng rồi.

Thật là, những lời thơ dung-
dị mà hùng-tráng ! Sinh sán tro-g
lò phong-kiến, được uốn nắn
trong khuôn khò thành-kiến, thỉnh-thoảng Phan tiên-sinh lại
vượt ra khỏi những cùm-xích để
cho lời thơ được phóng-đạt, dồi-
dào. Bao nhiêu đó đủ tỏ rằng
tiên-sinh có tinh-thần độc-lập,
chẳng những độc-lập về sanh-hoạt
vật chất mà còn độc-lập về sinh-
hoạt tinh-thần. Suốt đời ông
hoạt-động không ngừng cho cuộc
giải-phóng dân-tộc, là vì muốn
thỏa mãn cái tinh-thần độc-lập ấy.

Năm Mùi 1895, sau những
trận thất-bại liên-tiếp, Phan tiên-
sinh dẫn tàn binh trốn về núi
Quạt. Phần thi lo rầu buồn, phần
thì bệnh, ông càng ngày càng
gầy vô nguy-nan.

Một hôm, biết không thè nào
sống được, ông gọi phu-nhân,
con cháu và các tướng tá lại
đặn rằng :

— Khi ta nhắm mắt rồi,
phu-nhân và các tướng hãy dẫn
con cháu ta ra dồn Tây đầu thú.
• *Chi thánh đao, khả dĩ cảm
nhân* », ta quyết họ không xử tàn
nhắn với các người đâu.

Đoạn tiên-sinh đọc cho chép
một bài thơ cảm khái :

*Nhung trường phùng mang
thập canh đông,*
Vô lược y nhiên vị lẩn công.
*Cùng hộ ngao thiên nan trách
nhạn,*
*Phỉ đồ biến đja thương dồn
phong.*
*Cửu-lùng xa giá quan sơn
ngoại,*
*Tứ hải nhân dân thủy hỏa
trung.*
Trach vong dù long ưu dù đại,
*Tướng mện thâm tư quý anh
hùng.*

Ông Quán-Chi dịch :

*Nhung trường vắng mạng đâ
mười đông,*
Việc vô lối thôi vẫn chẳng xong.
Dân đót vang trót kêu ô nhạn,
Quân gian dậy đắt rộn đàn ong.
*Chín trùng lận đận miền quan
tái,*
*Trăm họ phôi pha đám lửa
nồng.*

*Trach vong càng lè càng nặng
nhọc,*
*Tướng mện riêng hè tiếng anh
hùng.*

Đó là bài thơ cuối cùng của
ông Phan-dịnh-Phùng. Mười
năm mong dựng cơ đồ, kết quả
chỉ một nặng-nề thảm-bại. Năm
trên giường bệnh, ngõ còn
nghe tiếng của dân kêu đói vang
trời, ngõ còn thấy rộn - ràng
phường gian-nịnh. Tâm lòng ưu-
gi dành gửi về nơi quan-ải xa
x... .

Thơ Phan tiên-sinh, ngoài cái
khí-khai phát ra bởi một tấm
lòng thương vua, yêu nước, lại
còn những lời thơ trong sáng
nhẹ-nhàng. Ông không usa dùng
diễn-tích và những từ-hoa, sáo-
ngữ. Lời lẽ tuy mộc-mạc nhưng
súc-tích iết cả những gì sôi-nổi
ở tâm-hồn.

Có điều đáng tiếc là Phan
tiên-sinh chỉ làm thơ chữ Hán,
thành thử thơ của tiên - sinh
không được phổ-biến và không
gây được một tác-dụng mạnh-
mẽ trong quần-chúng. Nếu tiên-
sinh nghĩ đến nhân-sinh một chút,
như đến công trình văn-học một
chút, thì có lẽ tiên-sinh đã là
một thi-nhân muôn thu của nước
Việt, một thi-nhân ngồi chung
chiếu với Nguyễn Công-Trứ,
Cao Bá-Quát, Nguyễn Du...

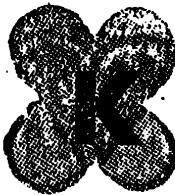
B A

người

NHỰT

bị xử bắn tại Saigon

9-3-1945



HÔNG ai ngờ
cả một tò chúc
chính quyền của
Pháp đã mọc
mầm, bám rễ trên
đất Đông-Dương gần 100 năm
đã bị lật đổ một cách quá dễ
dàng trong 24 tiếng đồng hồ.

Nói rằng 24 tiếng đồng hồ
cũng không đúng, nhiều nơi chỉ
có 15 phút là chính quyền của
Pháp đã bị mất rồi. Không một
tiếng súng, một kháng cự nhỏ,

* TÔ KHÁNH-MINH



quyền binh của Pháp đã lọt vào
tay người Nhựt. Những Đô Thị
Lớn như Hà-Nội, Saigon, Huế,
từ viên Toàn quyền đến viên
Thống-Sứ xuống hạng Tây Lục-
Lô, tây Đoan đều bó tay chịu
làm tù binh một cách nhục nhã.
Một cuộc đảo chính chớp nhoáng
ít đồ máu nhứt, ít tiếng súng nồ
nhứt là cuộc đảo chính ngày
9-3-45 của người Nhựt đảo
chính người Pháp tại Đông-
Dương.

Trong cuộc đảo chính ngày
9-3-45, Đô-Đốc DECOUX đầu
hàng đầu tiên. Một vài viên Công-
Sứ, Thống-Sứ và Khâm-Sứ tò-
ý kháng-cự nên bị giết trong đợt

có Thống-Sír Delsalle mà người Bắc-Việt biết nhiều nhất rồi đến viên Khâm-Sứ Trung-Bộ Haelewyn, chỉ huy và lãnh đạo Triều-Dinh Huế từ năm 1941 đến năm 1945 đã bị quân đội Nhật giết tại tư dinh.

Thủ phạm giết viên Thống-Sứ DELSALLE và Khâm - Sứ HAELEWYN là Sĩ-Quan Vệ-Binh Kratsé của Nhật-Bồn. Đó là viên Trung - Úy HATTORI-EJIRO, viên Thiếu-Úy TAMURA-KANJI và viên Trung - Sĩ IWAMASA - PUMIHISHA.

Thật ra, những người giết viên Thống - Sứ Delsalle cũng như viên Khâm - Sứ Haelewyn không có thù hận gì với hai nạn nhân cả mà chỉ vì Haelewyn cũng như Delsalle đã chống cự khi những sĩ quan chỉ huy vệ-binh Kratsé đến bắt họ. Do đó buộc họ phải giết Thống-Sứ Delsalle và Khâm-Sứ Haelewyn.

KHI QUÂN VỐI danh BỘI PHÁP nghĩa quân TRỞ LẠI đội Đồng- ĐÔNG-DƯƠNG Minh thắng

Trục, quân đội Pháp nhập với quân đội Anh-Ấn được Đồng-Minh giao quyền tiến vào phía

Nam vĩ tuyến 16 để trước khí giới quân đội Nhật Bồn.

Vào Đông-Dương ngày 23-9-45, Pháp nhằm 2 mục đích : Cướp lại đất Đông-Dương để tiếp nối cuộc thống trị vừa đứt đoạn sau gần 100 năm cai trị, đồng thời để thanh toán món nợ tinh thần của ngày 9-3-45, Pháp đã bị quân đội Nhật Bồn bắt chôn một cách dễ dàng và êm thắm.

Vào Đông-Dương Pháp gây nên cuộc chiến tranh giữa 3 Dân Tộc Việt - Môn - Lào đoàn kết chống Thực-Dân xâm lược kéo dài gần 10 năm trời, rồi cuộc Pháp vẫn phải rút khỏi Đông-Dương. Ba Dân Tộc Việt-Môn-Lào được hoàn toàn độc lập.

Tiến vào Đông-Dương, Pháp hạ lệnh điều tra những chiến phạm Nhật đã gây ra vụ đảo chính 9-3-45 mà ảnh hưởng còn tai hại cho đến ngày nay đối với Pháp. Nhiều sĩ quan Nhật hình như đã biết trước số phận chiến bại của họ khi họ nghe chiếu của Thiên - Hoàng, đảng Thiêng-Liêng còn của Thái - Dương Thần Nữ xuống cai trị dạy dỗ họ, ban xuống xin đầu hàng vô điều kiện sau 2 quả bom Nguyên-Tử ném xuống Trường-Kỳ và Quảng-Đảo nên họ đã đem cái

chết của Võ-Sĩ Đạo, mồ bụng tự vẫn đè khói phải nhìn cái chết sau này do kẻ khác hành hạ họ.

Có những sĩ quan khóc suốt ngày đêm rồi bày hương án ngoảnh về phía Đông Bắc là nơi Thiên-Hoàng đang ngự trị vái 4 vái mới nhảy từ trên lầu cao xuống tự vẫn chết. Từng đoàn người theo giòng Võ-Sĩ-Đạo đã cùng nhau tập đoàn mồ bụng tự vẫn chết. Những cái chết oai hùng ấy chứng tỏ người dàn của Thái-Dương Thần-Nữ luôn-luôn có ý chí quật cường, bất khuất, nêu cao tinh thần Dân-Tộc quả cảm của Khù-Tang Tam-Đảo.

Những cái chết đè dồn nợ nước ấy đã được nêu cao. Nhiều người cho rằng, sở dĩ Nước Nhụt phải đầu hàng, Thiên-Hoàng phải xuống chiếu đè nhận sự đầu hàng vô điều kiện chỉ vì Người thương sót thần dân của Người. Nhiều sĩ-quan Nhụt tự khép mình vào tội không hy sinh xứng đáng khi chiến tranh mới đến nỗi phải đầu hàng. Bởi vậy, họ lấy cái chết đè hối lỗi.

Những người chịu sống, chịu sự chục nhã của kẻ chiến bại, vì họ tin ở sức quật cường, sự nhân nhục, sự tha thiết tiến bộ của Dân-Tộc Nhụt. Họ cố sống đè chung lưng đấu cật với

nhaу hау xоá bỏ những tàn tích chiến tranh đang tàn phá trên đất nước thân yêu của họ.

Trên thế giới có ai dám khinh cái thắt bại của Dân-Tộc Phù-Tang cũng như Dân-Tộc Nhụt Nhĩ Man không? Hai Dân-Tộc Nhụt ở Á-Đông, Đức ở Âu-châu dù có thất trận cũng làm cho những kẻ thắng phải thán phục, phải kính nè. Nhứt là sau 10 năm chăm lo kiến thiết lại xứ sở, người Nhụt ở Á-Đông, người Đức ở Âu-Châu lại càng làm cho các Quốc-Gia khác phục hơn nữa. Hai nước chiến bại bị chiến tranh tàn phá khùng khiếp nhút thời nay lại là 2 Quốc-Gia tái lập nhanh nhứt, vững chắc nhứt, có tương lai nhứt trên hoàn vũ.

Cái súc chịu đựng, sự nhân nhục của hai Dân-Tộc Đức-Nhụt là những tấm gương sáng cho các Quốc-Gia khác soi chung.

Ở Đông-Dương, người Nhụt chịu sự kèm chẽ bao thù của người Pháp khi họ trở lại Đông Dương. Rất nhiều chiến sĩ Nhụt Bồn bị bắt vì đã phạm tội giết người trong thời kỳ chiến tranh. Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính Nhụt bị kết án xử tử.

Trong số những người bị tòa-

án Bình Pháp tuyên án xử tử và thọ hình tại Quartier Vigille, Sài-gòn, tôi được cái may mắn chứng kiến cái chết oai hùng anh dũng của 3 chiến sĩ Nhựt-Bồn.

Đó là Trung-Úy Hattori-Ejiro, Thiếu-Úy Tamura Kanji, Trung-sĩ Iwamasa Pumihisha đã giết viên Thống-sứ Delsalle và viên khâm-sứ Haelewyn.

**GIỜ PHÚT
CẨM-ĐỘNG :
BA CHIẾN-
PHẠM NHỰT
THỌ HÌNH**

đã từng hạ sát lương dân vô tội. Trung-Úy Hattori-Ejiro, Thiếu-Úy Tamura Kanji và Trung-sĩ Iwamasa - Pumihisha, sĩ quan và hạ sĩ quan trong đoàn Vệ-Binh Kratsé của Nhựt-Bồn ở Đông-Dương bị bắt giam.

Cả ba chiến sĩ Nhựt-Bồn ở trên bị giam ở trại tù binh, chiến phạm, tội nhân của Tòa-Án Bình Pháp. Theo luật Quốc-Tế đối đãi với tù binh, người Pháp đã đối đãi với các chiến phạm Nhựt-Bồn rất dàng hoàng, tử tế. Ăn uống rất sang trọng tùy theo từng cấp bậc trong quân ngũ và họ vẫn theo hệ thống

quân giải của họ để giao thiệp với chính quyền Pháp.

Trong trại giam, những chiến phạm được quyền đọc sách, viết văn hay mua bán thức ăn bên ngoài nếu họ có tiền riêng. Họ được học tập thêm ngoại ngữ, văn hóa của Dân-Tộc Nhựt. Họ có tủ sách riêng để đọc nghĩa là người Pháp đối đãi với tù binh Nhựt vô cùng lịch sự theo đúng với luật lệ đối đãi với Tù-Binh tại Genève.

Ba chiến phạm đã từng hạ sát Thống-Sứ Delsalle, Khâm-Sứ Haelewyn bị đưa ra Tòa Án Bình Pháp tại Saigon và cả ba đều bị kết án tử hình.

Theo thông lệ, cả 3 chiến phạm Nhựt-Bồn đều ký giấy chống án. Giấy chống án bị bác, họ viết thơ lên Tòng-Thống Pháp để xin ân xá. Giấy xin ân xá cũng bị bác nốt. Thế là cả 3 chiến phạm Nhựt-Bồn chờ ngày ra sân bắn để thọ hình,

Thế rồi, việc đến đã phải đến. Một buổi sáng sớm hơi sương còn đọng trên ngọn cỏ, dân chúng Saigon còn say mê trong giấc điệp, thời đoàn Vệ-Binh đã đến Trại Giام đưa 3 người Nhựt, chiến binh thủ phạm trong vụ ám sát Delsalle và Haelewyn ra sân Quartier Vigile để thọ hình.

Tại sân Quartier Vigile đã đắp sẵn 3 mỏ đất cao trên giồng mỗi mỏ đất một cây cột lớn bào nhẵn thín. Đó là nơi mấy phút sắp tới đây, Trung-Úy Hattori Ejiro, Thiếu-Úy Tamura Kanji và Trung Sĩ Iwamasa-Pumihisha sẽ dựng lên đè nhận những viên đạn đồng của người Pháp xử tử họ.

Theo thề thức hành hình các chiến phạm, các tử tù, nhà Bình Pháp cho mời một vị Linh Mục, một vị Mục Sư và một vị Hòa-Thượng đến đè rửa tội hoặc cầu kinh sám hối, siêu thăng cho những người tử tù một khi người ấy yêu cầu.

Ba chiến phạm thản nhiên ngồi xuống ghế. Người nào cũng tươi cười như không có việc gì xảy ra với họ. Trước giờ hành hình, viên Chưởng-Lý Tòa Án Bình đọc bản cáo trạng cho 3 chiến phạm nghe. Một người thông ngôn dịch ra tiếng Nhật Bồn. Một ân huệ cuối cùng, Nhà Bình Pháp cho phép 3 tử tù được yêu cầu lần chót những điều họ muốn.

Trung-Úy Hattori-Ejiro được cử làm Đại Diện cho cả 3 tử tù đã đứng lên cảm ơn nhà đương huộc Pháp đã đối xử với họ một cách tử tế và xử họ theo

dúng luật lệ nhà Bình. Đó là một điều hân hạnh nhất và thỏa mãn nhất cho họ rồi. Họ không có oán thù gì hết. Giờ phút cuối cùng sắp phải lên sân bắn, cả ba chỉ yêu cầu dừng bít mắt họ trước khi bắn. Hãy để cho họ được mở mắt nhìn rõ mũi súng nhá đạn. Riêng Trung-Úy Hattori Ejiro yêu cầu thêm là cho cả ba về Trại đè từ già anh em đồng tù, đồng-bào của họ trước khi họ bước qua bên kia Thế-giới.

Nhà Bình Pháp đều chuẩn y lời yêu cầu của 3 chiến phạm Nhật. Chiếc xe Dodge 4 lại chờ 3 chiến phạm Nhật trở về Trại Tù-Binh giam các chiến phạm Nhật-Bồn đè họ được từ già bạn bè, đồng-bào của họ.

BỨC THƯ THÀM T R U O C khi ra di lần chót, Trung - Úy Hat- ori-Ejiro

THIẾT CỦA TRUNG ÚY GỞI CHO MẸ, CHO VỢ VÀ 3 CON

lấy trong túi dắt ra một bức ảnh truyền thần của Trung-Úy đưa cho một người bạn đồng hương, có nhà ở bên cạnh gia đình Trung-Úy cũng là người bạn thân của Trung-Úy từ ngày còn cấp sách

đi học ở trường làng và dặn
rằng

— Đây là tấm hình truyền thần
do anh Tamaru-Kisi đã vẽ cho
tôi làm kỷ niệm. Hôm nay, tôi
từ giã cõi đời, vậy xin anh giao
lại tấm hình này để nhờ anh khi
xuống tàu về Nước già giữ hộ
và về đến nhà thì giao tấm hình
này cho Mẹ tôi, vợ tôi và 3
con tôi. Đó là lời mong ước
cuối cùng của tôi.

Người bạn Trung-Úy Hattori-
Ejiro cùi đầu bái nhận, cầm tấm
hình truyền thần mà nét vẽ vô
cùng sắc sảo. Dưới tấm hình
Hattori-Ejiro viết :

Kính lạy Má.

Thân gửi em và ba con.

*Tử Việt-Nam con gửi Koso-
ku về tấm hình này của con
về trong những ngày bị giam
tại Trại Tù Bình ở Sài-Gòn
trước ngày ra sân bắn.*

*Con xin Má nhận ở đây lòng
thành kính hiếu đạo của con.
Gửi em và 3 con sự chân thành
quả cảm của người Trai đất
Phù-Tang.*

Ký tên : Hattori-Ejiro.

3 chiến phạm Nhật Bản dâng
hoàng ra xe để ra pháp trường
thờ hình. Cuộc tiễn đưa 3 người
bạn qua bên kia Thế-Giới, đoàn

tù binh Nhật Bản ca bài Quốc-
Ca và bài anh hùng ca với những
chiếc khăn tay trắng vẩy đưa
vĩnh biệt.

Trên mô đất đường Quartier
Vigile, 3 chiến Phạm Nhật
Bản nghiêm trang ngoảnh về
phương Đông Bắc cùi đầu vái
để Thiên Hoàng và quê hương
anh dũng của họ rồi đứng tựa vào
cột mốc mờ nhìn những họng súng
đen ngòm.

Theo lệnh của viên Chỉ Huy,
một loạt súng nhá đạn. Tiếng nổ
ròn tan. 3 chiến sĩ Nhật Bản
gục dần xuống. Miệng họ vẫn
mim cười tươi tĩnh. Viên Chỉ-
Huy lặng lẽ tiến đến ghe súng
vào mang tai từng người nồ cò
đè kết liễu đời người Chiến - Sĩ
quả cảm và yêu nước của Đất
Phù-Tang Tam-Đảo.

Vिन Đại-Úy Giám Sát cuộ
hành hình 3 chiến sĩ Nhật Bản
trong đạo Vệ Bình Kracsé đã
nghiêng mình tỏ vẻ kính trọng
trước tinh thần quả cảm của Dân-
Tộc Nhật Bản cũng như của các
Dân-Tộc Á Châu mà 3 chiến sĩ
thờ hình là tượng trưng.

(Sài-gòn, ngày 1 tháng 10-1959
để tưởng nhớ lại ngày hành
hình của 3 chiến sĩ yêu nước
của Dân-Tộc Phù-Tang).

dè chồng



Khỏi Khô'

* PHONG.CẨM

Sài-gòn, ngày...

Anh Nhân yêu quý,

Em viết cho anh thư này giữa lúc trời chuyền sang thu, đêm không lạnh lắm, nhưng mưa rơi nhiều, nhiều như nước mắt của người cô phụ khóc chồng xa vắng, như tình cảnh của đôi ta.

Thẩm thoát đã sáu tháng qua, em dếm từ ngày anh vướng vào vòng lao lý. Thư này là bức thư thứ nhứt em viết cho anh dè nỗi rõ sức khỏe của em. Trời ! Em có can đảm nói chuyện sức khỏe của em ư ? Sức khỏe ! cũng vì nó mà anh dẫn thân vào con đường ăn cướp, cũng vì nó anh lãnh 18 tháng tù. Em làm sao

quên được ? Ngày xử anh, em cố chen lấn vào tòa dè được nhìn mặt anh, lúc bấy giờ hình ảnh anh bị nhòa sau màn mưa lè, em chỉ còn nghe vang vang lời anh khai : « vì vợ bị bệnh phổi rất nặng, anh không còn can đảm nhìn vợ ôm ngực rên la thâu đêm, tống cùng anh phải đi ăn cướp ».

Còn gì đau đớn bằng anh hy sinh cả danh dự làm người dè cho em có một sức khỏe ? Em túi thân và xúc động lắm anh ơi ! Em biết anh luôn luôn nghĩ tới em, nghĩ tới nguồn sống lành mạnh của em, mặc kệ người đời gán cho anh cái tên « thằng ăn cướp ». Cho nên, thư này em báo cho anh một tin mừng : bình

phòi của em đã thuyên giảm nhiều.

Đây anh xem, tuồng chữ của em cứng cát lấm chót có run rẩy như ngày nào đâu. Trí em lại bình tĩnh sáng suốt hơn lúc nào hết, anh cứ xem vẫn em viết trôi chảy và mạch lạc thì dù biết.

Anh dừng hoài nghi, tại sao em không chết mà lại hồi sinh một cách thần diệu như vậy? Em nhờ phép tiên? Không, anh ơi (!) em nhờ những bàn tay phàm tục. Thị liền sau ngày anh lãnh án báo đắng lén, bạn bè gần xa đều biết. Họ không ngờ anh đi ăn cướp, nhưng họ hiểu anh và cảm thương thân phận của em, giúp đỡ em hết lòng. Có người đem em đi khám bệnh, gởi gắm bác sĩ điều trị, săn sóc em như người cận ruột.

Anh Nhân yêu quý, anh thấy yên lòng chưa? Anh có tin rằng Thủ Tâm người vợ đau yếu của anh bây giờ mạnh khoẻ trẻ đẹp như ngày chúng ta mới yêu nhau?

Anh mừng cho em đi! Mừng em thì anh ráng lo bảo vệ sức khoẻ tránh những ngày đêm dǎng dặc lè áu... Mười tám tháng có là bao? Rồi đây đôi ta sẽ sum họp một nhà.

Em rời khỏi giường bình hơn một tháng nay, em thấy đời đẹp

quá, vui quá. Cảm giác của em giống như con chim đẹp bị nhốt trong lồng lâu ngày, giờ được sô lòng, tha hồ mà bay nhảy. Quanh em mọi người đang vật lộn với cái sống coi hăng quá. Em cũng đang chuẩn bị lao mình vào cuộc sống dày. Em trở lại đời ca-sĩ? Chắc anh cau mặt bảo: «Em vừa hết bệnh không nên thức đêm phí sức nhiều?» Thị em ngoan-ngoan nghe lời anh vậy.

Em chọn một nghề khác dày. Anh đoán xem em chọn nghề gì? Chắc anh không ngờ em chọn nghề... dạy học!

Em mà dạy học ư? Hắn anh cho rằng em không đủ sức thì em cứ dạy học cho anh xem sức khỏe của em dồi dào đến bực nào. Em sẽ dạy học nơi một tư thực, mọi việc điều xong rồi, hẹn sẽ nói rõ ở thư sau.

Chúc anh nhiều sức khỏe và vui vẻ.

Người vợ yêu quý của anh,

THU-TÂM



Sài-gòn ngày...

Anh Nhân yêu quý,
Thời giờ đi qua rất mau, lật
bật đã sáu tháng rồi, bao nhiêu
là chuyện đổi thay, vui nhiều

hơn buồn, giá mà được gửi thư
thông thả thì em sẽ viết cho anh
rất nhiều.

Anh ạ, bây giờ em đã trở thành
cô giáo, "cô giáo Thủ-Tâm".
Cả trường đều gọi em như thế.
Mỗi ngày em chỉ mất bốn giờ
trong nom dạy dỗ đàn trẻ lối
năm mươi đứa, tuổi bằng con của
chúng ta. Rất tiếc là chúng ta
không có con dẽ mà dạy dỗ. Sống
với trẻ thơ cũng có nhiều thích
thú lắm anh à. Em thường ngắm
những chiếc má phúng phính thịt
của chúng, những cặp mắt ngây
thơ trong trẻo của chúng hay mái
tóc xanh của chúng mà thầm ước
ao "vái trời cho mình một mụn
con" nhưng bây giờ chúng ta
chưa có con thì em thương yêu
chúng nó vậy.

Trong lớp học, lúc nào chúng
nó cũng quần quít lấy em, em
thường chே chúng nó kẹo bánh
hay bong bóng cao su, chúng vui
mừng cầm ơn rồi rít. Lúc nhàn
rỗi chúng bắt em kè chuyện đời
xưa, chuyện thần thoại, thằng
Tường, thằng Bích và con Lệ là
ba đứa học giỏi nhứt lớp và
chúng cũng mến em nhứt, những
lúc em dạy toán hay kè chuyện
cho cả lớp nghe, đứa nào tinh
nghịch ném giấy vào nhau hoặc
cười - đứa ấm - i thì thằng

Tường, thằng Bích, con Lệ
khuyên chúng nó đừng làm phiền
cô giáo. Những ngày chúa nhật
chúng rủ nhieu đứa nữa tới nhà
xin em đưa đi chơi vườn Bách-
thảo hay vườn Tao đàm. Thấy em
ở một mình thằng Tường con Lệ
đều hỏi : "Còn thầy đâu cô ?". Em
phải nói dối với chúng nó thầy đi
làm ăn xa, sáu tháng nữa mới về.

Thì anh chỉ còn sáu tháng nữa
mẫn tù, em đếm từng ngày đe
mong cho cái ngày ấy chóng đến,
chúng ta gặp nhau. Anh ơi, cùng
với thư này em gửi cho anh bưu-
phiếu 500 đồng để anh ăn quà
trong những ngày chờ đợi. Ấy là
số tiền em dành dụm trong mỗi kỳ
lãnh lương để dành cho anh.
Trong chốn lao tù, nếu anh thấy
cần quần áo thì cứ lấy đó mà may
mặc vì em nghe nhà tù có tuyển
nhiều nhóm thợ hành nghề.

Ba tháng trước em có được thư
anh bảo rằng : trong nhà lao ban
ngày thì nực ban đêm thì lạnh,
lạnh lắm. Như vậy anh rất cần
có áo ấm để mặc vào ban đêm.
Em đang đan cho anh đây, em
chọn len màu cẩn rươi là màu
anh thích nhất vì có lần may áo
dài cho em anh đã chọn màu này,
anh bảo nó kín đáo nhu-mì, mà
nhu-mì thật phải không anh ?

Tháng tới đây em sẽ có áo ấm
gởi anh, tuy mùa đông đã qua rồi
nhưng em cảm thấy tâm-hồn anh,
luôn luôn giá-lạnh, nhút là khi
màn đêm trùm xuống cánh cửa
lao-tù. Em tin rằng chiếc áo em
đan sẽ giúp anh đỡ sự trống lạnh
của tâm hồn, em cố đan cho mau
rồi, ngọt vì bận rộn hai buổi đến
trường, tối về lại châm bài, làm
sô, em làm thật nhanh để giờ lại
chiếc áo còn đan dở, em mơ
thấy anh vui mừng sung sướng
khi nhận được áo em. Đó là niềm
khích lệ mà em thấy ấm áp vô
cùng.

Vui lên đi anh vì anh sắp có
áo ấm. Em vui đếm ngày giờ vì
anh sắp trở về.

Chúc anh vui vẻ và thêm nhiều
sức khỏe.

Người vợ yêu quý của anh.
THU-TÂM



Sài-gòn, ngày..

Anh Nhân yêu quý.

Anh hãy bình tĩnh đọc thư này
và tha lỗi cho em.

Anhơi! Khi anh đọc thư thì
cố lè mồ em cỏ đã phủ đầy, vắng,
đã lâu rồi em không còn ở thế
gián này. Hắn anh không ngờ em

lại có thè đánh lừa anh một cách
sâu sắc như vậy.

Hai bức thư trước, cũng như
thư này đều mang tuồng chữ của
em như anh đã biết, anh không
thè làm được, nhưng anh có biết
đâu những điều em nói trong thơ
tòan là giả dối do óc tưởng tượng
của em để ra, chó không đúng
với sự thực ngoài đời.

Anhơi! Em đau khổ lắm khi
phải giả dối với anh, nhưng hoàn
cảnh khắc nghiệt xui em không
thè làm khác hơn được. Chắc anh
cũng biết, ngày anh vướng vòng
lao lý là ngày vi trùng lao tàn
phá hai lá phổi của em tan nát rồi,
em còn sống là sống gượng, sống
lây lắt qua ngày chớ luôn luôn em
cảm thấy thần chết lẩn quẩn bên
mình em.

Em đánh liều xin vào nằm
trong trại trù lao. Tại đây, mọi
người đều ân cần săn sóc em, mọi
người đều rất tử tế với em, em
có nhiều an ủi ở tinh thần nên
gượng nòi, và lại lúc này em cố
gượng đè còn viết thư an ủi cho
anh khỏi khổ.

Em gặp một nữ sinh, tuổi vừa
16, còn đang đi học, nhưng vì bị
lao khä nặng, nhà nghèo nên phải
vào đây. Giường chúng em nằm
khít bên nhau, nên dễ quen nhau.

Bích Lệ là tên của cô nữ sinh ấy, cô ta chỉ còn một người anh thường vào thăm viếng cho quà. Thấy Bích Lệ được người thăm viếng em không khỏi chạnh lòng nghĩ lại số phận mình. Ai thăm viếng em? Duy có anh là làm cho em khỏi khổ, nhưng anh ở mãi trong tù, bà con họ hàng thì ở xa, đến nước này cho họ biết càng thêm đau lòng.

Một buổi chiều kia, Tường vào thăm có mang cả bút mực cho Bích Lệ viết nhí nhít ký. Thấy bút mực, em này ráo ý-nghĩ viết tui cho anh. Anh ơi! Lúc này sức khoẻ của em kém lắm rồi, em có giỏi chịu đựng thì cũng chừng ba tháng nữa thôi. Trời ôi, anh sẽ đau đớn đường nào khi nghe tin em chết? Anh sẽ khóc khi biết rằng mất em, rồi biết đau anh nghĩ đến điều cùng quẫn đe chết theo em.

Anh ơi! Em chết dàn cảnh rồi vì bình em nguy kịch quá, vô phương cứu chữa, còn anh, anh phải sống để làm lại cuộc đời. Anh ôi, lá vàng rụng xuống thì thôi, lá xanh còn thiểu gì nỡ bụi hồng. Anh phải sống cũng như cẩn thận cho anh những điều đau khổ, em mới nghĩ cách viết thư cho anh.

Em chỉ viết vào buổi sáng là

tinh thần em tinh táo nhất, sức khoẻ được tăng cường bằng mấy mũi thuốc trữ sinh, em làm thế để giữ tuồng chữ cho được cứng-cắt, ý-nghĩa được mạch lạc, tránh sự run rẩy, rối loạn, thầm mệt của buổi chiều hay lúc hoàng hôn xuống.

Em viết một lượt ba bức thư, rồi trao cho Bích Lệ dặn dò mỗi sáu tháng gửi cho anh một bức theo thứ tự ngày tháng đã định rồi. Bích Lệ rất hiều mọi nỗi buồn thương đau khổ của kẻ sắp lìa đời, hứa làm đúng theo lời em và cũng thường an ủi em.

Anh ơi! Anh tha thứ cho em nhé, em đã tưởng tượng ra câu chuyện hồi sinh, làm cô giáo, ba đứa trẻ mang tên Tường, Bích, Lệ là em mượn của anh em cô Bích Lệ rồi em vẻ vời câu chuyện dạy học có ý-nhi, em nghĩ rằng khi đọc đến anh sẽ quên đi những giờ phút nặng nề trống trải.

Còn 500 đồng và chiếc áo len? Em chắt mót nhiều ngày được ngăn ấy em gửi hết cho anh. Nghe anh than lạnh mỗi khi đêm về, cô Bích Lệ tặng em những trái len màu cẩn rươi em dùngдан áo cho anh, em muốn chuyển sang chiếc áo hơi súc tàn của em để khi mặc vào anh có cảm

giác chúng ta chuyền hơi ấm cho nhau.

Trong những ngày cuối cùng, đêm nào em cũng thao thức trong những cơn ho xé ngực, em nhớ người canh gác trại lao cao di mái tóc huyền đã cắn cỗi sau bao ngày liệt giường liệt chiếu, cốt sao cho tấm thân được nhẹ nhàng khi về bên kia thế giới. Em cũng thường cầm tay Bích Lệ rung rung nước mắt bảo rằng : « *Thu Tâm không thích giả dối, nhưng Thu Tâm phải làm như vậy là để cho chàng khỏi khóc..* »

Anh Nhân yêu quý ơi ! Anh rõ lòng em chưa ? Em nghĩ rằng mắt em anh khóc lắm, nhưng thư

này tới tay thì anh đã được tự do đón chào ánh sáng, anh trở về với cuộc đời riêng biệt chứ không phải như con chim bị giam cầm trong lồng, anh sẽ khỏe vì em, song lúc này tất anh có thừa can đảm đương đầu với cái khóc mà làm lại cuộc đời, thương em, chỉ xin anh ghi lấy hình ảnh em trong tâm tưởng.

Người chết không bao giờ sống lại, anh chẳng nên lưu luyến làm chi với người bạc mệnh, anh hãy vui lên chọn lấy ngày mới với niềm yêu ý sống.

Vĩnh biệt anh...

Người vợ yêu quý của anh,
THU-TÂM.



* NHẠC KHÉO

Hai người bạn đang trò chuyện nơi phòng khách. Một bà bạn đến chơi, và khi ngồi, vô ý ngồi lên cái mā của ông khách đè trên ghế. Ông khách điếc người nhưng vì lịch sự, không dám nói. Chợt ông chủ nhà bảo :

— *Dạo này trông chị béo ra đấy !*

Bà khách :

— *Không, tôi già đi hết mấy ki đấy, anh à.*

Ông khách bạn với xen :

— *Đa, như vậy là vừa với cái vóc của bà lão. Và...cũng may cho cái mă của tôi !*

T.L.L.

HỒI KÝ

Một Đời Người

* THIẾU SƠN

PHẦN THỨ HAI

NƯỚC CHƯA ĐỘC LẬP MÀ ĐÃ GẶP VẠ GIÓ, TAI BAY

(Tiếp theo P. T. số 21)

TÔI đã sống một đêm kinh khủng và một ngày lịch sử. Đến 8 rạng ngày 9 tháng 3 năm 1945 tôi nằm nhà nghe súng nồ nhó bắp rang. Nồ từng chập, từng hồi. Nồ rồi ngưng. Ngưng rồi lại nồ. Ngưng phía này rồi lại nồ phía khác.

Nhưng tối gần sáng thì ngưng bất. Tôi mở cửa ra để tiếp nhận lấy một tin quan trọng : Nhật đảo chính Pháp.

Thế là chỉ trong một đêm, quân đội Pháp bị giải-giới, tướng lãnh Pháp bị cầm tù, những thực-dân lớn, nhỏ lần lượt bị lượm ráo.

Trên những công thự, công-sở

còn Pháp bị triệt-hạ nhường chỗ cho cờ Nhật ngạo-nghê tung bay.

Tôi sinh ngày 9 tháng 3 năm 1908. Cũng ngày 9/3 năm 1945, tôi thấy chủ - quyền Pháp bị lật đổ. Tôi đã sống được 37 năm chẵn dưới sự bảo-hộ của « Mẫu quốc Lang-Sa ».

Tôi thèm khát một sự thay đổi theo mơ-ước của tôi thì tôi lại phải chịu đựng một sự thay đổi mà tôi hằng lo ngại.

Rồi Triều-dinh có Nội - các mới mà Thủ-Tướng là ông thầy cũ của tôi : nhà học giả Trần Trọng-Kim.

Bắc-kỳ có Khâm-sai đại - tham
là cụ Phan-kế-Toại.

Nam-kỳ là thuộc địa cũ vẫn
giữ y nguyên trạng và có một
thống đốc Nhựt thay thế cho
thống đốc Pháp. Ở mỗi miền đều
có cố-vấn Nhựt. Ở trên hết cũng
có người Nhựt làm cố-vấn tối-
cao điều khiển Phủ Toàn Quyền
cho toàn cõi Đông Dương.
Thé là nước tôi chưa độc-lập và
bản-thân tôi cũng chưa có tự-do.
Báo chí còn kiem-duyet. Điều ứng
phải trình thêm giấy tờ. Mà người
lính Nhựt còn hầm hù hơn người
lính Pháp.

Tôi thấy người Pháp thất thế
bị người Nhựt và bọn thân Nhựt
nhục mạ và hành hạ, tôi bất nhẫn
trong lòng.

★
Ở gần nhà tôi có một tên Tây
lai mở lớp dạy học tư và kiêm
luôn nghẽ viết báo. Thằng đó tên
là Peyret. Nó làm phách và hung
hăng quá cỡ. Người lối xóm ai
cũng ngán nó. Con nít lối xóm bị
nó rượt đánh lu-bù. Con tôi
cũng bị nó hành - hung ôm mặt
về khóc với ba má. Tôi dã nhiều
lần cự lợn với nó và chắc chắn là
nó không có cảm tình với tôi.

Sau ngày Pháp bị đảo - chánh
đồng-bào Việt-Nam áp lại rượt

dánh làm cho nó vừa chạy vừa
lá. Tôi khuyên đồng - bào không
nên trả thù, trả oán, thứ nhứt là
đổi với những kẻ đã thất - thời.
Đồng-bào đã nghe lời tôi nhưng
chắc chắn là Peyret không hiểu
tại sao người ta lại buông-tha nó.

Vài ngày sau có một người
Nhựt mang súng sáu lại nhà tôi
dẫn theo một người thông - ngôn.
Tôi đi khỏi thì hắn dặn vợ tôi
nói lại với tôi chiều bữa sau tôi
phải ở nhà chờ hắn lại nói chuyện
cần. Tôi chưa biết chuyện cần ra
sao nhưng chắc là lành ít, dữ
nhiều.

Nhưng bữa sau tôi cũng phải
ở nhà chờ hắn. Hắn tự xưng là
sĩ-quan tham-mưu nhưng mặc
thường phục. Mặt có sắc giận
nhưng không mất vẻ hiền-tử. Hắn
nói tiếng Pháp được nên khỏi
phải thông-ngôn. Hắn nói :

— Tôi nghe nói ông thân Pháp
và bài Nhựt, vậy ông hãy cắt
nghĩa giùm về thái-độ đó.

Tôi hiểu liền ai đã tố-cáo tôi
và kẻ tố-cáo nhứt định phải là
tay-sai của Nhựt. Tôi hỏi lại hắn :

— Xin ông cho biết do đâu
mà có cái dư-luận đó về tôi.

— Hắn nói :

— Do một nguồn tin mà tôi
phải giữ bí-mật.

Tôi lấy lại bình-tĩnh, mới hàn-

ngồi dề tôi giải-thích cho hắn nghe.

Tôi nói :

— Trước hết xin phép cho tách 2 câu hỏi của ông thì tôi mới có thể trả lời được. Nói tôi thân Pháp, nhưng thế nào là thân Pháp ? Nếu trong nhà có chúa-sách Pháp, biết đọc chữ Pháp, nói tiếng Pháp, hâm mộ những tư-tưởng tự-do và nhân-bản của Pháp, sùng-bái những danh-nhân Pháp đã cho tôi những bài học yêu nước, yêu công-lý, ghét cường-quyền và bạo-lực. Nếu như thế mà bảo là thân Pháp thì tôi không chối cãi. Nhưng có hai nước Pháp : nước Pháp tinh thần, nước Pháp cách-mạng, nước Pháp tiến-bộ, nước Pháp đó tôi yêu và chắc ông cũng không nỡ ghét vì một người nói tiếng Pháp rành như ông phải là người biết hâm-mộ nước Pháp đó.

Nhưng còn một nước Pháp nữa, nước Pháp thực - dân đã xâm-chiếm nước tôi và làm cho đồng-bào tôi lầm than đau-khổ, nước Pháp đó, tôi ghét cay, ghét đắng. Một người có đôi chút học-hức không thè yêu cái nước Pháp đó được...

Hắn ngồi nghe tôi mà sắc-diện

lần-lần thay đổi, thỉnh-thoảng xem đầu nhẹ-nhé dè tỏ ý biếu đồng tình.

Tôi nói tiếp :

— Như thế thì sự thân-Pháp của tôi đâu phải là một cái tội ? Vả lại, giữa một người đã thắng - thắn nói tất cả ý nghĩ của mình ra với ông và một kẻ là người Pháp hân-hỏi mà phản lại quê hương của nó, nó cáo gian tôi dề trả một mối thù... Giữa hai người, xin ông lựa người nào xứng đáng lòng tin cậy của ông. Đầu ông không nói tôi cũng đoán được tên diêm chỉ của ông rồi.

Tới đoạn này tôi thấy hắn có vẻ suy nghĩ rồi vui vẻ hỏi tiếp tôi :

— Thế còn ý kiến ông đối với nước Nhật ra thế nào ?

Lúc này tôi thấy đường như tôi đã thắng thế nên cũng tươi cười mà đáp lại :

— Một khi tôi đã biết thương yêu đất nước và đồng bào của tôi và biết căm ghét bọn xâm-lăng thì ai hạ được chúng nó tức là ân-nhận của nước tôi. Trước hết là tôi phải cảm ơn các ông. Còn sự yêu ghét là việc của tình cảm

Nếu các ông đáng yêu thì sẽ được yêu, đáng ghét thì sẽ được ghét tùy theo hành động của các ông. Nếu các ông thật tình thương yêu chúng tôi, Không ầm ĩ, không từ lợi thì các ông tin rằng chúng tôi không hà tiện tình yêu đâu?

Anh chàng xem chừng vừa ý, thưa tình thoáng đèn thăm tôi vì

anh thích người nói thẳng và nói thật.

Sau đó tôi có thấy anh ghé bên nhà thằng Peyret và chắc tên Pháp gian này đã lãnh được một bài học đích đáng.

Nhưng, thật là chưa chát! Nước chưa độc lập mà tôi đã gặp vạ gió tai bay.



* OAI HÀ

Hai ông bàn tâm sự với nhau.

— Ngày anh, những khi anh đi quá nửa đêm mới về nhà thì anh nói sao với chị ở nhà?

— Tròi ơi, những lúc đó đau có phải là tôi nói!

* MÌU CAO

— Ngày anh, tôi thấy ở hiệu X có cái xe ô-tô giống hệt cái xe của anh bị mất cách hôm tháng rồi. Anh đến xem có phải nó không?

— Chính cái xe của tôi đấy. Tình cờ tôi đi ngang đấy và ngờ nên già tảng vào xem thì đích thị là xe tôi.

— Sao anh chưa đi thưa bá tộ.

— Ấy, tôi vẫn đến trống chừng và đợi họ thay sơn mới cho rồi và thay mấy cái bánh cũ đi đă.

* Ở MỘT TRƯỜNG THI THẨM TỬ

Giám khảo.— Nếu anh chỉ có một mìn mà gấp phải 6 lần cướp cho xe đuổi theo anh với tốc độ 120 cây số mỗi giờ, anh đổi phò cách nào để thoát thân?

Thí sinh.— Tôi... sẽ cho xe tôi chạy 150 cây số mỗi giờ.

T.L.L.

SANG MÙA

Đã thấy hoa mưa cài mái tóc
Cuối trời nắng nắng áng mây qua
Cánh chim sâu bạn bơ vơ khóc
Có kè bên thèm tim xót xa

Đã thấy người đi sắm áo len
Nắng đà rụng úa, vàng chiều êm l..
Không-gian rún-rày, chiều ên tím
Gió đuôi mơ hồ những bóng đêm...

Đã thấy sâu thương trong xác hoa
Tiếng trùng thưa thót gọi canh ba
Sao khuya gòi yếu, màu tang-ché
Hiu-hắt ngoài hiên gió lạnh qua

Đã thấy đường khuya vắng bóng người
Một vài xe nhỏ lướt qua thôi !
Đêm sâu heo-hút lên huyền-bí
Có tiếng gì rơi tự đình trời ?

Có bóng gì qua trong trái tim
Như là... nhưng vẫn chỉ im...im..
Có chăng thấy một đỉ tình lá
Một ý gì qua như bóng đêm.

Ban-nê-thuật, 9-59
MẠC HỒ PHONG

THẦN-BỐNG PHÁP

ĐÂY, tôi xin dịch một bức thư của cô Thi-si tí hon, gửi cho một bạn thân của cô, tên là Philippe :

“Yêu thương, Philippe a, là hiều biết và thụ nhận, Tôi, tôi hiều cái điều ấy vào hồi Noël rồi, cái ngày để sợ hãi mà tôi được biết cái trống rỗng, cái trống rỗng gặp thấy trong chiếc giày nhỏ cũ kỹ mà tôi đặt trong lò sưởi. Bạn hẳn còn nhớ, trước cái hôm ấy, bạn đập vỡ tất cả những ly để làm cho tôi vui



Minou Drouet

lòng. Noël đến, làm cho tôi sợ hãi. Ngày đó, tôi được biết có những trẻ con mà Noël không có với chúng, những đứa trẻ mà hì đồng Jésus không có xuồng cõi trần. Chỉ mình Y.N. là hiều, là thương cảm cho tôi. Tôi vẫn giữ đây anh lùn, đứng tilt trên đỉnh trái thông của Y.N. và chiếc lồng ởng kính bốc khói. Tấm lòng của N., bàn tay của N., Tôi muốn viết cho N., nhưng rồi tôi

Nữ Thi-Si 8 tuổi

* TỪ TRẦM LÊ

ngại làm N. phiền muộn, mà tôi thì lại mê mẩn làm sao. Noël, cái lạnh để sợ ấy, cái trống rỗng đào ra nái nái kia giữa những kè kè khác và tôi... Ở giữa tiếng nói của họ và tai tôi, có chỗ cho một chiếc giày nhỏ đã hư mòn, không gót, mãi hả ra, hả ra trên cái trống

rỗng, cái trống rỗng của những con mắt người chết. Chiếc giày ấy, không ai thấy lại nó cả, tôi đã cất dấu nó và tôi nhìn nó, với cái mồm dán-dám lại trong tiếng kêu, những giây giày thì rú ruột như tóc người chết đuối, sờ bụng trơ ruột rã rời.

Tư tưởng thật dị thường, lại là chuyện dị thường vì tác-giả những giòng « lùy bút Noël » mà chúng tôi dịch ra trên đây chỉ là một cô bé mới 8 tuổi đầu, cái tuổi nói một câu thông dụng hàng ngày cũng chưa được suông-sé. Cô bé ấy là MINOU DROUET, mà hẳn các bạn có nghe nói đến. Hôm nay, tôi muốn kể các bạn rõ về luận-diệu của văn-giới Pháp trong sự phản-nhận và công-nhận cái thiên-tài thần-dồng ấy. Phải, cái « tài không đợi tuổi » ấy đã làm chấn động giới văn nghệ Pháp, làm cho Hàn-lâm viện Pháp chia rẽ nhau, làm cho giới phê-bình chống đối nhau.

Chính do một quyền sách ấn hành làm 500 bản và không bao giờ đem bán đã làm cho cô bé MINOU DROUET tiếng tăm lừng lẫy và là cái ngòi của cuộc tranh chấp nói trên. Quyền sách ấy, 48 trang gồm một số bài thơ và một

số thư chọn lọc của Minou Drouet, do nhà xuất bản Julliard in ra, không bán, để « ghi dấu » và gửi đến các nhà phê-bình. Một tháng sau đó, tờ Figaro gửi một phóng viên đến, khám phá nữ thần-dồng thi-sĩ ấy. Một lá thư của một nữ độc giả tờ Figaro mở màn « VỤ ÁN DROUET ».

« Một đứa trẻ không thể viết được như vậy », đó là lời quả quyết của nữ độc giả ấy đối với những câu văn và thơ của Drouet mà tờ Figaro trích dẫn ra, trên mặt báo.

Nhà Bác-học trú-danh PAS-TEUR - VALLERY - RADOT ở Hàn-Lâm-Viện Pháp đáp :

« Một số trong chúng ta công nhận những thiên-tài, nghĩa là những cá-nhân vượt cái mức-chung. Thiên-tài là một thiên-bàn dị-thường, quái-gõ, có thể nói là không đính-dắp gì đến cá-nhân thụ-hưởng nó và cá-nhân ấy chỉ là nơi tàng-trữ-thôi. Tại sao một nhi đồng thi-si lại không thể diễn tả được, ngay vào những năm đầu thơ ấu của nó, cái thiên-tư-kỳ-diệu mà nó hưởng thụ ? Người ta đã nhìn nhận hẳn rằng, sự ấy là khả-hữu đối với những nhà toán-học, bằng chứng là PAS-

CAL kia, đối với bên nhạc bằng chứng là MOZART. »

... Đối với tiếng « thiên tài » đều lèo áy, liền ngay đó có tiếng « phỉnh lừa » đáp lại. Tờ báo *Elle* gọi một phóng viên đến Pouliguen là nơi cô bé DROUET ở với bà mẹ nuôi. Và tờ *Elle* đăng tái kết luận cuộc điều tra của mình như sau : « Minou Drouet không thể viết nổi những bức thư và những bài thơ mà người ta đã in ra đó. Chính là mẹ cô ta đọc cho cô ta viết ».

Bên phe công nhận, những lãnh tụ, ngoài ông Hàn lâm Pasteur Valléry Radot kè trên, có nhà phê-bình văn-nghệ của tờ Figaro, ANDRÉ ROUSSEAU, và một tu sĩ, cha LELONG.

Đối với quyền sách của Minou Drouet, André Rousseau viết : « Thật là một dịp may mắn tốt đẹp cho chúng ta dễ thấy trẻ lại phần nào, trong khi chia tay cho một cô bé dề nói với cô ta rằng người ta tin nơi cô và người ta cảm ơn cô đã làm sáng rạng lên cái cõi đời xám xịt khổng cùng này của chúng ta ».

Về phần cha Lelong, ông cho ở nơi cô bé ấy có một ân huệ — « không có chữ nào đáng hơn » —

ông giải thích — dề diễn tả cái gọi là một thiên bẩm từ một nguồn gốc huyền bí như thế — để giúp cho một cảm - hứng và thực hiện những điều vượt bực kỳ diệu ấy.

Những nhà giám định và phản giám-dịnh bút tướng, kẻ thì quả quyết mẹ nuôi của Minou Drouet nhái tướng chữ của cô ta, người thì xác-nhận đó là tướng chữ của chính Drouet.

Các bạn đọc thử mẩy câu dưới đây xem :

« Gió là con chim to đáp đôi cánh trong chiếc lồng ».

« Những con chim sẽ là những người học trò viết trên tuyết bằng đôi chân ».

« Người câu cá đột cái nón chụp rộng, ở xa trông như một cây nấm to tướng đang ngồi câu ».

« Lớp tuyết khóc ở giọt tranh mái nhà, vì nó biết nó không sống được lâu dài ».

Mấy câu trên đây là của Mozart viết nên vào lúc tuổi cũng còn bé con như Minou Drouet hiện thời. Nhưng có kém gì của Jules Renard như :

“ Cây cối trao đổi chim cho nhau như những lời nói »

“ Mỗi con kẽm giống con số 3. ”

Một lồ kiến ? 3.333.333.333.
333.333.

«Con đóm đóm : một nhieu
trắng trong cỏ».

«Con bướm bướm : một mảnh
glãy yêu đương xếp làm hai
tím một đĩa chí hoa».

Các bạn nghĩ thế nào về trường
hợp Minou Drouet ? «Thiên tài»
hay «phép gai» ?

Sau đây là một bài thơ của
Minou Drouet :

ARBE, MON AMI

*Arbre, mon ami
mon pareil à moi
si lourd de misique
sous les doigts du vent
qui le feuillettent
comme un conte de feés
arbre
qui comme moi
Connais la voix du silence
qui balance
le profond de tes mèches vertes
le frisson de tes mains vivantes
arbre
mon ami
mon tout seul
perdu comme moi
perdu dans la ciel
perdu dans la boue
laqué de lumière dansante
par le pluie
arbre
écho de la peine du vent
de la joie des oiseaux
arbre dévêtu par l'hiver
je le regarde pour la première fois.*
(Xem qua trang 35)

Hôm tháng 6, vừa qua
được tin nữ thi sĩ Thân đồng
Minou Drouet làm lễ Sơ-lanh
Thánh-Thè (Première Com-
munion), các em Nữ-sinh các
trường tiểu-học Milan ở Ý
cô gởi thư sang Pháp mời
«Bạn Minou» sang làm lễ
Sơ-lanh Thánh-Thè tại nhà
thờ Milan. Minou đi với mẹ.
Đến ga Milan, giữa một đám
đồng các nhà báo, nhà văn,
các thợ nhiếp ảnh và công
chúng, vỗ tay đón chào, cậu
đại nhạc sĩ đương-cầm Ý,
Massimo Barbieri, cũng thản
đồng 12 tuổi, là cậu bé cầm
phục Minou nhất, ôm bó hoa
tiến đến tặng «Nàng» ! Nữ
Thi-sĩ 8 tuổi đọc một bài thơ
của nàng bằng tiếng Ý, tặng
một đám các em mù đón nàng
ngoài cửa ga. Cậu nhạc sĩ
thân đồng Barbieri đi theo
nàng, bén lên đặt trên má
«Minou» một cái hôn ngây
thơ và bảo với nàng trước
niết các nhà báo : « Lớn lên,
tôi sẽ cưới em nhé ! » Nữ Thi-
sĩ tí hon chớp-chớp lông mi,
không biết trả lời làm sao...

DIỆU-HUYỀN

• Diệu-Huyền tạm dịch :

Hồi Cây, bạn của ta,
Giống như ta
Nặng nhẹ âm nhạc
Đứa ngôn ngữ của gió
Lát mì lung tơ
Như một chuyện thần tiên,
Hồi Cây
Mì giống như ta,
Hiển tiếng nói của im lặng,
Mì đưa đầy
Những ngọn tóc xanh rì âm u của mì,
Những bàn tay linh động
Rung rinh của mì,
Hồi Cây,
Bạn của ta,
Duy nhất của ta,
Lạc mài như ta,
Lạc mài trên trời i
Lạc mài trong đất bùn
Như tẩm sơn mài
Hàng ánh sáng đang khiêu vũ
Của mìa,
Hồi cây
Tiếng vang sầu của gió,
Vui của chim,
Hồi cây xơ xác
Giữa mùa đông,
Ta ngó mì lần đầu tiên.

N HÀ



giấy thép

* NGUYỄN TRIỆU

«Đây đâu mà bắc ngang trời»
«Thuốc đâu mà chữa con người
lắng lor...»

DÓ là một câu vè có từ thời Tây-thuộc (sau này biến thành ca-dao), có tự khi người Pháp bắt đầu chăng giấy thép ở nước ta, từ Nam ra Bắc.

Hồi bấy giờ tôi mới độ 9 hay 10 tuổi, bập-bẹ quốc-ngữ, cha tôi làm việc tòa sứ bên tỉnh «mới» tức Thái-Bình cách Nam Định 20 cây số. Một hôm mẹ tôi lấy giấy bút ra đọc cho tôi viết thư sang Thái-Bình hỏi thăm cha tôi và cho ông hay là tôi đã biết viết và đọc chữ quốc-ngữ.

Viết thư xong, mẹ tôi bỏ vào phong bì rồi bảo tôi vào bếp lấy mía hột cơm đưa ra, mẹ tôi dán phong bì lại rồi đưa cho tôi 4 xu, bảo đem ra nhà giấy thép đưa thầy ký bán cho cái tem

rồi gửi sang Thái-Bình cho cha tôi.

Vào tới nhà giấy-thép, tôi thấy thầy ký đẹp già quá, ngồi trong khung cửa vuông vuông, thầy đội khăn lụt có búi tóc, nhìn tôi mọi cách âu-yếm. Tôi vái chào, thầy gật. Kinh cần dưa thơ và 4 xu nói xin bán cho cái tem thì thầy vui vẻ lấy trong tủ ra một con niêm nhỏ, thầy lè lưỡi liếm rồi dán lên bao thư, bảo tôi đem ra bỏ vào thùng thư ngoài cửa. Tôi không khỏi thắc mắc và có lính tò mò với cái đầu óc non nớt, suy nghĩ mãi làm sao nước miếng thầy ký lại dính như keo...! bụng bảo dạ : Các cụ thường nói «miệng nhà quan có gang, có thép»... thế thì biết đâu mồm các thầy ký có hò, có keo... nhưng lại còn tò mò muốn biết, thư của mình nó sẽ leo lên dây thép rồi chạy sang tinh. Mới cách

nào...? Tôi ra gốc cây soan tây (miền Nam gọi là cay Đẹp) có bông mít ngoi châm chu ngó lên mẩy sợi dây thép tự trong nhà giày thép ra, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa, không thấy gì cả, đành bỏ về ăn cơm, rồi 2 giờ chiều lại đi nữa để khám phá cho ra kí được ! 2 giờ rưỡi làm việc, tôi lai tò mò hỏi thầy ký sao thư tôi không thấy chạy...tôi ngồi ngóng mấy tiếng đồng hồ nhìn lên giày hép không thấy là thư của mẹ tôi chạy đi ? Thầy ký vỗ vai tôi nói: «Trạm láy di từ lúc mười giờ trưa cậu biết sao được ! giày «thép là để đánh giày thép đâu «có phải là thư chạy trên sợi giày «thép được ! Bây giờ ông chủ «chưa ra, cậu vào trong kia đứng «ngoài cửa trông vào bàn „Mojet» «thì biết ...» Tôi vào bên trong, đứng nép vào bên khe cửa, nhìn vào thì thấy một cái bàn nhỏ, trên có bộ máy «mojet» với thầy ký nữa ngồi bên, coi cũng «đẹp» giài như thầy bán tem và nhiều tuổi hơn một chút, thầy mắm môi mắm lợи gỗ tay lên bàn chan-chát... hê thầy ngưng tay thì máy trên bàn lại kêu liên thanh lách-tách và có một cuộn băng nhỏ băng giấy xanh, chạy ra... Lúc này đầu óc tôi lại rối loạn hơn nữa, muốn hỏi cho ra để học hỏi thêm cho biết nguyên do về «đánh giày thép» cột giày thép và thầy ký giày thép, đang ngần-ngo thi thấy ông chủ to lớn, phờn bụng, từ trong nhà bước

ra một cách uể-oải và nặng nề. Thầy ký bán tem lại xoa dầu tôi bảo: «Kla ông chủ đã ra, cậu về đi rồi nếu muốn biết, chủ nhật đại đây tôi chỉ dẫn cho !»

Tôi đang bối rối tìm nguyên do «sợi giày thép» chưa ra thì lại bị một danh từ «Mojet» phảng phất ngoài mang óc tôi. Mình vẫn biết một là gì rồi nhưng còn con một này nữa nghe nó kêu khác vì ở nhà đêm ngủ tôi thường nghe trong những cột gỗ hay giường, vẫn có một nó kêu lảm khe không ngủ được và trong mấy câu phuong ngôn, tục-ngữ cũng thấy câu «Một ăn cát sắt», «sán dán một nước» đây chắc là thứ Mojet khác.

Lớn lên, năm tôi ngoài 20 tuổi mới biết được dày là «Morse» tên của một nhà vật-lý-học Hoa-ký tên là MORSE (Samuel), phát minh và sáng-chế ra thứ máy truyền tin bằng điện và phải chằng giày từ nơi này qua nơi khác để truyền điện đi, nên ta cứ gọi là máy giày thép, rồi có nhà giày thép, thời Tùy thuộc là «P.T.T.» nay ta gọi là Bưu-diện hay Bưu-chánh, ty Bưu-diện hay ty Bưu-Chánh.

Morse (Samuel) là một Vật-lý-học-gia và họa-sĩ Mỹ sinh tại Charlestown năm 1791 mất tại Nữu-Ước vào năm 1872.

Morse qua nước Anh được hội Mỹ-nghệ Adelphi thường cho bội tinh vàng và đến năm 1815, trở

về Mỹ, qua năm 1824 Morse mới tồ chức tại Nữu - ước một Mỹ-thuật hội và sau lập thành Hành-lâm viện về hội họa.

Sau này Morse lại qua Âu-châu lần nữa, đến khi trở về Mỹ mới có ý định sáng chế cái máy điện báo của mình bằng điện từ (électro magnétique).

Năm 1839 Morse lại qua Âu-châu chuyến nữa để vận động bên nước Anh và Pháp về việc phát minh của mình nhưng cũng không được kết quả mỹ-mãn. Sau được chính phủ Mỹ cấp cho 30.000 mỹ kim để tiếp tục thí-nghiệm bộ máy của Morse mới sáng chế ra và rồi được đem ra thực hiện trên đường điện báo từ Washington đi Baltimore, kế đến nước Áo, nước Pháp, Thụy-sĩ lần lượt áp dụng và khai thác máy «giày thép» của Morse. Năm 1858 các chính phủ Âu-châu gom nhau tặng thưởng cho Morse một số tiền 400.000 phật lăng... Rồi, từ đây Morse trở về quê hương bỏ nghe hội họa.

Một đây, đến năm tôi ngoài 40 tuổi, sau mấy chục năm sưu tầm và học hỏi mới khám phá ra cái thư tôi bô «thùng thư» ở cửa nhà giày thép là do phu trạm đem di chúc không phải là có «phép-thuật» cho leo lên giày thép rồi bay đi tinh này qua tinh khác; như tôi và phần nhiều những đồng bào tôi hồi thời bấy giờ vẫn thường là thế...! |

Sau tôi đọc sách sử nước ta, mới thấy rằng từ đời vua Thái-Tôn nhà Lý (1028 — 1054 sau T.L.) sử sách nước Đại-Việt đã có chép và nói đến cách thức gửi thư từ, tức là tồ-chức các nhà «Trạm» và lính «Trạm» rồi, khác hẳn với ta bây giờ là không có giày thép!

Đặt ra các «cung dịch», hay «trạm dịch» trên con đường quan lộ từ kinh thành đến các tỉnh, những nhà «Cung dịch» hay «trạm dịch» lập ngay trên con đường thiên-lý, dùng làm nơi nghỉ chân, hay để thay ngựa, thay phu của các quan chức sai đi công cán. Từ đời nhà Lý về sau, các triều vua khác vẫn theo lề lối ấy mà đặt thêm nhiều cung và trạm.

Từ triều Nguyễn thì đã đặt thêm nhiều trạm từ Huế vô Nam (Gia-Định) và ra Bắc-thành (Hà-Nội), phẫn nhiều những trạm này cất ngay ở vệ đường quan lộ và lợp bằng lá. Mỗi trạm có những chức dịch-mục hay dịch-thửa trông nom, dưới có chừng năm bảy tên lính trạm và lúc nào cũng phải có vài ba người «thường trực» tại trạm phòng khi có công văn khẩn cấp.

Những viên chức Trạm đều thuộc quyền bộ Binh và ở các tỉnh thì do quan An-sát phụ-trách việc phát lương, kiêm-soát và phân công.

Lương tháng của những lính

trạm thi tương đương với các binh lính khác của Triều đình và cũng được miễn trừ phu-phụn tạp-dịch.

Thời xưa, những công văn của triều đình hay của các quan, được đựng vào những ống tre, gọi là « ống công văn », hai đầu gắn kín bằng dây thông và có dây buộc chặt niêm phong và đóng dấu rất cẩn thận.

Linh trạm không những chỉ phải chạy công văn hay thư tín ngoài ra lại còn phải mang rương cùng hòm xiêng hay khiêng võng cát cho các quan lớn đi lại hoặc từ Huế ra Bắc thành hay từ Bắc về kinh, gọi là cách đi « do dịch ».

Ngoài ra hàng năm lại còn phải chuyên chở những phàm vật tiến công dâng Vua, như rau muống Sơn Tây, gạo Bắc Ninh, chuối Nam Định (chuối ngự) chim săm cầm Tây Hồ, nhãn, vải, Hưng Yên, quế và mía Thanh hóa v.v...

Về sắc phục linh trạm thi cũng như thường dân, chỉ có chỗ khác là trên vai họ có đeo mấy cái nhạc (lục lạc) hay cái chuông nhỏ để làm hiệu trong khi đi đường. Gioc đường khi gặp linh trạm thi ai cũng phải tránh, khi qua sông, qua đò ngang hay đò dọc, bao giờ linh trạm cũng được quyền « ưu tiên ».

Linh trạm thường phải đi bộ khi nào có việc quân sự khẩn cấp hay việc quan thi được dùng ngựa và trên vai bao giờ cũng

phải đeo vài cái lục lạc bay cả chuông để làm hiệu.

Những hành khách đi đường bao giờ gặp linh trạm cũng phải tránh, qua sông đò linh trạm luôn luôn được đi trước...

Người lính trạm mỗi khi cõi ngựa, muốn cho người ta tránh mình và khỏi bị cắn trả giục đường, thường hay cầm một nắm lông gà hay que củi cháy dở để làm hiệu (thế nèn tục gọi « Hòn than lồng gà » là thế). Có lẽ cũng vì lẽ ấy nên trong những tờ trát hay thê bài của các quan ta thời xưa thường phê hai chữ « Hoả tốc » khi nào có dịp cần kíp. Chạy công-văn, giấy tờ của Triều-dinh cũng có kỳ hạn, đợi để như khi có việc cần phải đi gấp như từ Huế ra Bắc thành, phải đi ngày đêm trong ba bữa, việc không cần trong sáu ngày, đi lâu không được quá mười hai hôm.

Còn luật-lệ thi hành trong công việc chạy trạm thi luật nhà Nguyễn đã định rằng ;

« Phàm linh trạm chạy công văn mà đe chậm phải « đánh đòn » 20 roi, mỗi khi chậm ba khắc canh, già tội một bậc, tội chỉ đến 50 roi. Nếu đe nát hay rách một giác (tức một góc) của phong bì ngoài mà không động đến nguyên phong thì phải 20 roi, mỗi 3 giác già tội 1 bậc, tội chỉ đến trượng 60. Làm hư nát một giác công-văn mà không

đến nguyên phong, 40 roi, mỗi giac gia tui một bậc, chỉ đến truong 80 mươi. Nếu làm mất dấu còng-văn hay xé ra một giac nguyên phong thì phải truong 60; mỗi một giac gia tui một bậc chỉ đến truong 100. Còn về công văn việc quân tình cơ mật thì bắt tội nặng hơn. Luật lại cùa định: Phàm những giấy tờ báo gấp việc quân tình mà cố ý không cho trạm chạy thi phải truong 100, vì thế mà hỏng nhờ việc q uân cơ thi phai « trám, giam hau ». Phàm việc quan, có những người hay đò đặc phải đem đi mà nếu đề châm lại thì mỗi ngày phải 20 roi, tội chỉ đến 50 roi, còn về việc quân nhu thi khác.

Thầy luật triều đình tuy

nghiêm khắc là thế. (não roj, trượng, trảm...) như thế chắc ai cũng yên tri rằng việc thư tín ngày xưa hoàn bị lầm nhưng luật lệ là luật lệ, còn việc thi hành thi lại khác! Các tệ tục về linh trạm ngày xưa tưởng cũng nên nói rõ: Hồi đó, những linh trạm, phần đông cứ ý mình mang công văn của triều đình nghêng ngang ở ngoài đường làm nhiều điều chướng mắt, hoặc vào nhà trọ ăn uống, làm àm ý hoặc vào làng xóm vòi chúc dịch cung ứng, hoặc nứa hông hách khi qua đó, cho nên mỗi khi có linh trạm qua hạt nào thì dân hạt ấy bị quấy nhiễu rất khó chịu. Các quan địa phương tuy có biết nhưng có khi cũng làm ngơ...

* * NGHĨA

Chàng với nàng đã lấy nhau mười năm. Đến hôm kỷ niệm ngày cưới nhau. Chàng vẫn làm việc như thường lệ. Nàng giận hờn, nhắc :

— Anh không nhớ hôm nay là ngày gì sao?

— À... à, vạy mà anh quên khuấy đt mãi!

— Chúng mình sẽ làm lễ kỷ-niệm thành hôn sao đây?

Chàng, suy nghĩ một phút, nhỏ nhẹ bảo:

— Chúng mình làm lễ mặc niêm... im lặng hai phút vây!

* HIỀU LÃM

Có giáo (giảng bài).— Đồng bình thường thân nghĩa là những người cùng một bình thường mến nhau. Em nào biết cho một cái thí dụ xem.

Liên (trò).— Dạ, như « mẹ ghẻ » thì thương « con ghẻ ».

T.L.L.

CHUYỆN NGOÀI RÌA LỊCH SỬ

NORTON I

HOÀNG ĐỀ NƯỚC MỸ

(Tiếp theo và kết)
NỘT hôm Bummer chạy rong ngoài phố, trông thấy một con chó Nhựt coi bộ ốm yếu bị một đàn chó khác xúm nhau cắn. Bummer tức thì nhảy xổ vào cắn mấy đứa dữ kia để cứu kẻ bị giết. Mấy con quỷ du côn chạy tán loạn. Bummer thấy con chó Nhựt bị mấy vết thương chảy máu nơi cẳng, liền liếm sạch cho nó rồi dẫn nó về nhà Hoàng đế Norton Ier, để dỗ bè săn sóc bạn đồng loại bị hiếp. Hoàng đế

Norton thương hại con chó đau ốm ngheo khò, bèn đặt tên cho là Lazarus, rồi từ hôm đó Lazarus và Bummer thành đôi bạn chí thân và là gác đờ co cho Hoàng đế.

Norton rất hanh diện vì đã có 2 tên lính hộ vệ trung thành và cũng là 2 nhân vật có tiếng tăm trong thành phố San Francisco..

Một hôm, một đứa bé mặt dày gặp Norton ngoài phố, nó ngạc nhiên với ngài bằng một câu khôi hài vô lễ, liền bị con chó

Lazarus chạy tới cǎo nǎ. Né là hoảng lên, cha nó nghe được chạy tới cầm cây dù đánh con chó một quật vào cõ, nhưng ông ta bị con chó Bummer nhảy chồm lên cǎo vào cõ ông. Hoàng đế Norton vội vàng la mắng Bummer rất nghiêm khắc, truyền lệnh nó dẫn Lazarus về nhà. Ngài nhã nhặn xin lỗi ông kia, rồi buồn bã theo 2 con chó đi về. Nhưng sau đó ít lâu, Lazarus bị thuốc độc chết. Dân chúng đoán thủ phạm có lẽ là hai cha con ông kia. Bummer mất bạn, buồn rầu, bỏ ăn 3 hôm. Thế rồi nó đi lang thang vì nhớ Lazarus, một buổi tối nó đánh hơi một con chuột cống, chạy vào một khách sạn, chạy lên thang lầu nó gặp một chàng say rượu từ trên đi xuống, đá nó một đá quá mạnh, nó lăn xuống cầu thang, về nhà nó đau mấy hôm rồi chết.

Báo Bulletin đăng ai tín ở trang nhứt và cho biết rằng Hoàng đế Norton ler định chiều hôm sau làm lễ tống táng chó Bummer. Theo tin của báo Bulletin tường thuật đám ma của con chó danh tiếng ấy thì có một số đồng dân chúng, và cả Hội đồng thành phố, kè di bộ, kè di xe di đưa đám ma cho đến huyệt. Bum-

mer được quấn trong một bó rơm, chiếc mè da y anh dũng ghim lên trên, và chôn cất tử tế. Hoàng đế Norton ler, vẫn mặc triều phục, đội mũ lông dà điệu, quần có sọc dò, chống chiếc dù tam sắc, buồn bã đi theo quan tài của tên lính vệ binh. Lúc về báo Bulletin phỏng vấn, ngài chỉ trả lời vắn tắt.

— Bummer là Hoàng đế tất cả các loài chó (Bummer is the Great Emperor of Dogs).



Bạn đọc đã biết Norton ler là một vị « Hoàng đế » được dân chúng Huê kỳ cảm mến. Nhưng ngài có 2 kẻ thù đã làm cho ngài nhiều phen bận lòng. Kẻ thứ nhứt cũng ở San - Francisco, mặc dầu không được danh tiếng mấy và không được dân chúng kính nể như ngài nhưng cũng là một kẻ thù đáng kinh ngẩn, hắn lấy tên là : « Tông Thống Hoa-thịnh Đốn đệ nhì » (Washington the second).

« Tông Thống Hoa-xin-tôn đệ nhì » là một anh thợ chụp hình thất nghiệp, sau làm nghề xem tướng bói bài. Y thường khoe là y giỏi về khoa tướng học (Phrenology) tức là xem cái

đầu của người ta, do bẽ ngang, bẽ dọc, bẽ tròn để biết người ấy khôn hay dại, thông-minh hay đần độn, rồi do đó mà nói được vận-mạng hay tương lai. Nhưng nghề ấy kiếm không được bao nhiêu tiền, nên anh vẫn cứ thất-nghiệp hoài. Nhân tiện anh trông thấy thằng cha Norton bỗng dừng được làm «Hoàng đế Hoa-kỳ» được dân chúng trọng vọng, ngày ngày mặc triều phục ngao du ngoài phố, chú thầy tướng John cũng nau-núc quyết thi tài với «Hoàng đế» Norton Ier. Sản có mụ vợ của chú, cũng làm nghề xem tướng bói bài khuyên khích chú, và ủng hộ chú. Một hôm, con mè bảo chồng :

— Nè, anh lại ngó trong kiếng coi cái mặt anh giống ai ?

Chàng thắt nghiệp, nghe lời vợ đứng ngó vào kiếng một lúc, rồi cười xòa bảo vợ :

— Mình ơi mình, tôi giống hệt Tòng thống George Washington !

Mụ vợ gật đầu có vẻ đặc chí :

— À ! Thế bây giờ soi vào kiếng mình mới biết à ? Chính mình là «Tòng thống George Washington đệ nhị» đó !

Thế là từ hôm ấy, anh chàng

bói bài thắt nghiệp tự xưng là «Tòng thống Hoa-xin-tôn đệ nhị». Anh đi mua ngay một quyền sú-ký nước Huê kỳ để dọc biết tiêu sứ và sự nghiệp vĩ đại của Tòng Thống George Washington, vị anh hùng thứ nhứt của dân tộc Mỹ, đã xây dựng nền độc lập của Hoa-kỳ. Chết đã lâu rồi, và được dân chúng Mỹ tôn sùng. Chú chàng bói bài thắt nghiệp liền xin tiền vợ đi may một bộ y phục giống của Tòng Thống Washington. Chàng cũng đội mái tóc perruque giả và chiếc mũ ba cạnh, một áo vét băng da nai viền đăng ten, quần cụt và vớ trắng, lén tận đùi theo kiểu Napoléon, giày den có thắt nơ.

Mặc y phục như thế quả thát anh giống hệt Tòng Thống Hoa-xin-tôn, và bắt đầu đi lang thang ngoài phố để trình diện với dân chúng. Một lú nít ranh, vô nghề nghiệp, trông thấy chàng bành bao và được mọi người dòm ngó một cách ngạc nhiên, kéo nhau đi theo chàng để coi chàng đi đâu và làm gì. Nhưng chàng leo lên trụ cầu, kêu gọi lũ con nít đứng bao bọc để nghe chàng diễn thuyết. Chàng tự giới thiệu là «Tòng Thống Hoa-xin-tôn đệ nhị», và

chàng đã có sự nghiệp vĩ đại đối với dân tộc Mỹ, chàng đã xây dựng nền độc lập của Hoa-kỳ, chàng là vị anh hùng cứu quốc. Lũ con nít vỗ tay cười : « Hoan hô ! Hoan hô ! ».

Gặp ngay giờ các sở mẩn việc, công chức, lao động, học sinh ra về đông nghẹt đường phố. Thấy chuyện lạ họ đều xúm lại coi, sau họ nghe « Tòng Thống Washington the second » diễn thuyết, một số đông đều biu môi, bảo : « Thằng diễn ! Thằng cha xem tướng đó mà ! ». Nhưng một số đông thấy chuyện khôi hài, cũng hùa vò « hoan hô » dè cười chơi. Bởi người Mỹ là một Dân tộc thích khôi hài.

Thế là chỉ trong một buổi sáng, tiếng tăm của « Tòng Thống Hoa-xin-tôn đệ nhị » đã vang lừng khắp thành phố San Francisco. Đó là một buổi sáng tháng 4 năm 1.875.

Tuy vậy, « Tòng Thống Washington đệ nhị » không được dân chún (hoan nghênh như « Hoàng đế Norton Ier » Vì vậy mà có sự hiềm khích giữa nhì vị anh hùng. Một buổi chiều, trong một tiệm cà phê ở đường số 120. « Hoàng đế Norton Ier » đang uống cà phê

như mọi kẻ thường dân, bỗng chàng « Tòng Thống Washington đệ nhị » vênh vao bước vào. Thấy « Hoàng đế » Norton trố mắt ngó mình, « Tòng thống » hỏi « Hoàng đế » :

— Tại sao anh không chào « Tòng thống Washington » ?

Norton tức giận mắng lại :

— « Hoàng đế » Norton Ier chỉ chào những người nào có chào mình. Chú mầy là một thằng bip bợm.

« Tòng thống Washington » trả đũa lại :

— Bip bợm là mầy !

« Hoàng đế Norton Ier » tức thì cầm cây dù đậm vào đầu « Tòng Thống ». « Tòng Thống » không chịu thua, cầm can dù đậm lại.

Cuộc ẩu đả rất là náo nức. Ông chủ tiệm cà phê, hình như là một kẻ phục kính « Hoàng đế » Norton, chạy xô vào đánh « Tòng Thống Washington » mẩy cái tát. Nhiều người khách hàng đang uống rượu chạy đến bình vực « Hoàng đế ». Nhưng cũng nhiều người vốn không ưa Norton, lại ủng hộ « Tòng Thống » Huê kỳ và cầm cà chai lẩn ly quăng vào đầu « Hoàng đế ». Bỗng dung tiệm cà phê chia làm 2 phe : môt phe bình

vực «Hoàng đế Norton đệ nhứt» một phe ủng hộ «Tông Thống Washington đệ nhị».

Cuộc ầm ầm kéo dài trong nửa tiếng đồng hồ rượu, cà phê, ly, tách, chai, bình bêng, đĩa, chén, muỗng, nĩa, dao, đua nhau bay trong tiệm, đỗ vỡ tan tành, biến thành một chiến địa.

Cảnh sát ùa vào dẹp một lúc mới yên.

Sáng hôm sau báo Bulletin bán chạy như tôm tươi. Nhà báo tường thuật vụ ầm ầm lý thú trong tiệm cà phê đường 120.

Kể đó, «Tông thống Hoa-xin-tôn» thân hành đi dán những tờ áp-phích ở khắp các đường, kêu gọi dân chúng phải đóng góp tiền để trả lương cho «Tông thống». «Hoàng đế Norton Ier» liền sai người đi xé hết áp phích ấy và dăng trong báo Bulletin một sắc lệnh kết án anh chàng thây bối đã dám tự nhận là Washington.

Dân chúng dần dần bỏ rơi anh chàng «tông thống» kia và tiếp tục ủng hộ «Hoàng đế Norton đệ nhứt».

Người thù thứ hai của Norton cũng là một chàng thợ nghiệp khác Ké tiều tốt vô danh này một hôm bỗng tự xưng là «Hoàng tử Stel-

lifer » và dán áp phích khắp nơi tuyên bố «Hoàng đế» chính thức của Hoa kỳ.

Nghệ tin có «Hoàng tử Stellifer» ra tranh giành ngôi vua, «Hoàng đế Norton» nổi giận, liền gửi đăng trong báo Bulletin và các báo khác một đạo dụ ra lệnh cho Tòa án New York kết án anh chàng bịp bợm về tội «phiến loạn».

Sự thực thì hai hôm sau, Stellifer cũng bị nhà cầm quyền Nữu-ước bắt giam thật, nhưng không phải là tội phiến loạn mà là tội lừa đảo nhiều nhà hàng trong thành phố có đưa đơn thưa chàng đã giật họ nhiều món tiền lớn, Stellifer bị tù. Sẵn dịp đó các báo ở San Francisco liền đăng những bài ca tụng «Hoàng-Đế» Norton được các nhà cầm quyền ở New York kính nể và sợ uy quyền của ngài. Dân chúng trầm trồ với nhau tại các tiệm cà phê: « Ghê chưa ! Theo lệnh của Hoàng đế Norton Ier, tòa án Nữu Ước đã bỏ tù Stellifer ! »

Gần cuối tháng chạp năm 1879 Joshua Norton đăng trên báo Bulletin một sắc lệnh truyền cho toàn thể dân chúng Huê kỳ mở những cuộc vui từ thiện nhân dịp lễ Noël, để cứu giúp những người

nghèo khồ. « Tuân theo lệnh » ấy, Hội đồng thành phố San Francisco có trồng một cây Noel và mở cuộc tom-bô-la để giúp vào quỹ nhì đồng của thành phố.

« Hoàng đế Norton Ier » thân hành đến dự các cuộc vui chơi với các em, vì ngài yêu trẻ nít lầm.

Nhưng vài ngày sau, đúng ngày 30 tháng chạp, Norton đang đi dạo chơi trên đường Montgomery Street, bỗng nhiên té xiu trên bờ đường. Người ta vội vàng vục ông lên xe đưa về nhà trọ. Các bác sĩ có danh tiếng trong thành phố đều được dân chúng mời đến để săn sóc cho « Hoàng đế », nhưng bình ngài quá trầm trọng, đêm hôm ấy « Hoàng đế » băng hà.

Thật là một cái tang chung cho nước Mỹ. Các báo xuất bản ngày hôm sau, đều đăng tít lớn choáng hết cả trang nhứt : « Hoàng đế Norton Ier đã chết ». Một tờ báo khác : « Ngai vàng của Mỹ không có ai kế vị ».

Đám ma của Norton được vô cùng trọng thể. Trên 30.000 người theo sau quan tài « Hoàng đế » xứ Huê kỳ, người chỉ dè lại một già tài vốn vẹn

có 2 đồng đô la, và một xấp « tín phiếu » vô giá trị. Toàn thể Hội đồng thành phố và ông Đô trưởng San Francisco đều di theo đám tang đến huyệt.

Các giới thợ thuyền, học sinh, sinh viên Đại học Berkley, bọn người thất nghiệp và công chức, tư chức, thương mai, kỹ-nghệ, đều có cử phái đoàn đi đưa đám.

Mấy ông văn sĩ và các giới áp-phe ở Pháp, Anh, Nga, Út-panh, Bồ-dào-nha, Đức, v.v... cũng đánh điện chia buồn, dưới danh hiệu là « Nữ Hoàng nước Anh », « hoàng đế Nga quốc », « Bồ-dào-Nha quốc vương », « Hoàng đế nước Pháp » v.v... để thêm phần long trọng.

Hiện nay ở nghĩa địa, Woodland Cemetery, ngoại ô thành phố San Francisco bên một gốc cây mát mẻ và ngó ra biển rộng hãy còn một nấm mò tó xi-măng, có trồng hoa xung quanh, với một tấm bia bằng đá cầm thạc cũ, khắc năm giòng chữ vàng như sau đây:

NORTON Ier

Hoàng đế nước Huê-ky và
Quốc vương xứ Mexique
(Joshua A. Norton) 1.819-1.880

— HẾT —

HÀ-PHƯƠNG

ĐÊM NƯỚC MÁT

VΥ T tĩnh giấc, quanh mình êm ả quá
Sương nặng cành, lòng xao động buồn thèm
Máy cánh hoa trán trở rụng bên thèm
Người xa vắng, nửa hồn tôi lạc lõng
Đêm nay nằm thấy toàn ảo mộng
Càng giận hờn càng thương nhớ người xưa
Tôi đã sầu mà nhân thế hay chưa?
Thiên Thần hỡi! xin dâng lời cầu nguyện
Ai nhớ ai cho khói trầm hương quyện
Tình thác oan không tìm được lối về
Chuông giáo đường chảng giải thoát hồn mê
Đêm nguyệt tận nằm nghe từng nhịp thở
Hoa lá rụng giữa sương trời lờ dở,
Ngữa nhìn lên: le lói ánh sao băng
Nghìn đêm xưa Cung Nữ khóc cỏi cản
Và nửa đêm nay tôi hờn cô độc
Tôi muốn buộc ái tình bằng tơ tóc
Giữ người yêu trong vòng lụa hoa đào
Mà yêu nhau ai ngờ lại phụ nhau
Xa cách quá, tôi vầy người không tôi
Hồn hấp hối một mình riêng thế giới
Tôi khóc người và ai sẽ khóc tôi?
Hoa héo đã phai, tình cũ nhạt rời
Nào đâu chắc chắn có ngày tàn tạ?
Yêu là thấy lòng như càng xa lạ
Mảnh hồn tiên xây mãi những giấc mơ.
(Những giấc mơ không biết rõ bao giờ!)
Tim dần chết cứ mỗi ngày một ít.
Nỗi sầu nhớ là sợi dây vướng vít
Nhưng cuộc đời soát lại có bao lâu
Một phút giây: thời gian buồm ban đầu
Rồi mất hết không còn chỉ nữa cả.
Chân bị vấp nửa đường tôi gục ngã
Nuốt ngậm hờn và nhuần thâm chua cay
Đời vẫn say và người cũng chẳng hay
Giữa tràn thế tôi sống mà đang chết.
Tình ái cũ thôi thề là đã chết
Mộng phai tàn, thương với nhớ phôi pha.
Nghìn năm sau ai tiếc Khách Tài Hoa?
Vụt tĩnh giấc, đêm nay nằm khóc ngát.

Chuyện cũ người xưa

Không Minh

* NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo số 21)

DÃ T Kinh Châu, phía Bắc có sông Hán, sông Miện, nguồn lợi ăn suốt tới Nam Hải, phía Đông liền Ngô Hội, phía Tây thông Ba Thục. Đây là miếng đất dụng vô mà chủ nhân ở đây không giữ nổi. Chẳng hay tướng quân có ý gì không?

Ích - Châu hiềm trờ đồng lầy nghìn dặm, đất ấy là kho đụn của Trời. Cao tò dã nhân nơi ấy, lập thành được đế nghiệp.

Lưu-Chương làm chủ, đất ấy là người ngu si nhu nhược. Trường Lỗ tại Bắc, dân nhiều nước giàu mà không



biết bảo tồn thương xót dân.

Kẻ có trí thức tài năng chỉ mong được đăng minh quân mà thôi.

Tướng quân vốn dòng dế thất, tín nghĩa sáng tỏ bốn bề, thâu tóm anh hùng mong gặp hiền sĩ như người khát nước.

Và chặng bây giờ Tướng quân đặt được chân ở Châu Kinh, Châu Ích rồi đem quân giữ nơi hiêm trỏ, phía Tây hòa với các rợ, phía Nam vỗ về bọn Di, Việt, bên ngoài kết hiếu với Tôn Quyền, bên trong sửa sang chính trị. Tbiên hạ gặp thời biến loạn thì sai một thương tướng đem quân đi Kinh châu hướng về Uyên, Lạc, Tướng quân thì đem quân Ích Châu ra trấn Tần, Xuyên.

Trăm họ ai là chẳng đem lảng cõi hồ nước ra đón tướng quân. Như vậy, Bá nghiệp có thè thành được. Nhà Hán có thè hưng được.

Tiên chủ nói :

— Lời Ngài dạy rất phải.

Từ ngày ấy, Tiên chủ và Gia-cát-Lượng, tình kết giao ngày càng mật thiết. Bọn Quan-Vũ và Trương-Phi đều lấy thế làm không bằng lòng.

Tiên chủ giảng giải :

— Có được Khòng-Minh như cá gặp nước. (Có chí hữu Khòng Minh do ngư chí hữu thủy dã). Xin các ngươi đừng phàn nàn gì cả.

Từ đây Quan-Vũ và Trương-Phi mới thôi.

(Sách Ngụy lược chép rằng : Lưu-Bị đương đóng quân ở Phàn-thành. Thời ấy Tào-công vừa định xong Hà-bắc, Lượng biết rằng thế nào rồi Tào-công cũng đánh đến Kinh-châu, mà Lưu-Biều thì có lính chậm chạp không hiểu quân sự. Lượng bèn đi về phía Bắc vào yết kiến Lưu-Bị.

Bị đối với Lượng không phải là người quen cũ, và Lượng bấy giờ, tuổi còn trẻ nên Bị chỉ tiếp đãi như đối với các thư sinh khác. Còn « Tam Quốc Chí Diển Nghĩa » nói về hồi Khòng-Minh gặp Lưu-Bị tuổi bao nhiêu, trước sau bấy nhất. Trong bài cõ-phong nói hồi Khòng-Minh ra giúp Lưu-Bị có câu : « Tiên sinh Nhì thời niên tam cửu, thâu thập cầm thư ly lùng mấu », Như vậy là Khòng-Minh đã vào tuổi bát hoặc. Vậy mà về đoạn dưới, Quan-Công, Trương-Phi nói với nhau :

— Khòng-Minh tuổi còn thơ ấu (Khòng-Minh niên ấu). Muốn biết Khòng-Minh bao tuổi thời ấy xin xem sau này sẽ rõ.

Mọi người ngồi vào bàn nói chuyện. Đến khi khách khích ra về cả rồi mà Lượng vẫn còn ở lại. Lưu-Bị thấy vậy cũng không hỏi xem Lương muốn nói gì! Cũng nên biết tính của Bị hay kết mủ, bấy giờ có người cho Bị một nắm lông đuôi trâu:

Tiện tay Bị cầm nắm lông kết mủ.

(Việc kết mủ bằng lông đuôi trâu • Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa • đặt vào hồi Khòng-Minh đã bỏ nơi thảo lưu vè với Lưu-Bị lâu rồi. Hai bên tướng đắc dưới một nóc nhà, đã từng nhìn thấy Tôn-Quyền đánh Hoàng tö và Lưu-Bị đã bầy cho Lưu-Kỳ thỉnh giáo Khòng-Minh về kế vạn toàn.

Thì : ‘Một hôm có người đem cho một nắm lông đuôi trâu, Huyền-Đức lấy cái đuôi ấy tự tay kết mủ.

Khòng-Minh ở ngoài đi vào chính sáu nói :

— Minh Công không còn có viễn chí nữa hay sao, mà chỉ săn sóc vào việc nhỏ mọn ấy thôi?

— Huyền-Đức vứt cái mủ xuống đất tạ rằng :

— Tôi làm việc này, để khuây nỗi sầu đó thôi.

Khòng-Minh nói :

— Minh Công tự độ lượng với Tào-Tháo thế nào?

Huyền-Đức nói :

— Tôi không bằng được!

Khòng-Minh nói :

Quân sĩ Minh Công không quá nghìn người. Vạn nhút Tào-Tháo đem quân đến lấy gì mà chống cự?

Huyền-Đức nói :

— Tôi cũng buồn về việc ấy, không biết nghĩ cách nào? Câu chuyện ‘mủ lông đuôi trâu này’ đã lạc thời gian chẳng?) Còn theo nguyên tắc thì...

Đây nhắc lại khi ấy, Lượng tiến lên nói :

— Xin tướng công hoài viễn chí? Há chi kết mủ như thế này sao?

Nghé nói, Bị biết Lượng không phải người thường, bèn vứt mủ xuống mà nói rằng :

— Ngài nói thế là thế nào vậy? Tôi vì muôn quên lo mà kết mủ đó thôi.

Lượng đáp :

— Tướng quân thử xét xem trong bọn Trần-Nam, ai là người dương nồi Tào-Tháo?

Bị nói :

11

— Không ai đương nổi.

Lượng :

— Tướng quân tự so với Tào Tháo thấy thế nào?

Bị nói :

— Tôi không sao bằng được.

Lượng :

— Nay mọi thứ đều không bằng Tào Tháo mà quân sĩ Tướng quân không được trên nghìn người thì thử hỏi chỉ lấy số quân mong manh ấy mà đối địch thôi ư? Không còn kế nào khác nữa ư?

Bị đáp :

— Tôi cũng đang ưu sầu về điều ấy, không biết tính sao đây?

Lượng :

— Nay đất Kinh Châu không phải thiếu người chỉ vì thiếu số hộ tịch đích xác. Bây giờ ta cho điều tra lập số sách rõ rệt thì chắc môt được nhiều quân.

Lưu Bị liền nghe lời Lượng theo kể ấy quả nhiên quân lính vì vậy được tăng cường.

Nhờ đó, Bị biết Lượng có hùng lược, liền lấy lễ thượng khách mà tiếp đãi. Sách « Cửu Châu Xuân Thu » cũng nói như vậy.

Thần Tùng Chi căn cứ vào lời biêu tả của Lượng (đang lên

Hậu Chu) nói « Tiên Đế » không hiềm thân là kẻ hèn hạ quê mùa, khuất thân ba lần đến thăm thẩn ở chốn lều tranh (tư uồng khuất tam cỗ thân ư thao hư chí trung)

Như vậy thì chắc rằng Lượng không đến trước cần Bị, lời ấy đã minh xác lắm.

Nhưng lấy chỗ gặp gỡ này mà nói rằng Lượng sau này muốn phản bội Bị thì thật là kỳ quái!

Lời bàn của dịch giả

Xem cuộc gặp gỡ giữa Không Minh và Lưu-Bị, hậu thế có nhiều quan cảm hào hứng.

Trước hết là việc xuất xứ của Không Minh.

Kẻ ôm mang kỳ tài ai cũng muốn đem sở đặc và sở năng của mình ra phụng sự một lý tưởng, vùng vẩy ý chí trong không gian đè tiếng vang vào thời gian.

Tài năng do trời phó thác cho nhưng chí khí điều hành phải tự mình tạo lấy.

Văn chương có tài thật, nhưng kém xa Phạm Lai, Hàn Tín đáng tài tài tướng, nhưng không thể là Cao sĩ như Trương Lượng. Phạm Tăng không phải là không giỏi nhưng quả đã làm người.

Cho nên tài cao dã là cẩn, chí cao còn cẩn hơn nữa.

Trong thời loạn như thời Hán mạnh anh hùng khởi nghĩa như ông võ tö, tài trí anh hùng đều nô nức chọn đất thi tho tài năng.

Thời này cũng na ná như thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Nhưng sau khi học thuật SƠ DIỄN ra đời, đời Tam quốc có một tinh thần rất khoáng đạt, hấp thụ tư tưởng ngoại quốc rất nhiều.

Quan niệm về « Ngai vàng » lúc suy dãi không gò bó lắm. Đất thiên hạ ai có đức thì được.

Song đứng trên quan-niệm cõi truyền thì khuông phò nhà Hán vẫn là Chính-nghĩa. Đó là một thánh kinh bất khả xâm phạm.

Đời Xuân Thu, Không-Tử còn ôm mộng TÔN CHƯ THÌ đời Tam Quốc, hưng khởi nhà Hán là cái mộng rất hợp lý của những bậc chân quốc sĩ.

Không Minh từ trong nhà tranh dã ôm chí phò Hán.

Nhưng nhà Hán đã xụp đồ một cách thảm hại.

Ở Trung nguyên, Tào Tháo đã là chủ nhân ông, tö chúc guồng mấy cai trị rất là phồn thịnh và vững chắc. Và Giang-

Nam dã là cơ sở thủ hiem của Tôn Quyền.

Kết sĩ không theo Ngụy thì theo Ngô. Chỉ còn Kinh Châu của Lưu Biều, Tứ Xuyên của Lưu Chương và miền Bắc của Trương Lồ là nơi đất còn chưa gấp chủ. Những chủ nhân hiện tại toàn là những kẻ thất phu ngu muội.

Chính ba nơi này là nơi Không-Minh muốn đem tài trí ra dành cho người dòng Hán có tài có đức.

Người đó không ai xa lạ. Đó là Lưu Bị.

Cuộc gặp gỡ này có thể là cuộc gặp gỡ thiên cõi hữu.

Nó hy hữu ở chỗ hội ngộ tương đặc. Nó càng hy hữu ở chỗ người tài cao dám dơ vai ra gánh vác lấy công việc nặng nhọc nhất của lịch sử.

Cứ tài Không-Minh đem đặt vào Giang-Nam (Tôn-Quyền) hay Trung-Nguyễn (Tào-tháo) thì lo gì chẳng được định chung với Chức sĩ đại phu vinh hiển.

Nhưng Không-Minh đã chịu đặt mình vào nơi nằm gai nấm mật, với người anh hùng mạt lộ, đè mưu đồ hưng khởi hơn là sẵn sàng hưởng thú vinh phì.

Phải chẳng nơi đồng bằng đất

Phản không phải là nơi thỏa chí của ngựa kỳ ngựa kỵ, mà nó phải thấy cái hào hứng ở nơi núi thăm rừng sâu.

« Chiến thắng không mạo hiểm, đắc thắng chẳng vẻ vang »
(à valence sans péril, on triomphe sans gloire).

(LE CID)

Nhưng tình thế bây giờ thật không lợi gì cho Khồng-Minh cả. Tào-Tháo sau khi khắc phục được Viên-Thiệu, uy danh trấn động bốn phương, cặp mắt gian hùng đã dòm xuống Giang Nam.

Vào buổi chợ chiều, của cuộc mưu đồ tranh thiên hạ này, nếu Khồng-Minh không sớm gặp Lưu Bị, thì biết đâu Giang - đông chặng thúc giáp ; Tây - xuyên chặng lọt vào cương tỏa, Tào-Tháo đã nghiêm nhiên thu phục hết Trung-Quốc.

Trong bài biếu tấu lúc Hậu chủ về buổi vẫn niên, Khồng-Minh có nói : « Thần vốn là kẻ áo vải di cày ở đất Nam-Dương chỉ mong toàn tính mệnh trong thời loạn, không cần danh tiếng hiển đạt với Chư hầu ». (Thần bản bố y, cung canh ứ Nam-Dương, cầu toàn tính mệnh ứ loạn thế, bất cầu vẫn đạt ứ chư hầu). Đó có lẽ chỉ là lời nói

khiêm nhường, che đậm một đại chí. Chắc rằng nằm cao ở Nam-Dương Khồng-Minh và Lưu-Bị đã đặt ra hai lập thuyết.

Trong chính sử Trần Thọ nói Lưu-Bị đã phải ba lần đến cầu Khồng-Minh tại thảo lú.

Sách Ngụy lược, trái lại nói chính Khồng-Minh đến tìm Lưu-Bị trước.

Trên hai lập thuyết này, người anh hùng đứng về bên nào cũng không sợ thương tồn đến cao danh.

Vì chặng Khồng-Minh có đến cầu Lưu-Bị, đó cũng là vì đại nghĩa, mà Lưu-Bị có phải « tam cố thảo lú » thì đó cũng là cử chỉ của người anh hùng nhún nhường thờ kẻ sĩ.

Ông Y-Doãn muốn thi hành chủ nghĩa, mấy lần khăng khái đi cầu làm tướng quốc. Ông Mạnh-Tử cũng đến yết kiến vua. Hướng theo vết bánh xe của Khồng-Tử chu du chư hầu.

Ta phải phân biệt ở đây việc đến cầu và việc triệu đến. Người quân tử có thể đến cầu người thi hành đạo của mình, nhưng không hề bao giờ chịu cho người chiếu. Mạnh-Tử sắp sửa đi yết

kiến vua Tề. Nhưng khi ông nghe tin vua Tề cho người triệu đến tức thì ông bài ngay việc xuất hành. Có người trách ông về việc ấy, ông tuyên bố :

« *Đã có ông vua muốn làm việc lớn, phải có người bề tôi không thể triệu được»* (tương lai đạt hưu vi chí quân, lật hưu sở bắt triệu chí thắn).

Vậy ta có thể nói việc đến thăm, hay đến cầu giữa hai nhân vật lịch sử này không còn thành vấn đề nữa.

Tuy nhiên tra cứu tài liệu trong chính sử, ta có thể xác nhận rằng Lưu-Bị quả đã đến mời Khòng-Minh.

Khòng-Minh thuở ấy lo mệt, thì Lưu-Bị lo lắng gấp mười. Người ôm mang chí lớn dễ gặp nhau. Đến xa cách ngàn trùng cũng còn tìm tới nhau huống hồ cùng ở Nam Dương.

Trước khi gặp gỡ, hai người tài nào chẳng biết tiếng nhau.

Có người trách Khòng-Minh dè cho Lưu-Bị ba lần đến cầu cũng là thái quá.

Thực ra Khòng-Minh bấy giờ còn quá trẻ, chỉ độ trên hai chục tuổi, mà Lưu-Bị tuổi đã vào đứng bóng (khoảng gần 40 tuổi).

Nếu Khòng-Minh không lấy cao cách thứ Lưu-Bị thì biết đâu

được ý chí chuyên nhất dùng hiền của Lưu-Bị.

Đã biết người hiền mà không biết chuyên dụng, lỗi ở người dùng, còn lỗi ở người bị dùng nữa. Cho nên Văn Vương phải đến cầu xin Khương Tử Nha, Hán Vương phải đăng đàn bái tướng Hàn Tín, Tề Hoàn Công phải tôn Quản Trọng là Trọng Phụ.

Chúng ta phải hiểu thấu cho chí cao của người hiền già.

Người thi sĩ muốn thi thố tài năng phải sáng suốt biết mình nên hay không nên đặt mình vào thời cuộc.

Đối chiếu với lịch sử ta, chúng ta nhận thấy việc xuất xứ của Khòng Minh khác xa Nguyễn Hữu Chỉnh biết chừng nào.

Nhưng trường hợp của Khòng Minh rất giống trường hợp ông Nguyễn Kim phò Hậu Lê.

Xem lịch sử cận đại, người ta được thấy có cuộc gặp gỡ giữa bốn Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thành và nước Pháp. Cuộc gặp gỡ này cũng là cuộc gặp gỡ thiên cờ hy hữu nhưng nó có đem lại xiêm áo cho bọn Việt gian thì nó đã đặt một quốc sỹ vào nước Việt Nam trong gần thế kỷ.

(Còn nữa)

NÓI đến
tình cảm
thì chẳng
cứ gì loài
người mới
có thất
tính. Thực ra, toàn thể
các giống động vật đều
có tình cảm.

Các nhà chuyên môn
về động vật học, sau
bao năm nghiên cứu tỉ
mỉ, đã cho biết như
sau.

* VOI là một giống thú
sống có tổ - chúc nhất.
Chúng đi đâu thường
đi từng đàn, do một
con cái lãnh đạo. Có
nhiều nhà thiện-sa kề
lại rằng khi một con
bị thương gục xuống,
thì những con khác chạy
lại lấy vòi đùa con bị
thương đến một nơi an
tinh để cưu chữa. Trong
một đàn thường
bao giờ cũng
có ít nhất là
năm con đứng
gác, nên, nếu
khi có con nào
mệt quá quy
xuống thì sẽ có
con khác chạy
lại thay chân
ngay. Voi chưa
20 tháng mới đẻ
và voi con phàn
nhiều ngoan
chứ không
quấy như
các giống khác.

Voi Sóng tình cảm của các

Kè trong các thung
rừng, có lẽ voi
là giống thông minh
và «văn minh» nhất.
Các giống khác chỉ
lú vặt thôi.

* HUOU là giống
đa thê,
n ê n
m ô t
dàn chí
có vài
c o n
d ự c,
c ò n
đều là
cái. Có
m ô t

diêm trái hẳn với
các giống khác là
một con nai già điều
kiêm cả đàn chứ
không phải do chính
hươu. Việc canh gác
cho cả đàn, các chi
nh nai cũng đảm nhiệm
hết. Hươu nai khi

tới đâu thì
thường hay
rit từng hồi
đài và cào
chân xuống
đất. Chúng
chưa vào mùa
thu, đẻ vào
mùa xuân.
Hươu nai con
rất dễ nuôi.

* Nặng tình
mẫu tử là
giống BÚ RÙ.
Con mẹ bồng^{con}
rất khéo.
Nó cũng hồn:



★ LÂM.VỊ.THỦY

con, cũng ru con ngủ, cũng cõng con lên lưng, cũng ẵm con lên háng, đôi khi cũng cho con bú ra bừa chứ không cho bú vặt. Còn con bố thì đi kiếm đồ ăn về làm quà cho con và thỉnh thoảng cũng biết ra oai - khi con quấy. Nếu chẳng may con mẹ chết, thì con bố sẽ ở vậy, gà trống nuôi con, suốt ngày quấn quít bên con; không rời một bước.

Tôi khi nào bú rù con lớn khôn, bấy giờ bú rù bố mới chịu « bước đi bước nữa ».



N G Ủ A
c ũn g
quỳ con
lăm. Nhất
là ngựa,
lúc nào nó
cũng che
chở con,

k h u y ẽ n

Khích và dạy dỗ con cần thận. Hành như tạo hóa đã dành riêng giống vật phiêu lưu này cho loài người, nên từ lúc bé, ngựa con đã được mẹ dạy chạy nước kiệu, phi nước đại và nhảy qua các chướng ngại vật. Giống ngựa mến mẹ lắm, ngựa con khi nhót tướng rời mà vẫn cứ còn theo đuôi mẹ.



G I Ố N G
V U Q' N
t h ứ ờ n g
một vợ
một chồng
chở không
thích chòn

đôi vợ ba. Giống này trung thành với nhau lắm, họ có đôi là anh chị « xây nhà bên suối » rủ rỉ cùng nhau chứ không thích đàn điếm như giống khỉ. Chúng thương nhau vô cùng, suốt ngày ngoài thi giờ kiếm ăn và tập thể thao (đánh đu) chúng thường ôm nhau vào lòng mà bắt rận. Họ một con bị bắt hay mất tích, con kia suốt ngày rầu rĩ, khóc lóc nhìn ăn mà khóc. Khi một con bị thương, con kia không quên tìm lá rit vào chỗ đau, soa bóp và đị kiềm ăn cho cả hai.

Cũng như người, tình yêu của chúng này nở ở đầu mà cuối mắt. Lúc đầu còn là tình bạn, sau sang tình yêu. Họ đã gắn bó là anh chị rủ nhau đi tìm một tớ sống riêng biệt ngay.

Đây là một chuyện có thật : « Có một cô vượn mè một cậu vượn, một hôm cô ngỏ tình yêu, nhưng cậu làm thính quay đi, vừa túi, vừa giận, cô nhảy bồ vào móé mắt kẻ phụ tình đến gần mù. Tình yêu như thế kém gì người ; Trong các giống vật lành cũng như dử, ít con « hiền mẫu » như MÈO. Bé con ra, nó chăm chút, trông nom con như bóng với hình. Rồi nó dạy dỗ con nó tập bắt chuột, tập tự vệ, tập nghe cho thính. Tình yêu con của nó



tha thiết nhiều khi đến độ thành mù quáng : có khi thương cả những con vật nho nhỏ khác. Thật vậy, có con mèo nuôi 3 con cầy con, con khác nuôi hai con thỏ con, lại còn có con kỳ quặc đánh cặp một con lợn con mới đẻ mang về nuôi. Hễ ai động chạm đến con đẻ hay con nuôi của nó là nó gầm ghè « gày sị », ngay.



GIỐNG CHÓ cũng ham con lăm. Có một con chó đẻ được sáu con. Hai ngày sau, con mèo cùng nhà cũng đẻ được bốn con. Rình lúc con mèo mẹ đi ăn, con chó liền tha bốn con mèo con về ô nuôi cùng với con mình, dạy dỗ mèo con như con nó thật.

Chó còn là giống rất có nghĩa. Dù cố bị chủ đánh đập đến chết nó vẫn trung thành. Bầm sinh giống chó đã biết bơi nên phần nhiều chúng thích nghịch nước. Trái với giống vịt có nhiều con lại không thích nước. Đôi khi người ta thấy vịt với chó con làm bạn với nhau. Rồi hai con rủ nhau xuống nước. Chó bơi, vịt cưỡi lên trên, thảm thoai ngắm trời ngắm đất. Gần như cùng loài với chó, cáo và sói cũng thương con lăm. Nhưng chúng ít cho con bú, vì nhiều khi đói không có sữa. Chúng thường

kiếm mồi, nhai bét ra rồi móm cho con.

Từ xưa tới nay, **GIỐNG THỎ** vẫn được tiếng là tốt nái.



Nó đẻ liên

miên, mỗi năm bốn lứa, có lứa đến 10 con và chỉ chửa có một tháng. Nhưng thỏ là giống bạc tinh nên con toàn lai. Giống thỏ không có vợ chồng, nếu khi người ta nuôi hàng đàn, nên một con thỏ giống có thể đẻ hàng trăm con. Khi con cái đẻ, con đực không hề thăm hỏi, săn sóc con như các giống khác. Nó đẽ mặc con cái một mình kỳ cọm nuôi con. Cũng như giống chuột, thỏ con lúc đẻ chưa có lông, và mắt nhắm nghiền, vài tuần sau mới mở.



RẮN là một giống thông minh, nhanh trí khôn, lâu cá và nhớ già. Chính vì tính này mà rắn nhớ

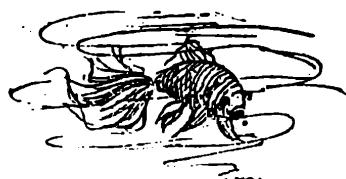
mặt những người đánh nó đẽ có dịp trả thù. Giống rắn dậy thì từ lúc lột xác, và hai vợ chồng rắn thường quần lấy nhau ngủ suốt mùa đông. Giống rắn có cái oai đặc biệt đối với ếch nhái. Nên mỗi khi ếch nhái đã gặp rắn

thì chỉ dành có chịu chết chứ không thể nào thoát được.

Khi ta đi trên bờ ruộng, nghe tiếng kêu chiếp chiếp như chim è vè cỏ, thì đúng là có con nhá hoặc éch bị rắn ngoạm rồi. Nó không nuốt ngay, nó ngậm chí tới khui náo nhái nheiêm độc chết hẳn rồi mới nuốt. Rắn cũng hay bắt cá, nhiều khi nó nuốt những con cá to gấp ba bốn lần nó. Đôi khi rắn ăn thịt lẫn nhau, nhưng thường là rắn độc hay ăn thịt rắn nước. Nhiều khi rắn độc nuốt một con rắn nước to không hết, đuôi con rắn nước còn thò ra khỏi miệng nó đến 6, 7 phân. Lúc bấy giờ người nó dò cà ra không cử động được nữa, một lúc sau, mình rắn nước đã mềm vì sức nóng, rắn độc mới ra bụi cây vặn cho nát hẳn. Các cụ ta thường tin rằng đánh được rắn nuốt nhau, đem chặt hai đầu rồi phơi khô rắt vào mảnh thì phát tài, đi đánh bạc bao giờ cũng được. Không hiểu có đúng không.

Rắn con lúc mới nở chỉ quấn lấy mẹ, ít lâu rồi tự đi kiếm ăn ngay, vì chúng hiểu biết rất sớm.

* **GIỐNG CÁ** rất hay ghen. Những con đực thường đánh nhau kịch liệt để dành «cuội tướng». Cá cũng còn là giống đà thê nữa. Nếu ta muốn nuôi cá vàng, ta sẽ thấy tốl hôm trước những con đực còn lành lě cá, hé mà sảng sau đã sút vây, mè



duỗi; ấy là chúng đã giao phong để chiếm lấy «người đẹp» vậy.

* **GẦU**

cũng như
rắn, ngủ
lì bì suốt
mùa
đêm
nhìn
tháng



liền không ăn. Nó đẻ con vào cuối mùa đông, vừa đẻ vừa ngủ. Thường gấu chỉ đẻ một đén ba con là nhiều. Vì nó nhìn ăn nên con nó lúc mới sinh bé lắm. Nhưng đến mùa xuân, con nó bụ bẫm ngay. Chúng giữa mùa xuân, gấu mẹ bắt đầu dạy con trèo cây và đi săn mồi. Ở các vùng băng tuyết, chúng dạy con lội nước, cào tuyết bắt cá. Gấu cái khi đẻ con khó tính lắm. Nếu con đực dọa dẫm con sẽ bị gấu mẹ «gây sự» ngay. Gấu bố thường không bao giờ nghỉ đến gia đình. Nó bỏ mặc vợ con làn sao thì làn. Giống gấu không ham mẹ, được độ một năm sau khi ra chào đời, nó sẽ bỏ mẹ mà đi kiếm ăn riêng. Cứ khi mẹ con gặp nhau, chúng cũng lờ nhau đi.



Chẳng nói
ai cũng rõ
ở Phí-
Châu SƯ
Tử láchúa
son lầm.
Bên ta thì
cô hờ. Sư
tử cái tuy

cũng có lấy chung một chồng nhưng các «cô» ấy khó «tán» lầm. Các cô ấy băng lòng cậu nào thì không nói gì chứ khi không ưng ý là các cô ấy sẽ cự tuyệt bằng cách nhẹ nhanh, đương vuốt ngay, nếu cần phải dùng tới vỗ

lực các cô i y cũng không từ.

Sư tử cái kui được vuốt về mơn trớn không say sưa mê muội như phần đông đàn bà con gái loài người mà trái lại rất tinh tú.

Sư tử ghen thì dữ tợn lắm. Chúng có thể cắn nhau đến chết. Hồ báo cũng hay ghen, nhưng còn thua sư tử. Có lẽ vì thế mà các cụ ta mới có câu « Sư tử cái » chẳng?

Đây là một chuyện sư tử ghen có thật : « Một chuồng nọ có nhốt ba con sư tử : hai đực, một cái. Sau một trận giao phỏng ác liệt, một con đực bị thương và bị loại ra khỏi « chiến trường tình ái », Nhưng khi nỗi chinh con bị loại ấy lại được « mắt xanh », ngó tới nên khi con sư tử đực đặc thâng chạy lại hoan hỉ với « nàng » thì lập tức bị nàng cự tuyệt. Mỗi trận « chiến tranh oan trái » nữa sắp diễn ra thì người coi phải can thiệp bằng cách xua một con sang chuồng bên cạnh. Vài ngày sau, thấy hai con liếm láp nhau qua kẽ chấn song có vẻ « đồng tình » lắm, người ta liền mở cửa cho chúng « thông thương » như cũ. Nào ngờ cửa vừa mở, sư tử lực liền nhảy bồ vào sư tử cái mà cắn xé đến chết.

Sư tử con khi mới đẻ ra đã được mẹ nó dạy tính can trường. Nào nhẹ rǎng, dương vuốt, tập vờn mồi, tranh mồi. Đè huấn luyện cho con « tinh nhuệ », sư tử mẹ thường tha một con vật chết về để cho đàn con đua nhau vồ cho khéo. Tới khi thành thạo, sư tử mẹ bắt đầu dẫn

con đi săn mồi. Con bố lười biếng nằm một chỗ, mặc vợ con đi kiếm miếng cho mình. Sư tử bố chỉ xuất trận khi nào phải dùng đến vồ lực phi, thường

Sư tử con thích nhay đuôi mẹ, thiểu trò ấy chúng buồn lắm. Nhiều khi chúng nhay đau con mẹ cũng phải nghiên răng chịu, hay cùng lẩn thì chỉ gầm gừ cho chúng nhay nhẹ thôi.

Điều đặc biệt trong giống sư tử là từ bé cho tới lớn, thế nào sư tử con cũng phải cắn nhau với sư tử bố mỗi trận kịch liệt.



★ GIỐNG CHIM hay ghen và hay túi. Nhưng tình yêu của chúng thì lại rất dịu dàng (trừ

giống gà). Những đêm mùa đông, chim câu ru nhau ngủ bằng những tiếng gù gù dài. Những chiều hè chim khuyên rhu rít trên cành cao trao lời âu yếm. Đó là hạnh phúc triền miên của giống chim vậy. Chim cũng chung tình và quý con lắm. Mất con, chúng kêu gào thảm thiết, và con mẹ sẽ gầy rạc đi rồi chết nếu không tìm lại thấy con. Nếu là thú chim lớn như quạ, diều hâu, đà điểu v.v.. Chúng sẽ bảo vệ con chúng đến cùng khi bị xâm phạm. Khi chim vui hay buồn ta dễ nhận thấy ngay. Chim thường xây tổ ấm đẽ ấp trứng và nuôi con.

Loài chim xứng đáng tiêu biểu cho sự tự do, hạnh phúc.



13.- VŨ BẮNG

* NGUYỄN-VY

ANH chàng mập tròn quay
đến ấy, nước da hơi ngâm
đen, đôi mắt hi hí thật ranh-manh,
nụ cười mỉa mai và trào lộng nở
trên đôi môi thâm-xì, là người
tinh nghịch nhất của làng Văn
Bắc-Hà thời tiền chiến.

Tôi không hiểu tại sao Vũ-
Băng viết thật nhiều mà lại được
ít người nhắc đến? Anh viết
chuyện ngắn, chuyện dài; văn phùng,
đã xuất bản ba bốn quyển
sách, làm chủ bút «Tiểu thuyết»

thú bay», thư ký tòa soạn «Trung
Bắc chủ nhật», tổng thơ ký tờ
Truyền Bá, chủ nhiệm tờ *Vfl-*
Đực, tác giả những phỏng sự
rất vui, như «Hội Lim»,
những truyện ngắn rất hấp dẫn,
những quyền hồi ký vô cùng lý
thú như «Tôi cai thuốc phiện»
v.v. : Anh có lối văn tả chân đặc
biệt và trào phúng chuyên môn,
có khi rất nhẹ nhàng khả ái như
Alphonse Daudet, có khi sắc bén
thâm độc như Bernard Shaw, có

khi cầu kỳ lý thú như Courte-line,

Tôi không nói Vũ Bằng là một nhà đại văn sĩ, nhưng chắc chắn anh là một nhà Văn Việt Nam độc đáo trên lĩnh việc tả chân trào phúng, trước kia và bây giờ

Con trai của một nhà xuất bản ở phố Hàng Gai, (nhà sách *Quảng Thịnh*), chuyên môn ăn hành những quyền chuyện cũ, về *Tự Xuất, Ba Giai, Tấm Cám* v.v.).

Vũ Bằng có học ở Lycée Albert Sarraut, trường Trung học Pháp lớn nhất ở Hà nội vào thời ấy, và đã xuất bản đầu tiên một tập văn trào phúng nhan đề là « *Lợn* » lúc anh chưa được 18 tuổi.

Hơn hai mươi tuổi, Vũ Bằng già đi, thường thuốc phiện. Ở Hà nội rét, anh ta mặc một lùc hai chiếc áo « ba đờ xuy » dày mo, tay cầm can, khệ-nệ như ông cụ, đi đến tiệm thuốc phiện nằm hút hàng đêm. Đi hát cô-dao, anh ở luôn nhà cô-dao, ăn cơm, nghỉ, viết, có khi liền một tháng không về nhà. Chơi thân với VŨ - TRỌNG - PHUNG, NGUYỄN - TRIỆU - LUẬT, NGÓ - TẤT - TỐ, NGUYỄN - DOANH - VƯỢNG, anh vẫn là người bạn ' khó chịu ' nhất, vì ưa châm-

biếm và chọc ghẹo các bạn, đến đối Ngõ tất-Tố đã phải bảo: « Vũ-Bằng là đồ vô lại », và tuyệt-giao với anh một thời-gian khá lâu.

Một hôm, NGUYỄN - TUÂN hỏi tôi :

— Sao *tua* chơi với Vũ-Bằng được ?

Tôi cười đáp :

— Tôi thì chơi với ai cũng được cả.

Tôi không ngạc-nhiên nhiều vì câu hỏi của Nguyễn-Tuân, bởi Nguyễn-Tuân tuy cũng là một cây bút trào-lộng, không kém gì Vũ-Bằng, nhưng Nguyễn - Tuân châm-biếm theo lối nhà Nho, kín đáo hơn, và có vẻ hiền-lành hơn, (Nguyễn-Tuân chịu ảnh-hưởng Nho-học rất nhiều), còn Vũ - Bằng thì châm biếm theo lối Tây, khúc-khuỷu và tàn-nhẫn. LUU - TRỌNG - LUU cũng không ưa Vũ-Bằng, nhưng VŨ - TRỌNG - PHUNG lại thích người bạn mà anh thường gọi là « con quỷ » ấy.

LÀN-KHAI cũng gọi Vũ-Bằng là đồ « *tiều yêu* ». Hết Vũ-Bằng xem vào đâu, là cái nhau & đó. Tính bướng bỉnh, hay châm-chọc, anh ta ít khi biểu đồng tình,

với ai về một việc gì, và không bao giờ nhượng bộ dù là đuổi lý. Sự thực như tôi đã chứng kiến nhiều cuộc đấu lý của Vũ-Bằng với mấy bạn khác trong làng văn, từ khi Vũ-Bằng đuổi lý lăm. Vì anh ta có cái lý mạnh nhất, là cái lý trào lộng của anh. Tôi đã nói : Vũ-Bằng là một nhà văn châm biếm (un écrivain satirique) gần như độc đáo từ hồi tiền chiến đến nay.

Có lần, Vũ-Bằng rủ tôi đi coi bói ở Ô Chợ Dừa. Lúc bấy giờ tại đây có một ông thầy bói danh tiếng lừng lẫy, trước nhà ông có dựng một bia đá, cho nên người ta thường gọi là ông thầy Bia-Đá.

Vũ-Bằng đang hết sức lo lắng về một cuộc tình duyên ngang trái giữa anh với một thiếu phụ nào đó... Tôi biết rõ chuyện ấy. Cho nên khi Vũ-Bằng rủ tôi đi xem bói, tôi nhận lời ngay. Cũng một dịp để coi ông Thầy Bia-dá có quả thật xứng đáng với uy danh lừng lẫy của ông không?

Ông thầy ngồi trên sàn gác cao, như một Tiên-ông, giữa trầm hương, hoa lá. Hai đứa tôi bò lên một cầu thang chật hẹp mới đến ông. Sau khi gieo quẻ và làm lầm một hồi, ông bảo Vũ-Bằng:

— Cậu đang vướng một mối tình ngang trái... Gia đình không bằng lòng, nhưng rồi hai người cũng sẽ lén lút ăn ở với nhau... Vũ-Bằng cố cãi lại nhưng ông Thầy Bia-Đá quả quyết :

— Tôi bảo thế đấy. Cậu không tin quả Thánh dạy, thì thôi, mặc cậu !

Nói về tôi, thì ông Thầy Bia-Đá bảo :

— Nội trong năm nay cậu sẽ bị bắt, bị giam, nhưng không hề gì.

Phần tôi, tôi không biết đâu mà tin vì chuyện chưa xảy ra, nhưng tôi rất khâm phục ông Thầy Bói mù lòa, đã thấy rõ nỗi thắc mắc trong lòng một Văn sĩ. Cuộc tình duyên của Vũ-Bằng về sau hình như cũng xảy ra đúng y như lời Thầy Bia-Đá. Còn phần tôi thì quả nhiên gần cuối năm ấy tôi bị bắt, và bị dày đi Trà Khê.

Ở nhà Thầy Bói ra, Vũ-Bằng bảo tôi :

— Ông Thầy nói hay quá, tôi phục sát đất.

Chỉ có một lần đó, là tôi nghe Vũ-Bằng « phục sát đất » một người, và anh chàng không dám cãi lại.



Hồi mới quen nhau, một buổi tối Vũ Bằng rủ tôi với nụ cười bí mật của anh :

— Tớ dắt cậu đi đến một nơi thẳn tiên mơ mộng lắm, cậu sẽ say mê tha hồ làm thơ... Cậu ở đây với tớ đến sáng nhé !

Tôi thực thà đi theo anh, đến một đường phố chật hẹp mà tôi quên tên, bên cạnh Chợ Hàng Da, hình như phố Bourret hay Bourrin gì đó. Anh đưa tôi lên lầu, một căn lầu dài và rộng thênh thang, tối mù tối mịt, chỉ leo lắt mấy ngọn đèn dầu lạc, và năm bá bóng người. Té ra đây là tiệm thuốc phiện, nơi « di mây về giò » của anh chàng họ Vũ. Mặc dầu anh cố giữ, tôi cũng nhất định ra về, vì tôi chịu không được mùi thuốc phiện. Tôi bảo Vũ - Bằng . « Tao lại hỏng mất rồi ! ». Nhưng năm sau tôi rất ngạc-nhiên thấy Vũ-Bằng bỏ hẳn thuốc phiện, và người béo tốt hẳn ra. Từ 36 kí, anh cân nặng lên gần 60 kí. Nhiều bạn cho rằng quyền hồi ký : « Tôi cai thuốc phiện » của Vũ-Bằng là bịa-dặt, nhưng tôi có thể tin rằng câu chuyện « cai » của Vũ-Bằng chính phần mười là sự thật hoàn toàn. Quyển sách ấy viết có nhiệt híng, khiến người đọc « say mê », và được các báo ở Hà-nội nói đến nhiều nhất.

Vũ-Bằng chơi những cái rất lầm-cầm đối với tuổi trẻ : Chơi

đồ cờ, chơi núi non bộ, chơi cây thế (arbres nains), ưa thân với chó, mèo, và rùa !

Có một lần anh ta nuôi một con mèo con từ lúc nó mới mở mắt. Đến khi con mèo lớn lên, nó có mang rồi đẻ khô. Con mèo kêu la thảm-thiết và cố rặn mãi nhưng đứa con không ra. Vũ - Bằng chạy cuống lên, mời một ông Bác-sĩ Việt đến cứu con mèo. Bác-sĩ bảo :

— Tôi khuyên ông về bắt con mèo làm thịt, là xong chuyện.

Vũ-Bằng tức mình, đi mòn một cô đỡ đến đỡ đẻ cho mèo.

Tôi có kè lại cho Mộng - Sơn nghe câu chuyện con mèo của Vũ-Bằng. Mộng-Sơn cảm động có viết một chuyện ngắn rất hay về đẽ-tài ấy, tôi không nhớ là có đăng trong báo Việt-Nữ hay báo nào...

Vũ Bằng thích viết văn khôi hài, nhưng về « miếng ăn » anh ta không khôi hài chút nào cả. Anh thích ăn ngon, và rất hút ăn. Vừa rồi, tại Sài-gòn đây, anh có xuất bản quyển « Miếng ngon Hà Nội », được nhiều báo khen ngợi. Có thể nói rằng cuốn sách ấy là kết quả của mấy chục năm ăn của Vũ-Bằng !

Tiện đây, tôi muốn hỏi Vũ-Bằng : Cả một đời văn nghệ của anh, có lẽ nào sẽ kể cục bằng một quyển sách về « miếng ăn » thôi ư ?



SỰ TRUYỀN ÂM-THANH

* Kỹ-Sư LƯU.VĂN-A.

Sự truyền âm thanh không phải là một vấn-dề mới mẻ. Người cõ thời đã bận tâm nhiều về việc này, nhưng vì thiếu sự sáng kiến, không có khoa học, nên đã xử - dụng những phương tiện cõ lò yong hàng bao nhiêu thế kỷ.

Người xưa đã nhận thấy rằng âm thanh truyền trong không khí không đi được xa. Muốn đưa âm thanh đến một khoảng khá dài tất phải phát ra tiếng thật to. Ý nghĩ muốn tạo cho âm thanh, một áp lực mạnh, đã khiến con người đưa đôi bàn tay lên nudem, gom

lại thành ống loa rồi phát ra tiếng, mục đích dè cho không khí chấn động mạnh hơn và âm thanh truyền đi được xa hơn. Với phương tiện này, người La-Mã thời xưa đã truyền tin từ miệng người lính này qua tai người lính kia ở cách nhau bằng một tầm di của âm thanh. Một tin tức xảy ra vào buổi mai ở một tỉnh thành nọ đã truyền đến một tỉnh thành khác vào buổi chiều, và hai nơi cách nhau hơn hai trăm cây số ngàn.

Về sau, việc viễn thông lại được cải tiến thêm bằng những phương tiện khác như : đốt lửa, xông khói. Ngọn lửa cao hay thấp,

màu khói đen hay trắng, tùy theo sự giao kết trước c, sẽ có một ý nghĩa riêng biệt. Người Hy-Lạp dùng đèn hiệu để ra dấu, người Trung-Hoa đã đặt đèn rọi trên Vạn Lý Trường Thành để báo động.

Còn về việc truyền âm thanh, nhân loại phải chờ gần chục thế kỷ thứ 17 mới thấy có sự cải tiến. Vào thời ấy một tu sĩ Pháp, tướng trình lên Hàn Lâm Viện, xứ này một phương cách truyền âm thanh đi xa. Đó là sự dùng một ống dẫn nước để cho hai người ở cách xa hàng ngàn thước có thể nói chuyện với nhau. Thật là một phương tiện vừa mau chóng giản dị, vừa trực tiếp, dễ dàng, ở thời kỳ cách đây ba thế kỷ. Kế tiếp theo là những cuộc phát minh về điện và sóng điện. Từ đó, sự truyền âm thanh sẽ tiến đi những bước thật dài.

Ngày nay sự truyền thanh đi xa thường dùng hai dụng cụ chính hoặc đường dây đồng như trong ngành điện thoại, hoặc làn sóng điện như trong Vô Tuyến Truyền Thanh và Vô Tuyến Viễn thông. Lịch sử về sự truyền thanh bằng điện bắt đầu vào độ giữa thế kỷ thứ 19. Trước thời kỳ này, các nhà điện học đã biết truyền dòng

diện đi xa. Căn cứ vào kinh nghiệm trên, ông Bell đã chế ra máy vi âm, thứ máy mà chúng ta thường thấy đặt trước ca sĩ ở các rạp hát, hay trước diễn giả trong những buổi họp đồng người.

Máy vi âm đơn giản thường chia ra một miếng màng rung, đặt trước một thanh sắt nam châm, trên có vẩn một cuộn dây đồng.

Xin nhắc lại, sắt nam châm tức là thứ sắt có tính chất làm xoay được kim của la bàn và hút được những mảnh sắt vụn. Khi ta phát âm thanh ở trước màng rung sự chấn động của màng này sẽ tạo ra một dòng điện trong cuộn dây và dòng điện này có đặc tính là thay đổi sức mạnh đúng với nhịp của âm thanh mà ta đã phát. Đó là nguyên tắc hiện nay vẫn áp dụng để chế ra một bộ phận của máy điện thoại, mà ta thường đặt ở gần miệng khi đàm thoại bằng giây nói. Bộ phận dùng nghe cũng giống như bộ phận dùng nói dòng điện sẽ nhập vào cuộn giây và kéo dây cái màng rung đúng theo nhịp của âm thanh. Bộ phận này gọi là ống nghe, vật mà ta thường đặt gần tai khi sử dụng điện thoại.

Về cách thực hiện kỹ-thuật, tuy có nhiều chi tiết phức-tạp,

nhung tựu trung chỉ dùng nhung bô phân giản-dị dã mô tả trên. Đó là sự truyền âm thanh bằng giây hay điện tuyến, nhung đường giây mà chúng ta thường thấy dâng ở hai bên lề đường từ Sài-gòn đi Mỹ-tho hay Sài-gòn đi Vũng-tàu dùng để liên lạc điện-thoại.

Có một cách truyền âm-thanh thứ hai mà không dùng đến điện tuyến, đó là Vô Tuyến điện. Muốn nhận biết rõ ràng cách thức vận chuyển này, chúng tôi cần nhắc lại hai danh từ chính rất thường dùng là Sóng điện cao-tần và sóng điện hạ-tần.

Sóng điện cao tần tức là sóng điện có số chấn động rất lớn, chừng cả chục ngàn chu kỳ trên. Sóng điện này có tính chất truyền đi thật xa, nhưng thính-quan của chúng ta không thể nghe được. Sóng điện hạ tần cũng gọi là sóng điện thính-tần là thứ sóng điện có tính chất không truyền đi thật xa trong không gian, nhưng thính quan có thể cảm nhận được. Nhờ có máy vi-âm, ta sẽ thu nhận tiếng nhạc, lời nói, giọng ca để đòi thanh ra sóng điện hạ tần.

Nói tóm, ta nghe được sóng

hạ tần, nhưng sóng này không truyền đi xa. Sóng điện cao tần truyền đi xa, nhưng tai ta không nghe được. Cần cù vào các tính-chất đó, các chuyên-viên mới dùng sóng cao tần để mang sóng hạ tần tức âm-thanh để đưa đến tận nhà chúng ta được.

Vậy mỗi đài phát thanh muốn truyền lời nói và âm - nhạc đi xa đều phải dùng đến một làn sóng cao-tần. Nhưng vì tính-chất của mỗi loại sóng - điện cao-tần đều khác nhau : có thứ truyền đi xa, có thứ truyền đi gần, nên ta thường thấy các đài phát-thanh dùng đến hai, ba loại sóng - điện cao-tần. Như Đài Phát - Thanh Sài-gòn, có làn sóng trung-bình 275 thước, nhưng cũng có làn sóng ngắn 30 thước 76. Đồng thời, vì thấy cần phát thanh nhiều chương - trình khác nhau trong một lúc, nên các Sở Vô Tuyến Truyền - Thanh lại dùng nhiều làn sóng trung - bình hay nhiều làn sóng ngắn. Thí dụ, trong các làn sóng trung - bình của Đài Sài - gòn, ta thấy ngoài làn sóng 275 thước để phát thanh chương trình Việt-ngữ, còn có làn sóng trung - bình 358 thước cho chương trình Anh - ngữ, Quân đội và làn sóng 220 thước

cho chương trình Pháp, Hoa và Miên ngữ,

Trở lại vấn đề sóng-diện cao-tần, chúng tôi đã nói sóng - điện này chỉ dùng để chở sóng - điện hạ-tần mà thôi. Vì thế các chuyên viên cũng gọi sóng-diện cao - tần là sóng-mang. Đề để nhận rõ vai trò của sóng-mang, ta có thể so-sánh một cách thô-sơ, sóng - điện cao-tần như một chiếc xe đò và sóng-diện hạ-tần như một hành khách. Nhưng có một điều gì-biệt là xe đò chỉ đưa hành khách đến một nơi nhất định, còn sóng điện cao-tần thì mang âm-thanh truyền đi trong một lúc, khắp cả mọi hướng.

Hình - ảnh ngây ngô trên chỉ giúp ta hiểu thế nào là sóng-diện cao-tần và thế nào là sóng-diện hạ-tần tức âm-thanh với cặp mắt chuyên-môn, các kỹ-thuật gia khi đem « âm-thanh hành-khách » để đặt lên « sóng điện cao-tần—xe đò » thì họ gọi đó là BIỂN - ĐIỀU. Vậy muốn nghe sóng-diện mà ta nhận được thì sóng-diện đó phải biến-diều. Nhưng làm thế nào để biến-diều ?

Trong việc tổ-chức một đài phát thanh, chúng ta thường nhận thấy có hai cơ sở riêng biệt : một trung tâm cao-tần và

một trung-tâm hạ-tần. Thí-dụ như Đài Phát-Thanh Sài-gòn có trung tâm hạ-tần ở đường Phan-dinh-Phùng và trung-tâm cao-tần ở vùng Phú-Thọ.

Trung-tâm hạ-tần có nhiệm-vụ tạo ra những sóng-diện hạ-tần tức âm-thanh. Nếu có dịp đến viếng cơ sở này, chúng ta sẽ thấy rất nhiều phòng vi-âm. Đây là những phòng to rộng chừng 50 thước khối dến cả ngàn thước khối. Phòng nhỏ dùng để phát tin tức và phòng to dùng để phát âm-nhạc. Điểm đặc - biệt của các phòng này là vách, trần và sàn đều được cách-âm với dụng-cụ như : gạch hắp-âm, ván ép soi lò hay những thớt bằng gương. Các chất này có tính hắp-thụ âm-thanh và không ánh tiếng dội. Đồng thời, muốn giữ phòng thật kín để tiếng ồn ở bên ngoài không lọt vào, vách tường thường làm bằng hai lớp gạch, cửa đóng với hai ngăn và được dồn gòn, chêm góc thật sát mít.

Trong phòng vi-âm, việc trang bị rất là giản dị. Chỉ dùng một hay hai máy vi-âm. Trên tường có treo một chiếc đồng hồ và các đèn màu báo hiệu. Chính tại phòng này, các xưởng-ngôn-viên sẽ đọc tin tức và các văn nghệ

sẽ sẽ biểu diễn ca, nhạc, kịch. Mỗi phòng vi-âm lại có một cửa kính trong thẳng, qua một phòng máy để cho diễn viên và chuyên viên cùng thấy dấu hiệu của dội bên. Chuyên-viên cũng gọi là hòa âm viên là người có phận sự điều hòa sức mạnh của âm thanh phát ra từ phòng vi-âm. Một bàn máy với nhiều nút vặn sẽ dùng để tăng mạnh hay giảm nhẹ lời nói và tiếng nhạc. Nhờ máy vi-âm, các tiếng này được dời ra thành sóng điện hạ tần. Sóng điện này rất yếu, cần được phóng to bằng một thứ máy gọi là máy khuếch đại.

Sóng điện hạ tần đã phóng to không đem truyền thẳng mà gởi theo đường giây ngầm hay bằng một phương tiện khác để đưa đến trung-tâm cao tần. .

Như ta đã biết, sóng điện không sẵn có trong thiên nhiên để sử dụng ngay, nên ta cần phải có phương tiện để chế tạo: đó là máy phát thanh. Vậy, trung-tâm cao tần là một cơ sở để chế ra sóng điện cao tần dùng vào việc mang đi thật xa sóng điện hạ tần tức âm thanh. Cơ sở này lại chia ra hai nơi riêng biệt: các nhà cửa để che đựng các thứ máy móc và

một sân rộng để đặt trụ cao dăng: giây trời.

Kích thước của máy phát thanh thường rất to nếu đem so sánh với chiếc máy thu thanh, mà ta thường đặt trong một góc phòng. Ngày trước, một máy phát thanh mạnh từ 20 đến 50 ki-lô-uát, dùng đèn cao đến 5. tấc túc 50 phân mét, có thè choán, một bề mặt từ 20 đến 40 thước vuông. Nhờ khoa học ngày nay tiến triển, các dụng cụ đã được thu gọn lại và toàn cả một bộ máy chỉ choán độ phân nửa diện tích. khi xưa. Trong máy phát thanh sẽ có những bộ phận chính như đèn phát sóng điện, đèn phóng to, và đèn biến điện, tức là dùng sóng điện hạ tần, để đặt lên sóng điện, cao tần. Sau khi sóng cao tần được biến điện được phóng to, thêm, liền đưa đến giây trời. .

Giây trời là dụng cụ cuối cùng trong một hệ thống phát thanh, dùng để truyền sóng điện đi tỏa khắp trong không gian. Giây trời làm bằng những trụ sắt có thè cao đến cả trăm thước thường được đặt ở một nơi rộng rãi, ít cây cối và xa thành phố. Sự dăng giây trời cao hay thấp, dùng một hay nhiều trụ là tùy theo kỹ-thuật phát thanh. Dùng một trụ giây trời

dè truyền sóng điện đi tắt cả mọi hướng, dùng hai trụ dè nhám truyền mạnh sóng điện đi về Nam-Bắc, hay Đông-Tây hay hai phương vị nhứt định. Sau cùng có cách dăng dùng bốn trụ dè nhám về một hướng chọn lựa mà ta định đem sóng điện đi thật mạnh về hướng đó.

Từ giây trời sóng điện cao tần
có biến diệu sẽ truyền đi khắp
không gian để đến nhà bạn, nhà
tôi và nhà của tất cả mọi người.
Trong một bài thơ, chúng ta sẽ
có dịp để biết nguyên tắc thu
sóng điện và làm cách nào để thu
đúng làn sóng ta đã chọn.

NEO-CHINA

VIỆT

PHÁP

ANH

Sự truyền âm thanh	Transmission du son	Sound transsuission
Viễn thông	Télécommunication	Telecommunication
Vô tuyến truyền thanh	Radiodiffusion	Radio broadcast
Máy vi âm	Microphone	Microphone
Màng-rung,	Diaphragme	Diaphragm
Sắt nam châm	Aimant	Magnet
Cuộn dây	Bobine	Coil
Chấn động	Vibration	Vibration
Điện tuyến	Ligne téléphonique	Telephone line
Sóng-diện cao-tần	Haute fréquence	Radio frequency
Sóng điện hạ-tần	Basse fréquence	Audio frequency
Làn sóng trung bình	Ondes moyennes	Medium wave
Làn sóng ngắn	Ondes courtes	Short wave
Sóng mang	Porteuse	Carrier
Biến diệu	Modulation	Modulation
Trung tâm cao tần	Centre de Haute Fré- quénce	Transmitting station
Trung tâm hạ tần	Centre de Basse Fré- quénce	Studio

Phòng vi âm	Studio	Studio
Cách âm	Insénération	Sound insulation
Gạch hấp âm	Tuile acoustique	Acoustic tile
Ván ép	Contre plaqué	Playwood
Thiếc bắng gương	Laine de verre	Fiber glass
Ảnh tiếng dội	Réverbération	Reverberation
Xướng ngôn viên	Speaker (theo tiếng Anh)	Announcer
Hòa âm viên	Opérateur de studio	Studio operator
Máy khuếch đại	Amplificateur	Amplifier
Máy phát thanh	Emetteur	Transmitter
Giây trời	Antenne	Antenna



* AI SINH THÚY-KIỀU ?

Em (hỏi chị).— Đồ chị ai sinh ra cô Kiều ?

Chị.— Vương bà chờ ai.

Em.— Trật rồi.

Chị.— Thế thì ai ?

Em.— Con hờ.

Chị.— Láo !

Em.— Đây này, chị đọc truyện Kiều xem: « Hồ sinh ra phận thơ đào ». Vậy chẳng phải con hờ sinh ra cô Kiều là gì !

T. L. L.

* MẮT 10 XU.

Thấy đứa bé đứng bên lề đường vừa khóc tức tưởi vừa nhìn xuống rảnh nước như tìm kiếm một vật gì.

Một người đi đường thương hại vội đến hỏi

— Tại sao cháu khóc ?

— Cháu làm rơi 10 xu dưới nước này nè !

— Thôi, nín đi, cháu cho 10 xu khác đây.

Năm phút sau người ấy lại đi qua con đường cũ vẫn thấy con bé còn đứng nhìn dưới nước mà khóc.

Ông nợ ngạc nhiên lại hỏi:

Đứa bé vừa khóc vừa đáp :

— Nếu cháu không đánh rơi 10 xu kia thì bây giờ, cháu có tám 20 xu lận !

Ti E N G, tèng, ton, teng, tòn, teng...

Tôi đang mơ màng nghe tiếng em tôi nháy
nhỏ nhô theo kiêng đồng hồ trên tường đồng gỗ. Sao
hôm nay nó thức sớm thế kia? À, phải rồi, quên
chứ, hôm nay
là ngày sinh
nhật của nó mà.
Thảo nào,
không thì dễ
giờ nó thức vào
giờ này, dù là
ngày thường phải đi học, huống
chi là ngày chúa nhật như hôm
nay.

Tôi tò mò hi bí mắt nhìn xem
nó đang làm gì. Ánh sáng yếu ớt
của buổi sáng sớm len lỏi qua
khe cửa mờ mờ soi gương mặt
nó, cho tôi thấy trên ấy một nét
vui lớn dần lên theo nhịp sirc



Ngày Sinh Nhật



sáng. Mắt nó mở to nhìn vào vết
ánh sáng ở khe cửa. Có lẽ nó
mong nắng mau lên để ngày
(sinh nhật của nó) chóng bắt đầu.
Tôi muốn nói với em tôi rằng dù
sao mặt trời cũng sẽ lên với cái
lối chậm chạp và tự đắc từ ngàn
xưa của nó. Nhưng rõ ràng là
em tôi muốn cướp thời gian.
Đấy, nó lăn qua, lăn lại mãi,
chắc là cố ý làm cho tôi thức
dậy, rồi cả nhà sẽ thức dậy,
thì là một ngày mới (dành dấu
bằng sự hoạt động của cả nhà)
ngày sinh nhật của nó bắt đầu.
Biết thế, tôi tinh nghịch cứ vờ
như say ngủ, nằm im lịm. Thấy
« kế hoạch bắt thành » nó liền
nghĩ ngay cách khác. Nhẹ nhẹ
tụt xuống giường xong nó ra
phòng tắm đánh răng đè gày
tiếng động, một tiếng động rất
« hợp pháp », có thể gọi cả nhà
dậy mà không bị quở mắng.

Từ nhà tắm, tiếng bàn chải
cọ e-dè trên hàm răng nho nhỏ
của nó rụt rè lan ra khắp nhà.
Nhưng, vở ích quả, mọi người
vẫn thở đều đều, tuy thế nă

không dám gây tiếng động to hồn.
Thấy tình cảnh nó cũng tội nghiệp, tôi vội giúp nó :

— Chuột, chuột !

Quả nhiên sự giúp đỡ của tôi có hiệu lực ngay. Tôi vừa la xong thì mẹ tôi trở về hỏi :

— Cái gì thế Hai ?

Tôi mỉm cười :

— Thưa mẹ, chẳng biết chuột nó cắn cái gì nghe xat xạt, hình như ở dưới nhà tắm đó.

Tôi vừa nói xong mẹ tôi lật đật tung màn ra đi xuống nhà tắm. Xấp hàng nơi mua của bà đang ngâm dưới ấy mà.

Một lúc sau tôi nghe tiếng mẹ tôi hỏi :

— Thu mày làm gì đó ?

Tiếng em tôi sợ sệt :

— Da... con đánh răng...

Thế là xong. Cả nhà thức dậy. Ngày mới của em tôi bắt đầu rồi đấy.

Mọi người có vẻ phiền vì hôm nay là ngày chúa nhật mà phải dậy sớm quá. Họ cần nhẫn nhiều đến nỗi tôi phải nhắc to lên rằng hôm nay là ngày sinh nhật của thằng Thu. Ba má tôi xem có vẻ hơi hấn vì đã quên như thế. Rồi dè cho có vẻ hăng hái hơn, ba tôi cười nói lớn:

— À, may quá nhỉ, sinh nhật nó lại trùng ngày chúa nhật, ba sẽ rảnh mà làm cho hò vui hơn.

Má tôi cũng tỏ vẻ yêu con không kém, bà hối tôi lấy giấy viết dè biên mấy món cần dặn chị bếp đi chợ. Hôm nay cả nhà sẽ mừng thằng Thu bằng một bữa

tiệc bánh xèo.

Thằng Thu có vẻ sung sướng lắm, nó ngồi nhìn tôi viết từng món lên giấy, mắt nó long lanh như đang nhìn mấy chiếc bánh vàng tươi nằm trong đĩa rau xanh.

Nhưng ba tôi lại cho chuyện ăn uống là xoàng quá, chẳng có gì là trọng đại dè tỏ dấu yêu con Theo ông thì phải mua cho nó một món đồ chơi đáng giá dè nó... kỷ niệm.

Thế rồi ba má tôi lại bỏ ra nửa tiếng đồng hồ dè nghe lẫn nhau giảng giải về cách yêu trẻ và cách xử dụng ngàn quỹ gia đình thế nào dè cho một gia đình, có mười con như gia đình tôi, khỏi thiếu hụt. Má tôi vì vừa phải đọc các món cần mua cho tôi chép, vừa cãi với ba tôi nên rốt cuộc phải thua. Nhưng mà tôi không đầu hàng vô điều kiện đâu nhé. Bà chỉ đồng ý là vì ba tôi sẽ dè bà (thủ quỹ của gia đình) chọn món đồ chơi đó.

Lúc chúng tôi đang sửa soạn dè đi, ba tôi lại đưa thêm ra một ý kiến tai hại :

— Phải dè thằng Thu ở nhà, ta nên dành cho nó một ngạc nhiên khi nhận được món quà !

Má tôi gật gù nói nhỏ :

— Và đừng cho nó buồn vì thấy có nhiều món đồ chơi khác đẹp hơn, lạ hơn. Hôm nay là sinh nhật của nó, đừng dè nó buồn.

Rồi cả nhà kéo nhau đi, riêng thằng Thu phải ở nhà một mình dè chờ lãnh cái ngạc nhiên

mà ba tôi muốn cho nó.

Đồ chơi cho trẻ em ở chợ bao giờ cũng nhiều! Ô, thật là đủ cả các phát minh tối tân nhất. Nào *dĩa bay*, hỏa tiễn *lên-lục-địa*, phi cơ phản lực, tàu ngầm nguyên tử v.v... đủ cả.

Đứng nhìn đồ đạc nhiều quá, đến có thể rót mắt lên được, mà tôi hỏi tôi:

— Thằng Hai thấy mèn mua cái gì cho nó?

Tôi thấy nếu tôi chọn là vô lý, vì không phải tôi cho mà cũng không phải tôi sẽ được món đó nên tôi ngần ngại trả lời:

— Thưa... con không có ý kiến vi... không phải con cho!
Ba tôi có vẻ tức giận.

— Nhưng it ra với hai chục tuổi đâu mày cũng có ý kiến rằng nên cho một đứa bé mười tuổi (như thằng Thu) một món quà gì vào ngày sinh nhật của nó chứ?

Tôi nhìn đồ đạc một lúc xong thura:

— Nếu con mua thi con sẽ chọn chiếc tàu chạy bằng đèn sáp. Cái đó lâu hứ mà thằng Thu lại có vẻ thích nhất.

Thấy món ấy có vẻ rẻ tiền, mà tôi hơi hài lòng. Nhưng Thúy, đứa em gái kế tôi, có phận sự trong nom về vệ sinh cho một lũ em tám đứa, với dãy nay lên:

— Không được đâu. Thằng Thu hay nghịch nước lắm rồi, bây giờ mua cho nó chiếc tàu để nó có cố nghịch nước nhiều hơn à?

Má tôi đề nghị:

— Hay là mua cho nó chiếc

xe tăng phun lửa vậy.

Nhưng ba tôi phản đối ngay:

— Không được, thứ đó tôi lầm, mau hứ lầm. Tôi nghĩ nên mua cho nó chiếc *dĩa bay chạy bằng « pile »* có vô tuyến điều khiển, cái đó mở ra ráp vào được, như thế sẽ tập cho nó khéo tay. Vã lại thứ đó chơi lâu chán lầm.

Ba tôi bao giờ cũng là người hung biện nhất trong gia đình và bất cứ cuộc tranh luận nào ông cũng nhất định dành phần thắng, nên cuối cùng ý kiến của ba tôi được toàn thể chấp nhận.

Tôi thấy hơi kỳ, không ai nghĩ đến ý thích của thằng Thu, mọi người chỉ nghĩ đến tiện cho mình mà thôi. Tuy thế tôi cũng thở ra nhẹ nhõm người, vì mừng thấy vấn đề được giải quyết một cách nhanh chóng khác thường.

Xong, chưa hết đâu! Còn phải mua nữa. Mà mua đối với má tôi là đề nghị trả một phần ba giá người bán nói, là phê bình lè lối buôn bán của người ta và là...đi khắp cả chợ hỏi giá để nghe người bán hàng « gỏi gấm »:

— Nếu bà thấy không có chỗ nào bán dưới giá này thì bà làm ơn lại mua hộ tôi nhé!

Chả biết má tôi có nhớ câu ấy không, nhưng sau khi đi hai vòng chợ má tôi trở lại mua của người ấy.

Mười một giờ hơn rồi, theo má tôi thi còn sớm chán, nhưng chúng tôi cũng về vì...chẳng còn ai đủ sức đi nữa.



— Bánh xèo sao trắng toát thế này?

Má tôi hé lát lén, có vẻ giận dữ.
Chị bếp rụt rè thưa rằng tại má
tôi không có biến món „càri” để
bỏ vào bột nên chị không mua.

— Không được, không ai được
quên một chi tiết nhỏ nhặt nào
để làm cho ngày sinh nhật của
thằng Thu kém tưng bừng, mà
tôi muốn bảo thế. Nhưng chị
bếp đã quên là tại má tôi đã
quên, nên má tôi dành nán lặng.

Thật tôi không tìm được một
cảm giác ngon lành nào trong
chiếc bánh xèo trắng toát như
thế bao giờ. Riêng thằng Thu thì
có vẻ ngọt miệng lắm. Điều đó
dễ hiểu quá, nó đang vui vì sắp
được một món đồ chơi lạ kia
mà. Rồi các niềm vui của nó lại
tan đi khi bụng hộp đồ chơi ra
và được biết còn phải ráp vào
mới chơi được. Như thế người
có thẩm quyền nhất về máy móc
trong nhà là ba tôi (ba tôi là cơ
khi-viên kia mà) bắt đầu ngay
công tác ráp máy.

Em tôi không ngủ trưa được
nữa, nó ngồi đợi ba tôi hoàn
thành chiếc dĩa bay. Nhưng... có
lẽ vì ba tôi chỉ là sĩ-quan cơ-khi
của phi cơ mà thôi nên ông lui
cui mãi cả buổi mà vẫn chưa
xong công việc.

Một giờ... Hai giờ... Ba giờ...»

Khi ba tôi ráp xong chiếc dĩa
bay thì thằng Thu đã ngủ thiếp
ai rồi. Nghe tiếng „tắc tắc” của

chiếc hộp điều khiển và tiếng
«rè rè» của chiếc dĩa bay chạy
trên gạch nó giật mình dậy.

Tôi tiếc ngay cho giấc mộng
đẹp (không biết có không) của
nó trong giấc ngủ đó. Thấy ba
tôi vẫn say sưa theo trò chơi,
quý gối trên gạch điều khiển cho
chiếc dĩa bay chạy tới, chạy lui,
quẹo bên phải, bên trái, tôi vội
nói dối gạt nó :

— Có lẽ ba còn thử lại, chưa
xong đâu. Trong khi chờ đợi em
đi xem «xi nê» với anh như mọi
chúa nhật khác nhé.

Tôi biết câu tôi nói sẽ làm nó
thất vọng một ít, nhưng thà như
thế hơn là để nó đòi món đồ
chơi ba tôi đang thích. Ngày
sinh nhật của nó không để nó
buồn hay bất cứ ai (như ba tôi
chẳng hạn) buồn.

Nhưng làm sao tránh khỏi vì
ngày ấy không có vẻ gì quan
trọng như thằng Thu dự tưởng
cả. Nó vẫn buồn đến khi vào rạp
nhìn lên màn ảnh : người ta đang
chiếu một cuốn phim nói về
ngày sinh nhật của một đứa bé
của một gia đình 10 con, trong
đó nhân vật đóng vài anh nó
đang kè :

— « Teng, teng, ton, teng, ton
teng... »

Tôi đang mờ màng nghe tiếng
em tôi nhái nho nhỏ theo kieng
đồng hồ trên tường đang gõ...»

Rơi đầu vì một BÀI THƠ !

* LƯƠNG-TRỌNG-MINH

* Năm 1908, nhân dân
Quảng-Nam nồi lên xin thuế.
Chớp nhoáng trong mấy tháng,
vết dầu loang lan rộng khắp Trung
kỳ. Dịp may đã đến cho tham
quan ô lại của triều đình Huế
đương thời. Chúng bèn đồ tội cho
cụ PHAN CHU TRÌNH là
người cầm đầu xúi giục. Thực
điển phong kiến bèn kết án cụ:
«Xử tử phát Côn Lôn, ngộ xá bất
nguyên».

Khi lính dẫn cụ Phan ra cửa

國王憂外多後悔
夕歎求同失絕徑
將方知旗也寄出合有香千里
遠馬商鳴風九皋知此回若至善
馬守幸傷而徑歸
阮文峯

thành Huế, cụ xuất khẩu thành
thị :

«Luy luy thiết tỏa xuất đồ mòn
Khẳng khái bì ca thiệt thượng
lòn,

Quốc thò trầm luân dân tộc
truy

Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn»

Cụ HUỲNH - THÚC-
KHÁNG dịch :

«Xiêng xích lang thang ra cửa
Đông

Ngâm-nga ngọt hát lười còn
không ?

Gióng nồi mòn môi non sông
đầm

Ai dè Côn Lôn ngã tẩm lòng»

Phan Chu Trinh coi thường cảnh tù dày vì cụ cho đó là công lệ của những người làm cách-mạng.

* CAO BÁ QUÁT khi ở
trong ngực, chân xích, tay cùm
nhưng ông vẫn ngao man :

« Một chiếc cùm lím chân có đẽ
Ba vòng xích sắt bước thì
Vương »

Và khi ra pháp trường để chịu án tử hình, ba hồi trống vang lên từ thền đang chờ trước cửa, Cao Bá Quát vẫn ngao nghê :

**«Ba hời trong giục mồ cha kiếp
Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời»**

* ĐẶNG DUNG sau khi
nửa đêm nhảy xuống thuyền để
giết Trương Phụ, Trương Phụ
lâu thoát. Việc không thành,
chỉ lớn chưa toại. Sau, Đặng-
Dung tử tiết, niềm trung liệt ái-
quốc đã cõi động trong bài thơ
«Thuật hoài» mà trong ấy có vài
câu xuất sắc :

«Thời lai đồ điếu thành công

Vạn khứ anh hùng âm hận đà
Cụ Trần trọng Kim dịch:
«Bản lề gắp thời lên cung đế
Anh hùng lô bước ngầm càng
cay»

* NGUYỄN - VĂN
THUYỀN là con trai của đế

nhất công thần Trung quân
Nguyễn văn Thành, khi vua Gia
Long đang trị vì.

Nguyễn - văn - Thuyên thi đỗ
Cử-nhân khi còn trẻ tuồi lâm,
'hường hay làm thơ và thích giao-
du cùng thi-sĩ bốn phương.

Thuở ấy, ở Thanh-Hóa (Ái-Châu) có Nguyễn văn Khuê và Nguyễn đức Nhuận, 2 người đã nổi tiếng là hay chữ.

Vì « đồng thanh tương ứng »
nên Nguyễn văn Thuyên mới
« đồng khí tương cầu » với hai
chàng tao - nhân mặc - khách ấy.
Văn Thuyên hứng bất tử làm một
bài thơ sai tên Nguyễn - trương-
Hiệu (người nhà Nguyễn - hữu-
Nghi) đem đi dè mượn nhịp cầu
kết-ban giao-duyện.

Bài thơ như sau đây:

Vă̄n-đao Ái-Châu đa tuân kiết
Hu-hoài trắc lịch giục cầu ty
Vô lâm cứu bão Kinh-sơn,
Phá-

Thiên tượng phương trời Ký-Bắc

**U cõc hñu-huong thiên-lý viễn
Cao cõng minh - phuong cùu**

Thứ hồi nhược đặc sơn-trung

Tá ngă kinh - luân chuyền hóa ky.

Cụ Trần-trọng-Kim dịch :

*Ái-châu nghe nói lầm người
hay
Ao-ước cầu hiền đã bấy nay
Ngọc-phát, Kinh - sơn tài săn
đó
Ngựa kỳ Ký-Bắc biết đau thay
Mùi hương hang tối xa nghìn
dặm
Tiếng phượng gò cao suối chín
mây
Sơn-tè phe nồng dẫu gấp-gõ
Giúp nhau xray đồi hội-cơ nồng*

Bài thơ thật là tuyệt tác.

Nhưng chỉ có hai câu kết quan trọng, có ý-nghĩa súc-tích đá động đến thởi thế.

Phải chăng tác-giả dụng ý hay là cảm hứng rật-rào của Thi-Nhân đã nhường chỗ cho « khau-kí - suông » của một cậu ấm hiếu-niên ngông cuồng.

Không dè Nguyễn-Trương-Hiệu không đưa bài thơ này cho Nguyễn-văn-Khuê và Nguyễn-dức-Nhuận, mà lại đưa cho Nguyễn-hữu-Nghi xem. Hữu-Nghi xúi Hiệu di cáo với Lê-văn-Duyệt.

(Đây, tôi xin dè dấu - ngoặc, nói về ba chữ : « SƠN-TRUNG-TÈ » trong hai câu kết của bài thơ trên : Trong văn - học sử Trung-Hoa, dời Lương-Vũ-Đế

(502 — 549) có ông Đào-hoàng-Cảnh, học-thức uyên-bác nhưng không tham-chính, chỉ muốn ẩn-dật.

Mỗi lần, Vua muôn hồi tiên sanh về quốc-kế dân-sinh, thì sai sứ-giả vào núi dè tìm, chẳng khác nào ông Tề-tướng ở Sơn-trung, cho nên người đương thời tặng Đào-hoàng-Cảnh một danh hiệu là SON - TRUNG - TÈ - TUỐNG).

Theo sự tích Sơn-Trung-Tè, thì 2 câu thơ của Nguyễn-văn-Thuyên thật là khinh-thể ngoại-vật và cũng là lợi-khí duyên-truyền một cuộc âm-mưu khởi loạn, xoay lại tình-thế nước nhà.

Nguyễn-văn-Thành (thân sinh của Nguyễn-văn-Thuyên) và Lê-văn-Duyệt lại dã có mối hiềm khích với nhau từ lâu.

Lê-văn-Duyệt xuất thân trong đám hoạn-quan-Còn. Nguyễn-văn-Thành thì con nhà quý-tộc, xuất thân trong đám sĩ-phu. Khi vua Gia-Long lên ngôi hoàng đế, đều phong chức lớn cho 2 ông nhưng ông Thành vì éc gai-cấp quý-tộc quá nặng cho nên khinh-re ông Duyệt. Duyệt hậm hực, căm-tức vô cùng nhưng chưa có dịp trả thù. Duyệt bèn nǎm lấy bài thơ

của Nguyễn văn Thuyên là con trai Nguyễn văn Thành mà tâu với vua. Sau đó, Nguyễn - văn - Thuyên bị bắt bỏ ngục.

Nguyễn-văn-Thành dành ngâm ngùi rời lè..!

«Non nước, nước non: ngao-ngán
nỗi

Cỏ hoa, hoa cỏ ngàn ngõ chiều»

Thật là ngao ngán! con bị bỏ ngục, cha cũng bị huyền chúc luôn.

Ít lâu sau, vì «rõ tối chẳng được minh oan», Nguyễn - văn - Thành uống thuốc độc tự tử, còn Nguyễn văn Thuyên thì cũng bị xử chém!

Ô hô !! Rơi dầu ... vì một bài thơ !!



* Viết đến đây ! tôi liên-tưởng đến bài thơ «Phê-dơn» của Bà HUYỆN THANH QUAN: Phán cho cô Nguyễn thi Đào Sóng sầu nước chảy, cảm sao chờ ai ... ?

Chứ rằng : «Xuân bắt tái lai»
Lấy chồng thì lấy, lấy trai thì
đừng ».

Vì sự hiếu lầm của cô Nguyễn thị Đào (hai mươi mấy cái xuân-xanh) cho nên ông huyện Thanh Quan phải bị cách chức về vườn.

Phải chăng cô Đào đã hiếu lầm mý ý của bà huyện Thanh Quan muốn cho mình tái giá vì chồng đi biệt xứ :

«Đốc bồ thương kẻ ăn đồng
Vắng chồng thương kẻ nằm
không một mình» ?

Than ôi ! vì một bài thơ, mà chồng một Nữ sĩ làm quan bị cách chức, cũng vì một bài thơ mà một Thi sĩ trẻ tuổi bị rơi dầu ! Tác phong của một bài thơ thật ghê gớm vậy thay ! Thỉnh thoảng chúng ta nên ôn lại những bài học lịch sử vô ngần quý giá ấy. Phải không, các Bạn ?

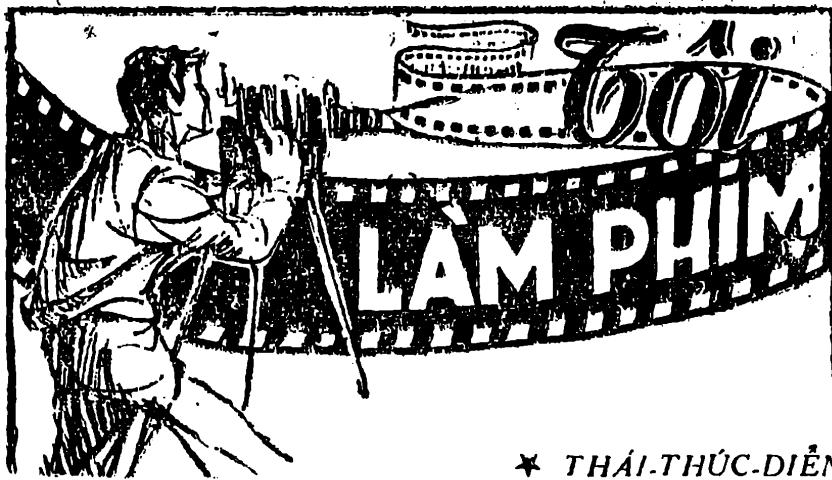


* LÝ LUẬN SAY

— Mắt ông không kém là tại ông hay uống nhiều rượu đấy !

— Ông nói sai bét, những khi tôi uống rượu, mắt tôi nhìn vật gì cũng thành hai kia !

T.L.L.



(Tiếp theo PT số 2)

ID A O đó, cơ hội đưa đến
cho tôi một Ông Đạo-diễn
«quái kiệt». Ông xòe bàn tay
cứng rắn ra bô-xua tôi, miệng
hở ngoài giao dê lòi vài chiếc
răng vàng. Tôi nhìn thẳng vào
đôi mắt mèo của ông. Ông tỏ
ra thao thao bất tuyệt :

-- Bồ mà ! anh chưa biết tôi
chắc ! hả... hả... Quận Nhì ai còn
lại mặt lui !

-- Biết ! biết lắm ! nghe danh
Ngài từ lâu song chưa được cái
hàn hạnh tiếp xúc ...

Tôi còn nhớ mãi chiếc đầu
bàn chải, nét mặt phong sương
tỏ ra người có thiện chi, đầy nghị
lực, nước da màu bánh ít, dày-
dạn nắng mưa.

-- Tui biết quay phim từ lâu,
cái đạo mà Việt Nam chưa có ai

* THÁI-THÚC-DIỄN

quay cả. Tui ưa nghề này lắm,
tôi đã hy sinh nứa đời người
cho nghệ thuật thứ bảy.

— Anh quay được mấy cuộn ?

— Ké ra không hết ! nhưng
negatif còn cắt kỹ chưa phải lúc
đưa ra ?

— Bây giờ tôi có một sáng kiến !
Ông Đạo diễn đưa tôi một tập
giấy và ghé niêm rỉ vào tai tôi ...

— Hùm ! Được, tốt ...

— Tôi phải đảm nhận cái
«thiên chúa» ấy, anh cũng biết
tui chó ! Tất cả bọn họ là trong
tay tôi ! Mà mình phải làm một
cái gì phột-nui-dáp cho người ta
biết chó ! Anh coi hồi đó, tôi hy
sinh cho đến nỗi phải đi làm thợ
chiếu bóng cho một hảng Tây ở
Sè-gon. Mất ba năm ...

— Ba năm ! làm ô-pê-ra-to ?

— Hy sinh mà ! Phim, dễ ợt

anh ơi : ráp nỗi, tôi thảo số dách
«cú ruột» mà ! Đạo đó phim xấu
hay đứt quãng, mà phim còn
nữa ! dễ ợt hé !

— Hừm, đúng !

— Rồi tôi nghiên cứu về
«xoâng», mất thêm ba bốn năm
chi nữa đó phải chi dừng có trận
giặc thứ hai này thi ...

— Anh nghiên cứu bằng cách
nào ?

— Trời sách vở thiếu gì, mà
tui vô tiếng thì số dách. Anh
coi mấy đĩa hát hiệu ... XX, nghe
trong veo, anh chịu chưa ?

— Chịu ! nhưng nghe nói là kỹ
sư Đức vô mà !

— Đúng, nhưng mình làm
công à ... công tác với nó... Trời
tui nói thiệt người minh khôn
lắm, khôn trở trời mà lên lận !
Thì ... cái ấy anh cũng thông cảm
cho chớ ? ... hi ..hi...

— Hừm !

— À, bữa nào anh rảnh mời
anh lại studio tôi coi cho biết, tôi
có một cái studio vô tiếng còn
«ấm» hơn cả của đài Pháp Á nưa !
Mà lại có một bộ máy vô, à ...
hách-si... ma-gné-to... hách-si gì
đó của Đức vô song ! Nè... còn
tài tử anh khỏi lo... tuyển là thần
kỳ đồng nữ quái cả, tui nắm đuôi
tui y như ... lấy to' vậy !.

— Quý hóa quá ! Tôi chưa
từng thấy ai như anh.

— Juit (Juste), chuyện nào
chó chuyện này hốt da anh ! Hốt
100/100.

— Bao giờ bắt đầu ? Coi ngày
chưa ?

— Ngay tức thời !

— Ý !

— Nói vậy chờ đẽ tinh coi
sao ...

Ông Đạo diễn thật là một đạo-
diễn «quái kiệt». Hôm sau, ông
cho chở đến phim trường một lố
phong cảnh vẽ trên vải ... Kề ra
nét bút cũng thản tình, nhưng
nếu các tấm phòng này đẽ cho
một gánh hát cãi lương nào xài
thì rất đúng điệu ... Nhưng xi nê
thì ...

— È bồ ! thuê mất 30 ghim đó.
Tôi chạy đồ mò hỏi mới kiếm ra
đó ! Đẽ co sống vẫn hơn nhưng
tiền tàn mà Bồ !

Chúng tôi bắt đầu quay mà chỉ
quay về khuya, vì phải lấy tiếng
trực tiếp, đợi lúc tiếng xe hơi
và các thứ tiếng động khác dịu
dần...

Tài tử cũng lần lần thu hồi
vào lúc 1, 2 giờ đêm làm việc
cho đến sáng bạch mới ngưng.

Ban đầu tui tôi chưa rõ năng
lực của ông Đạo-diễn, tui tôi
nghe ông chỉ huy và sắp đặt
công việc phát ón luân. Nên về
sau thường phát biều một vài
ý kiến mục đích xây dựng..
Được cái là trước mặt các tài
tử, Ông Đạo-diễn có quyền «quái
kiệt» nhưng nếu lui về vị trí
thân mật. Ông cũng chịu khó
học hỏi với tui tôi.

Đạo diễn chưa bao giờ

ở trong nghè, tài tử mới chập chững vào làng, tuy thiện chí vẫn sẵn nhưng tự ái quá cao, lầm khi chúng tôi phát ờn chán. Tôi nhắc lại ông không phải đè chỉ trích, nhưng đè nhỡ lại một giai đoạn làm phim hi hữu nhất.

Mãi về sau ông Đạo diễn quái kiệt bỏ nhỏ vào lồ tai tai tôi :

— È Bồ ! qua mời học xi-nê nghe hòng ? Có chi bồ nhắc dùm ngheo ?

Ban đầu, ông quát tháo oai hùng, trong khi tài tử tập dượt, tai tòi nhận định với con mắt «thợ». Ông chỉ là một nhà dàn cảnh cải lương không hơn không kém. Kế nhisch qua xi-nê cũng được đó, song lướt chậm chút xiu nữa thì hay. Hoặc nếu ông biết tự mình đặt mình vào đúng chỗ như «phụ đạo diễn» hay là «hay ngoài» thì ông sẽ trở nên đặc lực.

Tai tử có người khó tánh vô cùng. Nhứt là một vài nữ viên được báo chí tăng bốc lại càng làm già.

Tôi nghiệp ông Đạo của tôi, ông quát tháo, ông năn nỉ, rút cục ông khóc muỗi... Mà khi ông khóc thì tai tôi thấy tội nghiệp vô cùng.

Một hôm, quay một cảnh bị bỏ dở từ hôm trước vì thiếu điều kiện, lúc đó đã 2 giờ sáng rồi. Ông Đạo và chúng tôi ngồi chờ nữ tài tử đến mòn con mắt.

Tất cả các vai khác đều có mặt trang điểm xong xuôi. Chỉ còn nữ-kỳ... cục là chưa tới ! Ông Đạo vọt ra xe hơi, đi hút tim, rồi trở về với xe không..

Ông ngồi vò đầu, mặt dỗ ngầu thiếu đường khóc, thi có tiếng xe dô. Nữ quái kiệt đã đến ! Ông mừng quá xoa tay chạy ra :

— Cô Ava ơi ! cô làm anh em họ đợi từ 10 giờ đến giờ !

Ava nũng nịu : Em đau đầu thì làm sao dã nào ?

— Thôi mời Ava vò di cho, trang điểm cho rồi !

Ava bước vò ngồi lại bàn điểm trang bỗng nhăn mặt ! Ông Đạo lơ lâng : «Lại gì nữa đó !

— Ava đợi quá ! Ước gì có một vài chiếc xăng-uých cho Ava thì cảm ơn lắm !

— Xăng-Uých ! bà giờ sáng rồi ai mà bán ! A được,.. đè tôi đi.

Lát lâu ông Đạo trở về, khệ nệ ôm một gói tướng, đến đặt trước mặt Ava. Ava thò cái ngón tay có móng dài và nhọn như vuốt beo, thoa một thứ vẹt-ni tím bầm khêu lớp giấy nhựt-trinh thì bỗng tắt cả nghe một tiếng rú của Ava Việt-Nam :

— Chèn đét ơi ! gì vậy ?

— Bánh mì thịt ! chê hả ?

Cả đoàn đều cười ! Ông Đạo cũng cười nhưng cười duyên rồi nhỏ nhẹ xoắn xít :

— Nè Ava, giờ này đâu có xăng-uých, tôi phải chạy lên tột Tân-Định kiếm mua cho được

thứ bánh mì thịt này..

— Không phải Ava chê bánh mì thịt đâu ! Ava quên cái quần sa-teng mặc bữa hôm. Ava bữa nay mặc quần đen mà hôm trước mặc quần trắng, Ava sợ có bẽ gì không ?

— Trời ơi, bộ cõi muốn giết tôi sao chờ ?

— Làm sao bây giờ ?.. A, hay ông Đạo về nhà lấy dùm Ava đi, Ava móc ở trong tủ kiếng, ông Đạo cứ về nói Thím em đưa cho... Đi cho rồi, còn chần chờ gì nữa ?.. Ava bị trang điểm lỡ rồi, nếu đi khi trở về lại phải trang điểm nữa...

Ông Đạo lắc đầu nét mặt chán nản vò cùng, quay lại hỏi tui tôi một câu rất ngờ ngần :

— Ô he ! có Bồ nào có quần sa-teng cho Ava mượn đõi không hè !

Cả đám cười. Có tiếng nói :

— Có quần nhung cho mượn rồi ... mặc xí líp sao ! Tôi chịu khó đi lấy cho Cô cho rồi đi cha !

Ông Đạo vọt ra xe. Ava chờ ông ta đi khỏi, cười và nói với tui tôi :

— Ava muốn phá chả chơi cho bô ghét ! Ai đời đến mời Ava đi đóng mà đám cửa ầm ầm như kêu nhà cháy vậy !

Ông Đạo trở về, hắt hơi hắt hãi, tay xách chiếc quần sa-teng trắng đưa cho Ava. Ava cầm lấy, nhìn kỹ một chút rồi nói :

— Ông Đạo cầm sao nhều hết rồi vậy nè ! Cho em mượn cái bàn ủi đi.

Ông Đạo nhìn chiếc quần như nhìn một cái xác chết của một người thân cật, mắt dài ra... Bỗng ông vứt đứng dậy, đi lấy một chiếc mền và một chiếc bàn ủi... Cầm cần thận đầu dây vào lõi chuyền ...

Ava ủi kỹ lưỡng chiếc quần sa-teng. Bỗng chiên, Ava tắc-lưỡi hỏi ông Đạo :

— Cái lai quần bị bùn đánh đen thui để vậy có được không ông Đạo ?

Ông Đạo vội vàng dắt lấy chiếc quần, chạy ra ngoài.

Tui tôi tưởng ông đem nó đi ném vào thùng rác và tuyên bố «treo giờ» cái buồi quay nặng nhọc ấy ..

Ông lại trở vào với chiếc quần.. Đầu nước tắm lem hoen-ố !

Thì ông đã đi giặt cái lai bị bùn làm dơ.

— Ủi lại đi Ava, sạch rồi !

— Ava cảm ơn ông Đạo vô số kẻ !

Tui tui khúc khích cười. Có kẻ nói :

— Với ông Đạo quái kiệt này phải có tay kỵ nữ tài tử này trị mót nồi ! Nhưng không hiểu kiếp trước ông có nợ nần chị với Ava mà bây giờ phải đi giặt quần dùm ! Thiệt là !...

— Ông Đạo ăn ở như vậy mà

tài tử chờ gì mà không mến ông chờ ?

Có một lần ông Đạo quở tài tử quá mạng trong một màn khà cup lạc. Màn ấy trình bày một ông chủ «xanh-xít đít dui» đang tiếp xúc một cô gái mơn mởn dào tơ, (vay chính) đến vay tiền về nuôi mẹ già ... Ông «xanh-xít» lở ra, rất (ngoại giao) nên bị cô ta cho ông vay một tát tai ... Ông Đạo là quá nên tài tử đóng vai ông «xanh-xít» nỗi dòa, vì tự ái bị tồn thương thì ít; nhưng có lẽ là vì (anh ta nói nhỏ với tụi tui sau này) cứ đến pha cup lạc «động chạm» quá trớn là anh ta bị ông Đạo «chỉnh» ngay. Ông Đạo làm cho anh ta cựt hứng không tí, từ đỗ mặt, anh ta trở nên xám xịt... rốt cuộc anh ta dỏa lên cự nự :

— Thì ông đóng trước cho tụi lui bắt chước đi coi nào, là hoài hè !

Tự ái bị tồn thương, ông Đạo muốn tỏ cái «quái kiệt» của mình, sa sầm nét mặt nói :

— Được, anh em coi tôi đóng dày nè !

Ông ngồi vào bàn và lui tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của ông. Ông vừa đóng vừa chỉ : «Vậy nè... rồi vậy nè... rồi vậy nè...» Chúng tôi cảm thấy ông ngượng ngượng ngại ngại cười chép đi được, nhưng chứ vậy nè, vậy nè là để che đậm sự ngập ngừng... và để kịp suy nghĩ

đến các động tác sau...

Cha «xanh-xít» giờ máy điện thoại vây nè.. Ava ngồi phía này vây nè. Cha cười tinh vây nè, rồi bước qua phía bên này nè, kéo ghế ngồi đối diện với Ava vây nè.. Cha giả vờ với tay lấy cặp hồ sơ đè chạm nhẹ vào tay Ava... Anh nhớ chưa ? Rồi à rồi.. cha nói như vây nè..» Chà sao cô trông như một bức tượng Vénus vây .. Cha vừa nói vừa xit lại gần Ava vây nè. Trong khi đó Ava nép lèn vào bàn, trước sự «tấn công» của Đạo diễn biếu diễn. Hiều chưa, nhớ chưa à.. Chà xanh xít nói : Bàn tay của em đẹp quá xá. Tui biết coi chỉ tay... đè tôi xem thử nào... coi nǎm nay-cò... (Ông Đạo vừa nói vừa nắm tay Ava).

Tất cả những động tác của ông Đạo cố nhiên là miễn cưỡng, ngượng nghịu, không «thực» một chút nào, ông chưa phải là diễn viên được... nhưng một tiếng «Bốp» vang dậy chát chúa ! Tôi tôi chưa biết chuyện chi... nhìn kỹ thấy ông Đạo bật ngửa, đứng ngày người... tay trái xoa vào má.. nhìn chòng chọc vào Ava.. cặp mắt kiếng (không kiếng) tụt xuống cõi trên đầu mũi..

Chính lúc ấy điện bộ của Đạo diễn mới ý như một anh chàng bị bắt tai thật, từ động tác nhỏ cho đến nét mặt đều được diễn tả một cách «sống» đặc biệt. Anh

«kép» hoan hô, vỗ tay bồm bộp.
Tui tôi cũng vỗ tay khoái chí :

— Ông Đạo đồng tài tình quá,
quái kiệt là phải !

Riêng Ava cười như nắc nẻ và
ông Đạo đáng lẽ xoa tay đồng
cười như chúng tôi, thì mặt ông
vân dài ra, nhìn Ava như muốn
ăn thịt. Tui tôi cũng ngạc nhiên
ngưng tiếng cười thì nghe vang
lại :

— Ava ! sao đánh mạnh quá
như vậy !

— Có vạy mới hay, mới đúng
chớ !

— Đúng cái cóc khô họ, hay
cái cóc khô họ...

Ông Đạo «quái kiệt» xoa xoa
cái má vừa đi vừa càu nhau :

— Anh T. vào dượt lại xem
nào ?

Anh T. vô nói với Ava :

— Nè, kỳ tài tử, chờ khi
nào quay thật hấy đánh mạnh
ngheo !

Khéo không rụng bộ râu cá
chốt, dán lại mắt công lăm...

Cả hai tài tử cùng cười, nhẹ
mắt nhìn nhau.

(Còn nữa)



• BÀ CHỈ NÉM CÁI ÁO LẠNH

Hai vợ chồng người nọ mới dọn lại đầu ở. Ông chồng rất
hiền lành, bà vợ lại quá to-tuồng hung-dữ. Một buổi sáng ông láng
giềng chuyện trò với anh nọ:

— Đêm qua bê n nhà anh có chuyện gì thế ? Tôi đang ngủ
phải giật mình thức giấc vì những tiếng rầm rầm, rồi la hét, chửi
rủa om-som. Rồi tôi còn nghe một tiếng «bịch» như có vật nặng rơi.

— Chả có gì cả, anh à ! Tánh vợ tôi gắt gỏng như thế đấy !
Rồi đè cho hả giận nô lại lấy áo choàng lạnh của tôi mà ném ra
cửa sổ...

— Thật à ? Chỉ có một cái áo rơi mà lại nghe một tiếng
«bịch» như thế sao ...?

Người nọ đáp ứng :

— Thật mà... ! Chính cái áo của tôi bị ném ra cửa sổ đấy.
Thôi và... và có tôi trong cái áo ấy nữa !

CHÚNG TÔI XIN ĐỀ NGHỊ Bộ Quốc Gia Giáo-Dục

ĐỀ NGHỊ VÀI ĐIỂM TRONG

CHƯƠNG TRÌNH SỬ ĐỊA

CHÚNG tôi nghĩ rằng trước khi nói đến việc sửa đổi chương trình một môn học — Sử-Địa — nên bồi đến một vấn-dề tiên-quyết là lúc này có nên nói đến việc sửa đổi chương-trình trung học không. Sở-dĩ vấn-dề tiên-quyết này được đặt ra là vì trong hội-nghị do Bộ Quốc-Gia Giáo-dục tổ-chức vào cuối niên-học vừa qua, có vị giáo-sư nhận thấy rằng chương-trình mới — có vẻ soạn thảo một cách công-phu, có vẻ cách-mệnh đối với các chương-trình cũ vẫn cần được sửa đổi ở một, vài điểm; nhiều vị lại cho rằng chương-trình mới ấy chỉ áp-dụng chưa được một năm, có

phần lại chưa được áp-dụng (chương-trình Đề-Nhị, Đề-Nhá chẳng hạn), thì làm sao có thể bàn ngay đến việc sửa đổi chương-trình liền được: cần có thời kỳ chờ máy mới thấy rõ rู้, khuyết-diểm.

* NGUYỄN HỮU THÚ

Ý ấy kẽ cũng đúng, song chúng tôi lại nghĩ rằng có điểm chỉ dừng về phương diện lý-thuyết mà nói; xem khó lòng áp-dụng được. Một trong những điểm ấy lại chính là chương-trình Sử-Địa. Vâ chăng, đặt-biệt trong năm nay, ngày khai giảng sớm hơn trước, nhưng lại rất chậm đối với chương-trình mới, và ngày bắt đầu nghĩ bè lại rất sớm — 1 tháng tư

năm 1960, nên thời gian học thật sự tại các trường công-lập chỉ độ sáu tháng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thế nào cũng phải đề-cáp đến việc hạn-chế chương-trình tức là nhất thời nói đến sự thay đổi chương - trình. Chúng tôi thấy rằng đây là một cơ-hội tốt để chúng tôi phát-biểu ý-kien, mong rằng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục lưu tâm mà quyết định những sự thay đổi — có thể tạm thời, có thể vĩnh-viễn— về chương-trình trung-học. Cho nên, chúng tôi nghĩ rằng bây giờ mà nói đến việc thay đổi chương-trình không phải là sớm mà cũng đúng thời nay.

MỘT SỰ THAY ĐỔI VỀ CHƯƠNG-TRÌNH SỬ-ĐỊA ĐÁNG MỪNG : TÁNH CÁCH BẮT BUỘC CỦA MÔN SỬ - ĐỊA VỀ THI VIẾT.

Cuối niên-học nay, chế-độ thi sẽ mới đổi với học-sinh trung-học đệ-nhất-cấp, tú - tài phần nhất ; trong chế-độ mới này, sử-địa sẽ là môn thi viết bắt buộc ở tú-tài phần nhất ; ở trung-học đệ-nhất cấp, sử-địa và công-dân giáo-dục sẽ được bắt-thăm để thi viết. Đó là sự thay đổi quan-trọng đáng đè ý. Trước đây, thường học-sinh đợi xem thi viết có khả không rồi sẽ học vần-dáp, trong đó có môn sử-địa. Chương-trình môn này dài,

hai học-hầu như miên-mông, sự hiều-biết của học-sinh cần phai rộng ; thế mà học-sinh cả năm học không châm, không thuộc, làm thế nào trong năm, bây giờ học xong được. Thành-thứ lúc vào thi, thi-sinh rất sợ và dùng tất cả những phương-pháp có thể dùng để thoát qua chương ngai vật này. Các giám-khảo đều không lấy làm thỏa-mản và lầm-lúc vì thương hại hay vì lý-do khác, cho một diêm không đến nỗi tai hại cho thi-sinh ; đó là chưa kể các diêm tốt mà giám-khảo cho tuy không xứng. Nay thi viết sử-địa, học-sinh phải lo học, chứ nếu vào thi mà đè giấy trắng, thì đâu người thân-thích mình tìm được bài của mình nhờ nhớ mặt chữ, cũng không có can-dam cho vài, ba diêm ; tóm-lại, vì muốn đỗ và không thể dùng phương-pháp «nhàn-tạo» nào để có diêm nên học sinh phải cố-gắng học và hiều sử-địa, tức là đầu-muốn đầu-không, trình-độ hiều-biết cũng nhân đó mà được nâng-cao. Ích lợi của sử-địa trong đời không phải ít, nên việc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục buộc học-sinh thi viết sử-địa là một việc nên tán-thưởng.

MỘT KHUYẾT - DIÈM CỦA CHƯƠNG - TRÌNH MỚI : DÀNH QUÁ ÍT GIỜ CHO MÔN SỬ - ĐỊA.

Nếu chỉ thi sù-địa về văn-hán mà thôi, giáo-sư tùy theo giờ mà tóm tắt lại; lúc vào văn-hán, học-sinh trả lời qua loa hay dùng mảnh-khoé gì đủ điểm trung bình là được. Nếu thi sù-địa viết, học sinh phải có đủ ý mà trình bày một bài từ-tế-nên giáo-sư phải dạy cần thận. Hiện nay, các sách giáo-khoa về sù-địa ở các lớp thi hay không chưa đầy đủ, chưa hoàn toàn nên giáo-sư phải trình bày một cách dài dòng văn-tự chứ không thể tóm tắt được.

Giáo-sư có thể làm công việc ấy trong thời gian định ở trong chương-trình mới không? Muốn rõ, chúng ta chỉ cần so-sánh với chương-trình cũ. Trong chương-trình này (cũng được sửa đổi rất nhiều lần), mỗi tuần học-sinh từ đệ-thất đến đệ-tam học ba giờ sù-địa, chia ra như sau: một giờ ở Việt-sử, một giờ Thế-giới-sử và một giờ Địa- lý. Tại các lớp Đệ-nhị và Đệ-Nhất có một giờ Việt-sử, một giờ Thế-giới-sử và hai giờ Địa- lý. Tại các lớp từ đệ-thất đến đệ-tam, giáo-sư có thể dạy hết chương-trình trong thời gian hạn-dịnh (trong thực-tế cũng có rất nhiều giáo-sư dạy không hết chương-trình). Trước đây, tại các lớp Đệ-Nhị và Đệ-Nhất, tuy với bốn giờ, các giáo-sư không làm thế nào mà dạy xong chương-trình cả. Chúng tôi chắc rằng những vị nào đã

dạy các lớp ấy phải công-nhận điều này. Chương-trình mới có gì thay đổi về sù-địa? Từ nay, tất cả các lớp đều có hai sù-địa mỗi tuần; tại các lớp không thi thi (thất, lục, ngũ, tam), không có thế-giới-sử, giáo-sư có thể dạy hết chương-trình. Trước đây, tại những lớp có thi, có môn thế-giới-sử mà chương-trình Việt-sử, thế-giới-sử cùng địa- lý có thay đổi nhiều lần đâu, nghĩa là giáo-sư phải dạy một chương-trình nặng gần như cũ (nói chung cả ba môn) trong thời-gian chỉ bằng nửa trước, và giáo-sư phải dạy thận-trọng hơn vì đây là môn có thể thi viết. Vì nào muốn thấy các điểm thay đổi, chỉ cần đem so sánh hai chương-trình cũ và mới và sẽ nhận thấy rằng chúng tôi nói không sai sự thật. Chúng tôi chỉ đem chương-trình đệ-nhất làm thí-dụ:

Về Việt-sử, chương-trình vẫn như cũ: Việt-Nam từ 1884 đến ngày nay.

Về thế-giới-sử, có rút bỏ ít nhiều, song chung ra, chương-trình vẫn như cũ.

Trước đây, dạy hai chương-trình sù này, ít có giáo-sư dạy hết chương-trình được vì về thế-giới-sử, trong giai đoạn hiện kim, thế-giới có biết bao biến-cố quan trọng, chỉ đem kê những việc chính, chứ không cần giải thích cũng đủ hết thì giờ rồi. Như vậy, với hai giờ

mà chương-trình mới dành cho lớp đệ-nhất, giáo-sư ngày nay không thể dạy xong chương-trình Việt-sử và Thế-giới-sử rồi, huống hồ là còn phải dạy môn địa- lý nữa. Về môn này, chương-trình cũ dành những hai giờ như chúng tôi đã trình bày trên; chương-trình mới có khác là bỏ hẳn nền kinh tế chung cho thế giới như thực phẩm, nguồn năng lực.. tức độ 1/3 chương-trình; phần bỏ đi lại đem vào chương-trình Địa lý Đệ-tam. Trái lại, trong chương-trình Đệ Nhứt lại thêm vào những cường quốc Á Châu là Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa. Thị giờ dạy ba nước này có lẽ cũng bằng thị giờ dạy nền kinh tế thế giới đã bị bỏ đi. Tóm lại, chương-trình mới cũng cần một số giờ bằng chương-trình cũ; hai giờ mỗi tuần. Nay Bộ Quốc Gia Giáo Dục lại bắt dạy trong hai giờ một chương-trình cần dạy trong bốn giờ mỗi tuần làm thế nào mà giáo sư dạy cho xong được? Đó là chưa nói đến việc vào vấn đáp có giáo sư lại hỏi đến địa lý từng khu vực nữa.

Đề kết luận đoạn này chúng tôi mong rằng Bộ Quốc giáo dục xét lại số giờ dạy mỗi tuần và cho thêm ít nhất mỗi tuần một giờ ở những lớp di thi: Đệ Tứ, Đệ Nhị và Đệ Nhứt. Đây không phải là một lý thuyết, một đề nghị không thiết thực vì nếu không được thêm giờ, không một giáo

sư nào có thể dạy hết chương-trình, dù là tóm tắt hết sức (mà tóm tắt quá thì trình độ học sinh đã kém sẽ kém hơn nữa).

MỘT KHUYẾT - DIỄM KHẮC: CHƯƠNG TRÌNH MỚI CHƯA HÀN LÀ MỘT HỆ THỐNG TỰ TƯỞNG LIÊN TỤC.

Đề các nước kia cũng có thể thừa nhận bằng cấp của chúng ta chương-trình trung học phải đào tạo những học sinh có kiến thức tương đương với học sinh các nước. Chẳng hạn, hiện nay chưa có thỏa ước văn hóa giữa Việt Nam và nhiều nước khác như Hoa-kỳ, Úc... Tại những nước đó, khi có học sinh ngoại quốc như ở trường hợp như Việt Nam đến học, người ta cung buộc kê những môn cùng số giờ đã học nếu học sinh Việt Nam theo học một môn về văn chương, nhất là về Sử Địa, thì các trường trung học Việt Nam sẽ phải kê đúng theo chương-trình, nghĩa là về sử thế giới, chỉ học trong ba, trong bảy năm, và mỗi tuần chỉ 40 phút thôi. Chúng tôi nghĩ rằng như thế có điều bất tiện cho học sinh Việt Nam. Thật ra, chỉ học trong 40 phút trong ba năm mà học sinh trung học có những bảy năm thi học sinh Việt Nam

thua học sinh các nước về kiến thức chung. Vì thế, chúng tôi mong Bộ Quốc Gia giáo dục xét lại điểm có nên đề học sinh tắt cả các lớp học thế giới sử như cũ không; vấn đề này cũng đã được đề cập đến trong một vài bộ nghị giáo dục, song xét lại cũng không thừa.

Hơn cuối cùng mà chúng tôi xin bàn đến là nội dung của chương trình mới về Thế giới sử.

Có nhiều đoạn quan trọng bị bỏ qua, như cuộc cách mệnh giành độc lập của Hiệp chủng quốc Bắc Mỹ; tiến triển của chế độ đại nghị Anh trước 1789... Còn rất nhiều điểm nữa cần được xét đến.

Chúng tôi viết bài này với hy vọng rằng Bộ Quốc Gia Giáo Dục lưu tâm đến một vài đề nghị của chúng tôi để việc dạy Sử Địa được dễ dàng hơn.



• MỨ QUYỀN

Sau chiến tranh, để kêu gọi dân chúng tiết kiệm điện, chính phủ Anh-Quốc cho treo những tấm biển vẽ hình một đứa bé đưa tay lên sấp sửa tiết điện, với những lời chua bén dưới : « Má quên tắt đèn rồi ».

Lần ngay sau khi những tấm biển ấy được treo lên, một nữ nghị sĩ đã lớn tiếng giữa Quốc-Hội, phản đối nhiệt liệt, cho rằng câu ấy là một lời sỉ nhục phụ nữ.

Một nam nghị sĩ hỏi :

— Xin quý đồng nghiệp cho biết phải sửa đổi như thế nào? Nữ nghị sĩ đáp :

— Nhân danh tất cả phái nữ nước Anh, tôi đề nghị đổi câu chữ thích trên bản yết thố, mà viết ra thế này : « Ba quên tắt đèn rồi ».



— 26 tháng 10 —

Cố gắng, hy sinh, kỹ luật, kiêm cẩn,
Toàn dân nhất trí canh tân nước nhà.

CÔ GÁI DIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VŨ ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-BẮC

VII

(Tiếp theo PT số 21)

Tôi kế-tục nói tiếp :

— Cô Hải-Lan à, tôi có cái cảm-giác rằng, cứ sống đơn-dộc, lè loi như thế này mãi-mãi, chẳng có lấy thêm một người nào để chuyện-trò, hâm-sốt, tôi dám đoán quyết, một người can-dam dồn đâu, rồi cũng đến chết mòn trong cái không-khí tro tàn, khói lạnh này, thôi !

— Tiên - sinh nói không sai lão-gia thì thường - thường vắng mặt, mà thái-thái cũng luôn-luôn đi chơi; nếu một hai khi có ở nhà, thái-thái chỉ chăm lo thêu-thùa hay cho lũ chim ăn.

— Thế, không bao giờ có khách lại chơi hay sao ?

— Thưa không.

— Thiệt tình, một thiếu - nữ, vừa trẻ trung, vừa có nhan - sắc

như cô, cô làm thế nào mà sống
nội trong cái hoàn - cảnh cô-tịch
này, kia chứ ?

— Tiên-sinh dạy rất đúng, ấy
lúc đầu, tôi chưa quen, tôi thấy
hết sức buồn khổ, nhưng, tiêu-thư
dái tôi rất hậu, và coi tôi như
linh ruột thịt, tôi không thể không
dáp lại cái thịnh-tình đó, thế rồi,
lâu dần, tôi hiểu tiêu - thư hơn,
và tôi yêu tiêu-thư. Tôi thấy tôi
phục-vụ tiêu - thư, không những
đó là một niềm vui, mà còn là
một thứ quang-vinh cho tôi.

— Thế cô lại đây được bao
lâu rồi ?

— Thưa tiên - sinh, tôi nay,
vừa được hai năm a... Nhưng,
tiên-sinh hỏi tôi như vậy để làm
gi, kia a ?

— Tôi hỏi cô như vậy, không
có ý gì khác, tôi muốn được
biết rõ, có phải tháng tháng cô
có linh một số tân - kim hay
không ? Nếu có, tôi muốn nhờ cô
giúp tôi một tay trong cái nhiệm-
vụ của tôi, và, mỗi tháng, tôi xin
đưa cù sáu trăm phật - lăng...

— Tôi có linh tân-kim, nhưng,
thưa tiên - sinh, nếu việc tôi hò
ông có thể giúp ích một phần nào
cho tiêu-thư, bất luận việc gì, tôi
cũng xin vui lòng làm.

Cô trù-trù một lát rồi lại nói
tiếp :

— Nhưng có một điều, tôi xin
thưa trước, là, về thuốc - men,
cùng là cách chữa bệnh, tôi chẳng
biết một tí gì cả.

— Cái đó không cần đâu, cô
ạ, nói tới việc y-trị thì ngay tôi,
tôi cũng không phải là một ông
thầy thuốc đâu.

Nhất-nhất về thuốc men, chúng
ta sẽ do sự chỉ-dẫn của y-sư Xa-
lạp-Mỹ mà thừa-hành.

— Nhưng, tiên - sinh sẽ bảo
tôi làm những gì, mới được kia
chứ ?

— Tôi chỉ cần cô sẽ vui lòng,
y theo lời tôi, và có khi cô sẽ đi
theo tôi ra ngoài, ngay cả những
lúc đêm hôm, khuya khoắt nữa,
cô đã rõ chưa ?

— Tại sao kia a ?

— Vì tại, rồi đây, cả hai
người chúng ta đều phải luôn-luôn
đi kèm tiêu-thư, mỗi khi tiêu-thư
bước chân ra khỏi nhà.

— Nếu vậy thì được, tôi xin
vâng. Tuy-nhiên, có một điều, tôi
e, không biết thái - thái có ưng
cho như thế không ?

— Điều đó, cô chớ ngại, tôi
sẽ đi thưa chuyện với thái - thái,
chứ.

— Thế hì được lăm.

— Vâng, tôi xin cảm ơn cô... và như vậy, là chúng ta đã ổn định hẳn-hoi đđi với công - việc, mà chúng ta sẽ thực hành... Một lần nữa tôi xin cảm ơn cô.

.....

Hải-Lan không thốt ra một lời nào nữa, cô chỉ gật gật và đè kẽm một vẻ mặt tươi-cười, điềm-mỹ. Tôi cũng vui-vẻ nhìn cô và nói tiếp :

— Vâng, thế thì, ngay sáng sớm ngày mai, xin cô giữ cho một cuốn "nhật ký" trong đó, cô ghi rõ cho tất cả hành-vi và cách sinh-hoạt từng ngày, từng giờ, của tiểu-thư. Nói tóm lại, là nhất cử, nhất động, cùng là ngôn-ngữ, cử-chỉ, và sự biểu-tình của tiểu-thư, cô đều ký-chú, rất tỷ - mỷ, rất minh-bạch cho.

— Ô, nhưng, mỗi khi tiểu-thư ở ngoài, thì tôi biết thế nào mà ghi-chép, kia ạ ?

— Đấy những việc xảy ra ở ngoài, dã có tôi, tôi sẽ nói cho cô rõ, còn ngoài ra, cô, mắt thấy, tai nghe được cái gì, xin cô cứ ghi chép cái đó cho tường-tận, là được.

— Tôi xin nhất-nhất y theo lời của tiên-sinh... Thưa, có còn điều gì nữa không ạ ?

— Thưa không. À, mỗi khi tôi cần nói với cô, thì tôi phải làm thế nào, chợ tiện ?

— À, dễ lăm, tiên-sinh cứ bấm cái nút chuông thứ ba, màu vàng kia, ở phòng chứa sách này, tôi sẽ xin đến ngay.

— Vâng, được, cảm ơn cô.

Sau đó cô quay gót, đi ra khỏi.



VIII

Ngay ngày hôm sau tết xuống nhà xe lái xe đi quanh mây vùng đè cho quen với cách xử dụng khi cần tới khỏi bị bỡ ngỡ. Thứ nữa, tôi đi tìm thái-thái và xin phép bà cho Hải Lan giúp tôi một tay trong việc săn sóc và y-trị cho tiểu thư. Bà hỏi tôi :

— Nhưng sao tiên-sinh lại phải cần tới Hải Lan làm gì ?

— Dạ, thưa thái-thái, chúng tôi còn niên-thanh quá, mà trong những khi cần phải tiếp-cận với tiểu-thư, thiệt tình, có nhiều điều bất-tiện...

— Theo ý tôi, ta cũng chẳng nên quá câu-nệ, vì tiên-sinh làm việc trên danh-nghĩa của một vị y-sinh, kia mà... Nhưng, tiên-sinh trù-liệu như vậy cũng càng tốt, và, Hải-Lan rất thông-minh, linh-

lợi, nó lại là một người mà em nó tin-cần nhất... Thôi được, tiên-sinh hãy điều-dình với Hải-Lan đi riêng tôi, tôi không thấy có lý-do gì, không ưng-chuẩn việc đó.

Tôi trở về buồng riêng, trong lòng hết sức vui-vẻ. Sau khi đi tắm rửa, tôi đi ngủ một giấc cực ngọt lành, rồi, ăn cơm xong, tôi thay quần áo, thiệt tề-chỉnh, ngồi ở sofa, vừa húi thuốc, vừa đọc sách, dê chờ xem sự động-tinh của chiếc xe hơi màu xanh.

Trong mấy giờ đầu, tôi ngồi đợi như vậy với cả một sự an-tịnh, nhưng, từ mười một giờ trở đi, tôi bắt đầu thấy nóng ruột; tôi không thè nào đọc nỗi được nữa; mỗi một tiếng động nhỏ nào cũng làm cho tôi chú-ý, luân-luôn, tôi nhìn qua cửa sổ, ngoài trời, trăng, sao, sáng vắng-vặc chiếu xuống cái biệt-thự vắng - lặng, heo - hút, nầy, bóng cây tħura, nhặt, trải ra khắp mặt đất; thảm cỏ xanh rờn, lay động dưới làn gió hiu hiu thổi, trông không khác một cái mặt hồ gợn sóng; xa xa, những pho tượng đá, có vẻ như khoác trên thân những làn sa mỏng; ngăn ấy cảnh tượng lại càng làm tăng thêm cái vẻ linh-lạc, cõi cựu của cái dinh cõi này.

Chuồng đồng hồ gỗ một tiếng lanh lanh, tôi cảm thấy toàn thân như ớn lạnh, nhưng tôi vẫn kiên tâm ngồi chờ. Một lúc sau, tôi thấy sốt ruột, sốt gan, bồn tròn, nóng nẩy y như một gã si tình dương chờ đợi người bạn lòng, mãi chẳng thấy đến cho. Tôi bèn cố dỗ lòng, đem cái tâm-tinh của mình thử phân triết xem sao? Liệu có phải tôi lo cho cái số tân-kim bốn ngàn phật lăng kia không? Nhưng quả thật, trong cái thành phần tâm lý của tôi, không vì đồng tiền, mà chính là vì sự hiểu thăng-cùng là sự hiểu kỵ.

Tôi đi đi, lại lại, ở trong phòng trước mặt tôi, trên bức vách là bức ảnh của tiểu thư Thê-tư Lãng tôi bèn ngưng thị, nhìn tấm hình. Một vị thiên kim tiểu thư, doan trang kiều diễm nhường ấy, mà phải mang lấy cái bệnh tinh thần khốc hại kia, thì thiệt là vô cùng tàn nhẫn! Bỗng tôi phát hiện thấy ở đầu mày, cuối mắt cô, có một sức phủ-my dễ làm đắm mê lòng người, sức phủ-my này là riêng của cô, bẩm sinh đã có, chứ không do sự di truyền. Vì trên dung-quang của tôi-mẫu cô, tôi tuyệt-nhiên không nhận thấy nó. Nhận đó, tôi có cái cảm-giác, chúc-trách mà y-sư Xa-lạp - Mỹ

giao cho tôi, quả là một quang-vinh. Tôi sẽ tranh-dấu kịch - liệt với cái bệnh ma tàn-ác kia, để cố dành lại cả sắc đẹp, lẩn hạnh-phúc cho tiêu-thư Thê-tư-Lãng. Nghĩ như vậy, tôi thấy một thứ dũng-khí, bỗng chồi-dậy trong tâm não tôi, và tôi tưởng chừng như, đây là một sứ-mệnh thiêng-liêng mà định-số đã dành cho tôi, để tôi quyết-tâm cứu-vớt cái trang phẩn-dai, đương tuổi thành-xuân hờ-hờ kia, ra khỏi cái vực sâu, hang thẳm của bệnh - tật. Nhòm qua cửa sổ, ra ngoài trời, trăng, sao đang sáng tỏ, tôi, ngẫu-nhiên, thiết thè với trời cao lòng - lồng rồng, dẫu sao đi nữa, tôi cũng xin tận-lâm hoàn-thành nhiệm-vụ của tôi.

Thế rồi, ba giờ sáng đã đến lúc nào, tôi cũng chẳng đ𝐞 ý, trong tòa nhà vắng-lặng, không có một tiếng động. Tôi thấy vô cùng mệt mỏi. Thế là đêm nay, tôi lại chẳng làm được việc gì cho ra trò. Tôi bèn cởi áo đi nằm và ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Nhưng, cũng từ đêm hôm đó trở đi, tôi tìm thấy cả một sự hứng thú trong công tác của tôi, và hôm sau, tôi hỏi lại cô Hải Lan xem động tĩnh của tiêu thư ra sao ?

Hải Lan liền trao cuốn nhật ký cho tôi.

(Còn tiếp)



* ĐẠI NGU

Em (hỏi anh).— Anh à, sao nước Tàu ngày xưa gọi là Đại-Ngu?

Anh.— Tại họ nhà vua ấy là Ngu.

Em.— Vậy nếu là họ ngốc thì sao ?

Anh.— Thì đợt là Đại-Ngốc chứ sao !

* SANG MÁU

Đứng trước vành mồng ngựa vì tội trộm bị bắt quả tang, anh Tư Vành bâu chữa cho mình;

— Thưa quan tòa, trước kia tôi là kẻ lương thiện, cho mãi đến ngày tôi bị tai nạn và được tiếp máu. Nay tôi dám quả quyết rằng người ta đã sang cho tôi máu của kẻ trộm vậy.

T.T.L.



CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
cỦA THẾ-HỆ
LƯỞC THÀNH

II.— CỤ THƯỜNG-TIỀN

★ DIỆU-HUYỀN

CON của cụ LÊ-QUANG-CHIỀU, tác - giả quyền « Quốc âm Thi hiệp tuyền », và bà TRẦN-NGỌC-LẦU, một Nữ Thi Sĩ danh tiếng ở Nam Việt (1862-1937), ông Thường Tiên Lê quang Nhơn sinh tại làng Long Châu, tỉnh Vĩnh Long năm 1883. Đỗ bằng Thành Chung năm 1904, năm sau ông được dời ra làm việc tại tòa Khâm sứ Huế. Nơi đây ông được biết và kết bạn thân với

Thi sĩ NGUYỄN-VĂN-XIÊM, ông này sau sang Pháp nổi danh một thời ở Paris, tác giả tập thơ « Heures perdues », và chết ở bên đó. Năm 1906, ông Thường Tiên được dời về làm việc tại tòa Bố Vĩnh Long, nơi đây là chỗ nhau rún, ông được gần gũi với mẹ và chịu ảnh hưởng văn thơ của Bà rất nhiều.

Bài thơ sau đây, ông làm năm 1908 hồi ông 25 tuổi, đang là công chức :

*Đá biết công danh phát đê lòng
Mà ta ôm ấp mong non sông.
Áo xiêm lèo loẹt thêm ràng buộc
Hồ hởi mênh mông mặc ruột
glong,
Mỗi tháng lãnh lương tiền lì
chục
Màn năm cao giấy nhọc dài tròng
Thò không xu nhỏ nằm co duỗi
Rước gió nhin trăng thê cũng
xong.*

Tư tưởng lâng mạn của thi-nhân, chính ông hấp thụ nơi bà NGỌC LẦU, bà mẹ nữ sĩ dã nỗi tiếng cùng một lượt với bà SUƠNG NGUYỆT ANH, con cụ Nguyễn đình Chiểu. Năm 1910, ông Thường Tiên được đón về Sài Gòn. Lần này ông có dịp kết bạn thân với nhiều nhơn vật dã có tên tuổi trong các giới thi ca và chính trị: Gilbert Chiểu, Hồ biều Chánh, Thường Tân Thị, Nguyễn an Khoa (Thân sinh Ô, Nguyễn an Ninh), Bùi-quang-Chiểu v.v.. Và cũng lúc ấy ông kết duyên với một nữ sĩ kiêm nhạc sĩ, quả phụ của một ông Tây kho Bạc ở Hà Tiên, bà này làm thơ cũng hay mà đánh đàn tranh cũng tài tình. Thi sĩ Thường Tiên thường xướng họa với giai-nhân tri kỷ, và chính nguồn thi hứng khởi nguyên mảnh liệt

từ bấy giờ. Nhưng chỉ được
mấy năm rồi bà nầy cờ bạc
nợ nần, Thi sĩ dành lia bỏ bà, dè
cưới vợ khác.

Năm 1929, ông Thường Tiên xin nghỉ việc, và nhờ có ruộng đất khá nhiều nên khỏi lo về sinh kế, ông chuyên hẳn về Thi Văn. Thời ông làm trong thời gian này rất nhiều, hầu hết là thơ tình cảm, và cũng có thiềubài thiết tha về quốc sự. Năm 1945, ngày 13-3 cuộc đảo chính xảy ra ở Long Xuyên là nơi ông đang ở. Mặc dù đã 62 tuổi, Thi sĩ Thường Tiên là người đã lãnh sứ mang vác lá cờ vàng đi dẫn đầu cuộc biểu tình của dân chúng hoan hô « Độc Lập ».

Nhưng sau đó nửa tháng, thấy
cuộc Độc Lập này chỉ là một thủ
đoạn dẽ quắc của đám Quân-
Phiệt Nhứt Bôn, Thi sĩ có làm
bài thơ sau đây :

ĐIỀU THUYỀN TỰ THẦN

*Đã vì nghĩa cả ganh hai chồng
Theo với quần thoả, rạng nát
sông.*

Nghịp chúa lưỡng may trù
Đồng lặc,
Nạn dân còn rủi gặp Tao Công
Kẻ hèn ngón lối buông trãm kê

Nước đục hoàn cầu thả mây
dòng
Vạn Hán dành im trong gió
bụi
Mảnh hoa tan tác hận bên lòng.

Và bài ông tặng THANH
NIÊN HIỀN PHONG hồi bắt
đầu chiến tranh chống Pháp
(tháng 10-1945).

Đao găm, chíếc nõp, nón, lầm
võng
Bốn mòn lùy thân với tẩm lòng
Kháng chiến dành rằng tài tiều
nhược,
Thi gan mới rõ mặt anh hùng
Thà liêu với nước xông lên đao
Khôi thiện cho thân mắc chậu
lồng.
Tranh đấu tinh thần, lòng sắt đá
Trăm năm chẳng hổ tiếng Tiền
phong.

Một Thi sĩ có danh tiếng, là cụ THƯỢNG TÂN THỊ (biệt danh là Phan Quốc Quan) tác giả mười bài thơ vợ vua Thành Thái gửi cho Vua, là một trong những bài thơ thân nhất của cụ Thường Tiền. Thường Tân Thị năm nay đã 80 tuổi. Sau lâu năm vắng mặt hai ông già Thi sĩ gặp nhau có xướng họa hai bài thơ sau đây:
Tân định tái ngộ phuốc trời dành

Huyết thẻ thời xưa hả lạnh hanh
Cung kiếm khôn so tài chiến sĩ
Đao binh đê nung chí hung anh
Nước tràn vỡ dập luồng bờ cõi
Cõi ngã xăn lay đất ngọn
ngành
Tuổi hạc ngày xuân vui sống
lại
Biết nhau từ thuở tóc cõi ranh!
THƯỜNG TIÊN

Gặp gỡ nhau đây họa phuốc
dành
Chuyện xưa nhắc lại nghĩ bùồn
lanh.
Khôn đau chí khi so hồng hộc,
Chỉ mượn thi hồn tỏ yến anh.
Nước tờ bao giờ mây sạch ngút
Quê cha có thuở ngọn thêm
ngành
Dặn lòng tiếc vương như lòng bá
Chứng với trên đầu thăm thẳm
xanh
THƯỢNG TÂN THỊ



Năm 1946, giữa lúc chiến tranh ác liệt, Thi sĩ Thường Tiền ở tỉnh, có bài TRƯỜNG DẠ SÂU:

Nghe tiếng o-o dưới xóm gà,
Bên đồn trống đèm trở canh ba
Rập ràng ngoài nội hời ve trỗi
Lò le lò le trên sân bóng nguyệt là.

*Lửa, đạn, xông pha thương
những trẻ,
Nước non xơ xác i hẹn riêng già
Lạnh lùng ngọn gió hiu hiu thót
Sương động cành hoa mẩy*

giọt sa

Đêm giao thừa 1955, Thi sĩ Thường Tiên ngồi trong nhà nghe ngoài đường có tiếng hành khất bi thương, Thi sĩ động lòng cảm tác :

TIẾNG HÀNH KHẤT

*Ông bà cô bác chị anh ơi !
Thương hụt cho thân sống dập-*
dỗi.

*Đó dạ cơm thừa chan nước mắt
Phơi lưng áo rách toát mồ hôi
Hối ai xa-má trong thời loạn,
Đói kẻ phong-sương gốc buội*

ngồi.

*Cũng kiếp con người trong xã-
hội,
Kẻ vàng phết cửa, kẻ khố mài !*

Thơ của Cụ Thường-Tiên có khuynh-hướng khá nhiều về quốc gia xã-hội, cho nên tuy là điền-chủ, nhưng cụ giao hết cả hoa lợi ruộng đất cho bà vợ ở Vĩnh-Long, dè cụ sống cuộc đời ihanh-bần cõ

độc ở Sài-gòn, mặc dầu cụ cũng đã có con cháu thành-dạt cả và được địa-vị giàu sang.

Bài thơ sau đây tả rõ được tâm-sự của cụ :

ĐÓA HOA CÔ ĐỘC

*Đóa hoa cô-dộc giữa trán-ai
Nắng tấp mưa tuôn sắc ủ-hoài.
Trơ-trọi cánh chiều cơn gió lối
Lạnh-lùng nhụy híng hột sương*

mái

*Ngày dài mang lòng hờ tყuyên
thết,
Đêm lạnh buồn nhìn bóng
nguyệt phai.
Trinh bạch trau giồi thân mỏng-
mảnh,
Tắc riêng nhǎn-nhủ bạn cắn -
dài.*

Có một thời-kỳ cụ rất nghèo, làm bài thơ NGÈO, giọng thơ trào-lặng, chua chát :

*Cây khô lướt nước vẫn khô
queo,
Nghèo đến nỗi mô cũng vẫn
nghèo.*

*Liêng chó bế nồi đốt khéo cốt,
Rán sành ra mờ thế nén eo.
Dọn-dày gắng giữ hờ dài-các,
Ròn-ròn dành thua bọn cá-kèo.
Sáng sớm xơi xót cho đỡ đói,*

Ra vào ngắm cảnh dạ buồm teo!

Cụ Thường Tiên năm nay 77 tuổi, sức đã yếu lắm rồi, tuy vậy cụ vẫn còn làm thơ được và tuy thi hứng không còn dồi dào sinh lực nữa nhưng lời thơ vẫn diệu luyện và sáng suốt.

Cũng như cụ Ưng Bình ở Huế, kế tiếp được truyền thống thi gia của Đức-ông Tuy Lý Vương, cụ Thường Tiên Lê quang Nhơn ở trong Nam đã tiếp nối nguồn thơ trong suốt và thanh tao của Nữ Thi sĩ Ngọc Lầu.

Cũng như Cụ Ưng Bình ở Huế là Hội chủ HƯƠNG BÌNH THI XÃ, cụ Thường Tiên là Hội chủ NAM PHONG THI XÃ ở Saigon.

Bên cạnh cụ Á-NAM TRẦN TUẤN KHẢI người Bắc, hai cụ ƯNG BÌNH THÚC GIÁ III (Huế) và THƯỜNG TIÊN LÊ QUANG NHƠN (Saigon) có thể được coi như là đại diện của lớp Thi nhân cổ lão đáng kính, còn sống ở giữa Thế kỷ này.

Kỳ sau : Nữ Thi Sĩ
Cao.Ngọc.Anh.

X THỎ

Sau bữa tiệc no say, ba chàng no còn ngồi nán lại chuyện trò với nhau. Họ bàn về ván-de trường sanh, ai cũng nói là người trong gia-tộc mình khi già, già lắm mới chết chớ không ai chết sớm.
Người thứ nhất nói :

— Các anh biết không, gia-tộc tôi giữ kỷ-lục về tuổi già. Như là Dì tôi đến 110 tuổi mới mất và Dượng tôi chết lúc 120 tuổi.

Người thứ hai phi cười :

— 120 tuổi à? Có gì là lạ! Đây, như bà tôi mất vào năm bà được 125 tuổi đấy! Quá chưa?

Rồi họ nhìn người thứ 3, nãy giờ ngồi đó làm thỉnh mà nghe, đang mím một nụ cười khinh bỉ, họ hỏi :

— Còn gia tộc của anh thế nào?

— Già tộc của tôi đây à? Thường thôi, chưa một ai chết cả! Mẹ của bà cố tôi, bà cố tôi, bà ngoại của ông ngoại tôi vẫn còn sống, chưa ai chết cả!

C.

CA - KỊCH

Việt-Nam



* TCHYA

CA là vẻ biểu diễn của thờ
ra bằng âm thanh, nghĩa là
bằng lời hát. Ca hát là một nhu
cầu của lòng người, một thứ nhu
cầu tự nhiên, không vụ lợi, không
vụ dành, một nhu cầu suyelsey
con người, mỗi khi bị xúc động
bởi hoàn cảnh bên ngoài, thì lại
tỏ trạng thái tâm lý của mình
bằng khiếu âm nhạc Tạo Hóa đã
phú cho, tức là cồ họng.

Cồ họng mới đúng là "cây đờn
muôn diệu", mà Thế Lữ hằng
mơ ước, cồ họng là nhạc khí
sẵn có của loài người, có thè bắt
chước được đủ muôn ngàn thứ
tiếng. Bởi đó, mỗi lần thấy tâm
hồn rung động bởi những cảm
xúc hoặc vui sướng, hoặc buồn
rầu, hoặc vẫn vơ van mác, con
người bèn cất tiếng hát vang.

Hát từ lúc còn ấu trĩ thơ ngây,
rồi tới buỗi gần đất xa Trời,
cũng vẫn còn thích hát. Đứa trẻ
con hát mà ông già cũng hát, cô
thiếu nữ ca mà bà cụ bầy tám
mươi tuổi cũng còn ca.

Ca với hát cũng như nhau,
song ca là tiếng hấp thụ của người
Tàu, còn hát thì là tiếng thuần
túy của người Việt. Dần dần,
người ta quen mìn nói : hát
tuồng, hát bộ, hát chèo, mà không
nói ca tuồng, ca bộ, ca chèo cũng
như nói : ca Huế, ca cải lương,
mà không nói hát Huế, nhưng
lại có khi dùng chát cải lương»,
từ khi kịch cải lương cũng đóng
trò như hát bộ.

Nghệ thuật ca có lẽ khởi xuất
từ một thời xa lăm. Bên Trung

Quốc, đời Đông Chu, đã có những kẻ đóng trào cho vua xem, ở nước Tấn và ở nước Sở, thường gọi là Ưu, Ưu là người hát tuồng. Tỷ dụ như Ưu Thị, Ưu Mạnh, chẳng hạn.

Nghề hát tuồng ở nước ta thì mãi đến đời Trần mới có, song những lối hát cổ của Việt Nam có lẽ đã xuất hiện từ ngày xưa. Xét trong lịch-sử, thì đời Hồng Bàng tương đương với đời Viên hiên thị bên Tầu, vào khoảng 2800 năm trước Tây lịch. Từ thủa đó cho mãi tới Bắc thuộc lần thứ nhất, 111 trước Tây Lịch, người Việt Nam đã hát ra làm sao, hiện nay chúng ta không có một tài liệu gì chính-xác trong thời kỳ thượng cổ đó cả.

Kè từ Bắc thuộc trở đi, cho đến đời Mai-hắc-Đế 722 và đời Bố Cái Đại Vương 791 sau T.L có lẽ dân tộc ta bắt đầu có những câu ca dao và tục ngữ.

Tục ngữ, cũng gọi là ngạn ngữ, hay phương ngôn, là những câu nói thu gọn lại để khuyên răn và chỉ bảo người đời. Nhưng tục ngữ không có liên hệ gì với văn đề thi ca cả. Liên hệ tới thi ca là ca dao, tức là những bài hát ngắn lưu hành trong dân gian,

tả tinh tình và phong tục của kẽ bình dân.

Ca dao có nhiều loại. Một loại là «đồng dao», là những bài hát ở xír đồng quê, thích hợp với những người làm ruộng, vừa cày cấy gặt hái, vừa hát lên để quên mệt nhọc, hoặc để trai gái tỏ tình và đùa cợt với nhau. Loại này gồm những câu hát ní, hát giả gạo v.v...

Loại thứ hai là «phêng-dao», nghĩa là những câu hát thuộc về phong tục của nhân dân. Cả hai loại, gồm thêm những câu hát tả tình ta cẩn, không chương khúc, nhưng dù mọi vẻ, mọi thể, gọi chung tất cả là «ca-dao».

Thoạt đầu tiên, chưa hẳn đã có lối «ca dao» bằng lối lục bát hay song thất. Người Việt Nam hấp thụ tinh thần Kinh-Thi, thì cũng bắt chước thể văn trong Kinh Thi mà đặt ra những câu hát ngắn ngủi, khúc chiết, dân ngày nay vẫn còn truyền tụng. Đó là thể «nói lối», mỗi câu chỉ có độ 4 hay 5 chữ mà thôi.

Tí dụ như bài hát Ông trèo
Ông giảng ông giảng
Ông dắt bút tóc
Ông khóc ông cười
Mười ông một cõi

Danh nhau lõi đầu.

Lối đặt văn rất tự do, khi ở chữ thứ nhất, khi ở chữ thứ hai khi ở chữ thứ ba, khi ở chữ thứ tư, miễn là có văn thì thôi. Có lúc lại không cần văn, mà chỉ cần thứ tự hợp lý, là được :

Mùng một lá trai

Mùng hai lá lúa

Mùng ba câu liêm

Mùng bốn lưỡi liêm

Mùng năm liềm giật

Mùng sáu thật trăng

Mười răm trăng náu. v.v...

Từ đời Mai Hắc Đế và Bố Cái Đại Vương trở đi, mới có sự tiếp xúc với đời Đường bên Tàu. Thơ Đường tràn sang nước ta, rồi cũng vì ảnh hưởng âm luật Đường thi mà này nở ra văn lục bát và song thất.

Ca dao của ta cũng biến đổi, thành những thè năm chữ, sáu chữ, bảy chữ, hoặc những thè pha trộn. Những thè đó rất nhiều và rất phức tạp, chỉ xin nêu ra đây vài tỷ dụ mà thôi.

Thẳng hoặc như :

Cãy thura thura thóc,

Cãy đầy thì cóc được ăn.

Hay là :

Đồng tiền vạn lịch

Thích bốn chữ vàng

Công anh đan díu với nàng dâ lâu.

Hay nữa là :

Thấy em hay chữ,

*Anh mới hỏi thử một đỏi
lời :*

*Thưa lão Thiên lập đia. ông
Trời tròn ai xây ?*

Và đây, một thè rất ngộ nghĩnh:

Quả cam nho nhò

Cái vỏ vẫn vẫn

Nay anh học gần

Mai anh học xa

*Anh lấy em từ thuở mười ba
Đến năm mười tám thiếp đã
năm con,*

*Ra đường thiếp hagy còn son
Về nhà thiếp đã năm con với
chàng.*

Từ thời nhà Đinh về sau, có lẽ phong trào ca dao ở nước ta đã phồn thịnh lắm. Những điệu hát có phần nhiều là những điệu hát Bắc.

Một lối hát thịnh hành ở miền thôn dã, cũng như ở thị thành là lối «*Hát xầm chợ*». Lối hát đó, về sau, biến ra lối «*Huê linh*» cũng gọi là «*Xầm cỗ Đào*». Điệu hát này do ở thè văn lục bát mà đặt ra, nhưng mỗi câu văn lại kéo dài thêm nhiều chữ. Tỷ dụ như câu :

Sáng trăng xuông vầng-vặc cái
đêm hôm (thì) rầm
Nửa đêm (lang lanh) về sáng
(thế mấy) trăng băng cái
ngọn cây tre.

Nguyên văn chỉ là :

Sáng trăng vầng-vặc đêm rầm,
Nửa đêm về sáng trăng băng
ngọn tre.

Sau này, chúng ta sẽ thấy rằng
tất cả các điệu hát đều do
những thè thơ mà biến ra cả.

Một lối hát cò kính nữa là lối
hát ví von ở nơi đồng ruộng, và
hát giã gạo, cùng hát ru em trong
gia đình. Điệu hát giã gạo về sau
có một thè biến là « hò giã gạo » ở
Quảng Bình mà phần nhiều các
ca sĩ chọn Thần-Kinh đều thông
thuộc. Điệu này cũng rất thịnh-h
hành ở Quảng-Nam, những
người giã gạo chia ra thành từng
dòi trai gái dề cùng nhau hát đối-dáp.

Đến lối hát ru em, thì có một
đặc điểm rất thú vị. Lối hát
đó đánh dấu một cách cụ thè
cuộc Nam tiến của người Việt-
Nam. Hát ru em, từ Bắc Việt
đến Thanh-hóa có một làn đặc-
biệt, tới Nghệ-Tĩnh lại thêm một
làn nữa, từ Bình Trị tới Thừa
Thiên và Nam Ngãi, lối hát đó

lại biến thè, dề rồi vào trong Nam
thì lại có một phong vị riêng. Ở
Huế, những câu hát ru em rất là
ý nhị :

Con chim buồn, con chim bay
về cội,
Con cá buồn, con cá lội về sông;
Em buồn, em đứng em trông,
Ngõ thì thấy ngõ, ngài
không thấy người...

Bàn về lối hát ru em, trong cuốn
« Văn chương bình dân », ông
Thanh-Lêng viết : « Điệu hát ru
em có lẽ là điệu hát cảm con
người ta hơn cả. Những buồn
trưa vắng, hay những đêm thanh,
di về những làng quê, ta thường
được nghe náo nuột thoảng vào
tai một điệu hát nhẹ nhàng, rất
em, nhiều khi ròn rạc của người
bà ru cháu, hay của thiếu phụ ru
con, hay của người chị ru em.
Cái buồn của điệu hát ở đây là
cái buồn của điệu hát tình. Buồn
đây là cái buồn êu yếm, thắc mắc
của một tấm lòng... »

Những buồn hội họp đình đám,
hoặc trong những ngày tết lễ,
hoặc trong dịp vui vẻ ngày xuân,
nhân dân lại có thú hát trong
quân và hát quan họ.

Hát trong quân nguyên thủy
là lối hát theo nhịp trống đánh
trận. Bởi đó mới gọi là « trống

quân». Về sau, nhân dân học điệu hát đó và mỗi khi có dịp ca xướng, thì lại tổ chức những cuộc đối thoại và hát theo nhịp trống. Nhất là trong ngày Tết Trung Thu, trăng sáng và khí hậu êm dịu, điệu hát trống quân được rất nhiều người cõi võ, kèm theo với điệu múa lân, cũng gọi là múa sư tử.

Hát quan họ không được phổ biến như hát trống quân, nhưng cũng rất thông dụng ở đất Bắc, nhất là mấy vùng Tứ-Sơn, Nội-Duệ, Yên-Thế, Cầu-Vồng. Hát quan họ cũng có tên là hát đúm. Chữ đúm là một biến thể của chữ đám. Hát quan họ tức là hát đám. Hát quan họ là lối hát tự tình của đôi bên trai gái, nhưng cũng là một cách phô trương tài nghệ để lấy giải thưởng.

Theo ông Thành-Lêng, trong cuốn Văn Chương Bình Dân thì "tục hát quan họ thực là có nhiều cái lạ lùng". Ông Toán Ánh lại nói như sau đây về lai lịch của môn hát hồn nhiên ấy :

"Đi hát với nhau, họ phục tài nhau, họ mến lượng nhau, họ kết bạn với nhau, nghĩa là họ giao nguyễn dè hát với nhau mãi mãi hết xuân này đến xuân khác, dù bọn hát có nhiều người

hành giả thất.

Kết bạn với nhau tựa như một chuyện cưới xin trong làng quan họ, chỉ khác nhau một điều là không phải lấy nhau. Một bọn trai muốn kết bạn với một bọn gái, phải nhân ngày hội ở làng bọn gái, mang đồ lễ đến đình lê thầy và ra mắt quan viên làng. Buổi lễ thầy đó có đốt pháo, có ăn uống như một ngày cưới. Như thế là phụ huynh ở làng bọn quan họ gái đã công nhận cho bọn trai kết bạn với con em làng mình. Bấy giờ lại đến lượt bọn quan họ gái phải đến yết kiến thầy làng bọn con trai. Cũng đốt pháo và mời nhau chè chén trước khi hát».

Sau đây là một khúc hát quan họ :

Bên con trai :
*Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thục nữ ra vào lòng
những vần-vương
Gió lạnh đêm trường
Nửa chăn đè đỗ, nửa giường
đè đỗ chờ ai?*

Bên con gái :
*Ngồi tựa vườn đào
Thấy người tri-kỷ ra vào em
những nǎn-ngo
Tháng đợi năm chờ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ biết
ngỏ cùng ai?*

Đại loại thể văn thơ trong lối hát quan họ là một biến thể của văn lục bát, cũng như văn thơ trong điệu trong quân theo hồn thể lục bát:

*Trống quẩn trống quết trống còi
Tôi không lối nòi, nó đót lấy tôi.*

Còn lối hát ru em, thì tức là biến thể của lục bát và cà song thất nữa.

Đó là những lối hát ở trên bộ. Người Việt Nam ta lại còn những điệu hát cò ở dưới sông. Những điệu này gồm các giọng hát đò đưa và giọng hò.

Giọng đò đưa là một điệu hát theo nhịp con chèo đậm vào mặt nước, trong khi bơi thuyền. Có lẽ lối hát này chịu ảnh hưởng của điệu Sở từ, vì điệu Sở từ tức là điệu thơ của dân vùng Đông Nam nước Tàu, thường chèo thuyền mà hát. Sau khi Khuất Nguyên chết, người nước Sở có tục làm lễ mò xác Khuất Nguyên vào giữa ngày Đoan Ngọ, tức là mùng 5 tháng 5 âm-lịch. Trong ngày lễ đó, dân cư tò churc những cuộc bơi chải, vừa đầy thuyền vừa hát. Mỗi một nhịp chèo lại đánh dấu bằng một chữ đậm. Chữ đó là chữ "Hè".

Trong bài phú Tiên Xích Bích

của Tô-Đông-Pha, chúng ta thấy có đoạn văn : «*U thi, àm túu lạc thâm, khẩu huyền nhi ca chi. Ca viết :*

*Quế trạo hè lan hương,
Kích không minh hè tố lưu quang.*

*Điệu điệu hè dư hoàt
Vọng mây nhân hè thiên nhãt phuong.*

Có kè dịch là :

*Bấy giờ uống rượu thêm eut
Võ dây thuyền hát một bài hồ khoan.*

*Hát rằng : «lái quế, anh ri,
chèo lan,
«Võ bầu không sáng mà đê theo
làn nước trong.*

*•Bằng khuâng lòng những hét
lòng,*

*•Đợi người bạn ngọc thế mấy
ngóng trong phuong trời...»*

Điệu hát đò đưa ngày xưa của người Việt Nam thường lấy chữ «Hồ Khoan» để thay chữ «Hè». Lâu dần, tiếng «Hồ Khoan» rút ngắn đi mà hóa ra «Hè», rồi những khúc hát trên sông đều gọi là «hát hè». Lối hè này về sau được gia nhập vào môn hát chèo mà hóa ra câu hát «Vi». Bài đầu thì theo thể văn lục bát,

nhung về sau, trong diệu hò Huế và diệu hò Lục tinh, văn lục bát lại pha lẫn với văn song thất và văn nói lối nữa. Tỷ dụ như câu hò này chẳng hạn:

Một giòng nước trong,
Năm bảy giòng nước đục;

Một trăm người lục,

Một chục người thanh.

Biết ai gan ruột gởi mình

Mua lợt thêu lấy lương Bình-
nguyên Quán ...

Hoặc như câu :

Đèo mô cao cho băng đèo danh-
vọng

Ngai mô trọng cho băng ngai
phu thê

Đôi ta đã nặng lời thê

Đôi láu mình, dẫu có mǎn
răng đt nứa, cũng không hề
phụ nhau.

Đó là hai câu hò Huế. Hò Huế chia ra «hò mái nhì» và «hò mái đầy», dài hơn diệu hò Phương Nam, và phảng phất, tâm hồn hoài cõi của dân tộc Chiêm-Thành.

(Còn nữa)



• NGƯỜI MỸ LÀM TIỀN

Một tờ báo Mỹ xuất bản năm 1875, có đăng một bài sau đây:

«Hiện giờ chúng tôi có nuôi 10.000 con mèo. Cứ tính đỗ đồng, mỗi con mèo cái đẻ mỗi năm 12 con mèo con. Da mèo bán được mỗi tấm là 3 cắc. Cứ mỗi ngày 100 người lột da được 5000 con mèo, như vậy, mỗi ngày chúng tôi còn lời được ít nhất là 10.000 Mỹ Kim. Nhưng làm cách nào nuôi mèo? Nuôi băng gì? Chúng tôi đã giải quyết vấn đề đó rất dễ dàng: Chúng tôi nuôi một triệu con chuột. Chuột đẻ 12 lần nhiều hơn mèo. Như vậy chúng tôi có thể cho mỗi con mèo ăn mỗi ngày 4 con chuột. Những nuôi chuột băng gì? Thì chúng tôi cho chúng nó ăn thịt những con mèo mà chúng ta đã lột da. Tóm lại, phương pháp của chúng tôi rất giàn dị: Nuôi mèo băng thịt chuột, Nuôi chuột băng thịt mèo. và chúng tôi bán được thường xuyên mỗi ngày 5000 tấm da mèo với số lời mỗi ngày 10.000 Mỹ Kim, mà không tốn kém gì cả!»

B.T.

❖ Phóng sự của NGUYỄN THU-MINH

L. T. G.— Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 20)

UÔC chuyện trò đang đến hồi trào-nuồn, ý-nghĩa hơn giữa tôi và Thành, bằng Tư Nguyễn vươn vai, trổng ngực nói :

— Hai cậu đã định đi chửa ? Nếu chửa thì mình xin lỗi đi đằng này có tí việc rồi chớc nứa gặp nhau ở V.C. vậy.

Thành nghe thế vội hỏi, với vẻ ngạc nhiên :

— Sao vậy ? Ngồi chơi nói chuyện một chốc nứa rồi cùng

đi cả thè, cho vui, hay chúng mình có làm phiền gì cậu không ?

Tư Nguyễn vội xua tay, lắc đầu đáp :

— Ô ! Có gì đâu mà phiền với không. Giữa chúng mìn thi phiền cái mèo gì. Chỉ vì mình lỡ có hẹn... mà !

Tôi vờ cười đùa đè khói mắt lồng bạn và cũng là đè Tư Nguyễn khỏi có những ý-nghĩa kém vui về câu chuyện vừa rồi giữa tôi và Thành đã đối với anh ta :

— Cậu, lúc nào cũng có hẹn... cả. Ngồi chơi một tí nữa không được sao ?

¶ Tư - Nguyễn với dáng - điệu lưỡng-lự muốn ở lại nhưng có lẽ đã lỡ nói là có « hẹn » nên buộc lòng phải bắt tay chúng tôi ra đi một mình.

Tư - Nguyễn đi rồi, lự dung lòng tôi cảm thấy buồn buồn và hối hận đã không giữ bạn lại. Điều này, hình như Thành cũng cảm thấy như tôi.

Đề đánh tan không khí không mấy vui này, tôi mở đầu lại câu chuyện :

— Minh nghe tại nó nói cậu sắp lập gia đình phải không ?

Thành nhìn tôi, mỉm cười, gật đầu :

— Đúng vậy, cậu nghe đứa nào nói ?

— Thì một vài anh em vừa cho biết.

Lần này Thành làm ra vẻ thắc mắc như chuyện có thật; nhưng đã có người biết, trong lúc Thành cố ý giấu, khiến tôi hơi phân vân về cậu nói dưa của tôi vô cùng.

— Sao chúng nó hay tài thế không hiểu. Thật là « trong nhà chưa tỏ, ngoài ngỏ đã hay » là vậy... !

Tôi nghe Thành nói thế càng tin chắc hơn, hỏi :

— Cậu nghĩ kỹ việc cậu thực hiện đấy chứ ? và mình cùng xin chia mừng cùng cậu đây. Chúng mình bê bối nhiều rồi.

Nên nghĩ đến ngày mai... một chút Thằng nào tháng này gần ba mươi mấy tuổi đâu cả rồi chừ ít sao.

Lần này, Thành nhìn tôi cười lớn. Xong, lại thở ra một cái thật dài nghe rất chán chường :

— Tôi không ngờ ngày với cậu mà cũng tin một cách dễ dàng như vậy. Minh đã thề « không lấy vợ » mà !

Tôi cười, an ủi :

— Cuộc đời lắm thay đổi... Con người cậu hôm nay không là ngày mai và ngày mai không còn là ngày xưa ! Cậu nên lập gia đình cho rồi. Thằng Hoàng đã an phận, bây giờ đến lượt cậu, rồi đây sẽ đến phiên mình.

Miệng tuy nói thế, nhưng trong thâm tâm tôi — thú thật — chưa hề dám nghĩ và có lẽ Thành cũng chẳng hơn gì. Tôi định nói ý nghĩ này ra với Thành xem sao nhưng đã thấy Thành nhút nhát nói với giọng trầm trồ, buồn hơn bao giờ hết :

— Nay, mình không hiểu sao cậu có thể nghĩ cho mình điều ấy. Có lẽ cậu chưa rõ Con người mình nhiều. Sở dĩ mình còn bê tha mãi như thế là mình chán đời lắm rồi ! Con người mình đã hoàn toàn hư hỏng.

Tôi định mở lời an ủi, khuyên can Thành, Thành với lắc đầu tiếp lời, không đề tôi kịp nói ra :

— Có lẽ cậu cho tôi là một thằng điên, thằng khùng khi nghe

câu chuyện này... câu chuyện về tờ. Và cậu nhớ cho rằng, cậu là người duy nhất, thâu nhứt ngồi nghe tờ kể rõ về cuộc đời tờ hôm nay. Tờ không buồn lắm đâu. Sở dĩ, tờ cho cuộc đời tờ cũng như bỏ đi là vì nhiều lẽ.

Con người của mình nó tôi tệ lắm ! Thời cuộc mười mấy năm qua đã giết chết cuộc đời mình rồi. Cậu nghĩ, gia-dinh mình bây giờ chẳng còn ai cả, ai còn ai mất không biết, ở đâu không hay. Còn cái thẳng Người của mình, thiếu thốn, kém về mọi phương - diện. Thà, con người mình trưởng thành trong khổ khô di để chịu đựng, an phận với cảnh sống ấy, dẫu này mình không thể. Muốn làm thẳng làm không được, muốn làm thầy, ông, làm không xong. Muốn làm kẻ di buồn, không có vốn. Muốn làm kẻ thư-sinh cũng không thể được nốt. Ba mươi tuổi đầu học hành gì bây giờ ? Ai nuôi cho mà ăn học. Đây là những điểm mà mình khô nhất chán nản nhất !

Một khi đã không ra gì ở cuộc đời thì chết di e tốt hơn hết. Nhưng, khổ nỗi chết cũng không được, thiên-hạ cho mình là một kẻ ngu... bắt mình phải sống để mà chịu đựng sự đen tối của cuộc đời. Con người của mình càng ngày càng lùi trong khi xã hội mỗi ngày mỗi tiến !...

* Nói đến đây, đời mắt Thành đã ngầu, những giòng nước mắt tra quanh tr cát, và không

thể nói thêm được nữa.

Tôi ngheen' ngào, nhìn Thành mà tra nước mắt theo. Tôi cũng không còn đủ can đảm để nghe Thành kể thêm nữa.

Giây phút nặng nề, đau buồn ấy trôi qua trong vắng lặng.

Hai chúng tôi ngồi đối diện, nhìn nhau không nói nên lời !

Nghĩ lại cuộc đời trang lứa chúng tôi, đáng lẽ phải vui vẻ, hy vọng, yêu đời hơn ai hết thì trái lại, đầy chán nản, đau buồn ! May là vẫn còn một niềm tin để sống dù niềm tin ấy hoàn toàn vò vẹng ! Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ là thế ! Nhưng với Thành, thứ thật là tôi không dám quả quyết gì cả.

Cuộc đời tuy đẹp đẽ thật đấy !.. Ngày mai rất huy hoàng về trên đất nước !

Thi than ôi ! Trang lứa chúng tôi e chim trong bóng tối mắt rọi. Càng nghĩ đến tương lai bạn, tôi càng lo ngại quá ! Và ngay cả cho tôi, rồi đây không hiểu sẽ di về đâu ? Nếu vẫn còn một số người không chịu buông tha những cuộc truy hoan, lo làm giàu trên những thê xác, tâm hồn những kẻ bệnh hoạn !...

Đang miên man với bao ý nghĩ, bỗng có tiếng ai ở ngoài sân gọi vào, tôi và Thành lúc bấy giờ mới định tâm để tiếp đón tiếng gọi ấy.

Chẳng ai xa lạ, chính là Tư Nguyễn đã trở lại và có thêm Hoàng đến chơi nữa.

(Còn nữa)

HAI CÔ BẠN LÁNG-GIỀNG

* DIỆU-HUYỀN

Ô M Răm tháng 9 vừa qua, Ông Tú Bà Tú đi dự đám cõi tại một nơi tĩnh mịch ở Long-Thành. Cùng dự đêm cầu cõi ấy, có hai ông bạn Bác-sĩ, một ông Kỹ-sư hóa-học, hai bà Bác-sĩ, vợ chồng một ông Giáo-sư Đại-học và ba cô Nữ-sinh vừa thi trượt Tú-tài kỳ nhì. Cuộc cầu cõi bắt đầu từ 10 giờ đêm đến 4 giờ sáng mới mãn.

5 giờ, bà Tú và ông Tú ra bái biển hóng gió. Trên trời, mặt trăng còn sáng tỏ, giống như một lỗ ánh sáng khoét tròn nơi góc một tấm thảm xanh đậm bao la. Trên cái lỗ ấy là cả một

bí mật huyền vi. Mặt biển xao xát dịu dàng. Những gợn sóng nhuộm trắng đua nhau kéo vào

bờ, bờ đến chân dôi vợ chồng
Ông Tú.., dùa nghịch như những
con rắn thần ngoan ngoãn. Gió
mát rượi thăm nhuần trong cơ
thè...

Bà Tú đứng tần ngần một lúc
lâu. Ông Tú muốn chọc vợ liền
ngâm hai câu thơ của Nguyễn-
Du :

Lại càng ngờ ngàn tâm thần,
Lại càng đứng lặng lẩn ngần
chẳng ra !

Bà Tú mỉm cười kéo chồng
ngồi xuống bãi cát. Bà dăm dăm
nhìn ngôi sao Mai sáng ngồi như
một hạt kim-cương, bà làm bầm
bên cạnh chồng :

— Ngôi Kim-tinh đêm nay đẹp
quá, Mình nhỉ !

— Đêm nào nó chẳng đẹp !

Một lúc lâu, ông khẽ bảo :

— Anh nhớ mấy vần thơ của
Thi-sĩ Pháp Alfred de Musset :

Etoile, qui descends sur la verte
colline,

Triste larme d'argent du man-
teau de la nuit,

Tot qui regarde au loin le pâtre
qui chemine,

Tandisque, pas à pas, son long
troupeau le suit,

Etoile, où vas-tu donc dans cette
nuit immense ?

*Cherches-lù sur la rivière un lit
dans les roseaux,*

*Ou bien, vas-lù, si belle, au
milieu du silence,*

*Tomber comme une perle au sein
profond des eaux ?*

*. . . Ah ! Si tu dois mourir,
bel astre, et si ta tête*

*Doit dans la vaste mer plonger
ses blonds cheveux,*

*Avant de t'en aller, un seul ins-
tant, arrête !*

*Etoile de l'amour, ne descend
pas des cieux !*

— Mình dịch cho em nghe đi.

— Thơ hay quá, anh dịch
không nổi.

— Cứ dịch dài, miễn là dù ý
thôi.

— Sao ơi, người rời bước
xuống cánh gò xanh,
Hết giọt lệ sầu của chiếc áo
đêm thanh,

Người nhìn kẻ chăn cừu đang đi
xa muôn dặm,

Theo sau chàng một bầy cừu
bước đi chậm chạp,

Sao ơi, đêm thăm thẳm, người
đi đâu ?

Phải người đang tìm một khé
suối trong bờ lau ?

*Hay trong đêm tịch mịch u-sầu
Người muốn rơi vào lòng biển
sâu*

*Hồi viễn ngọc trong cảnh thôu?
Sao đẹpơi, phai người muốn
chôn vùi trong làn sóng
Mớ tóc vàng long lanh ào -
mộng?*

*Thôi, ngưng một lát cuộc hành-
trình,
Hồi ngôi sao của Ái-linh,
Hãy ở lại trên trời xanh!*

Sao Kim-tinh óng ánh sáng-
ngời, như thiếu nữ thận thùng
chớp mi mắt ngọc.

Bà Tú đôi mắt vẫn không sao
rời khỏi ngôi Sao Mai, âu yếm
đặt bàn tay dịu mềm trên vai
chồng :

— Có đúng thật Thi-sĩ Lý-
Thái-Bạch hiện đang ở trên Sao
Kim-tinh kia, như người giáng-
bút xuống nói lúc này không, hả
Mình?

Ông Tú mỉm cười :

— Chúng ta làm sao biết được!
Có điều anh ngạc nhiên là lần này
không phải là lần đầu Lý-Thái-
Bạch giáng bút làm thơ, nói ở
Sao Kim-tinh. Hồi anh ở tù,
trong lao đâc có lần cầu cơ, do
chính một anh chàng Cộng-sản là
cu Thiệu, cầm cơ. Hắn không tin

cơ, cho là dí doan, bối láo, hắn
cầm thử cơ, ai dè Thi-sĩ Lý-Thái
Bạch nhập cơ, xưng danh rõ-ràng,
làm cu Thiệu hoảng hồn ! Lần
ấy Lý Bạch cũng nói là ở Sao
Kim-tinh. Anh không phải Cộng-
Sản, nhưng anh vẫn không tin.
Không tin vì anh cho là vô-lý.

— Lúc nay anh bác-sĩ Đồng
cầm cơ với anh kỵ-sư Hiền, Lý-
Bạch lại về làm thơ, Mình có tin
không ?

Kính viễn-vọng Paris (Pháp)

— Anh vẫn..bán tín bán nghi.
— Em cũng vậy.

— Có điều ngoài trí tưởng tượng của anh, là bác sĩ Đồng cũng như kỹ sư Hiền không có học chữ Nho, không bao giờ thích thơ, bất cứ là thơ Việt, thơ Tàu, hay thơ Pháp, thế mà lúc này hai ông cậu đề ngón tay trên mặt cơ, cái cơ chạy rong-róc, viết cả một bài thơ chữ Hán ! Chuyện lạ như thế, có ông Trời hiều được ! Xong cuộc cơ rồi, hai anh chàng coi bộ như vừa ở trên trăng rớt xuống !

— Minh à, cũng có lẽ trên ngôi Sao Mai kia có một giỗng người Thi-sĩ ở chǎng ? Như mình nói hôm nọ, về Thiên-văn-học...

— Về thiên văn học, theo những kết quả của các khám phá cuối cùng do kính Viễn vọng và những bài toán thiên văn học đã cho chúng ta biết thì Kim-tinh (Sao Mai) và Hỏa tinh rất có thể là hai thế giới sống ... có người ở (có lẽ là những người khác hơn chúng ta) và ... «văn-minh», «tiến bộ», như chúng ta hoặc hơn chúng ta. Sao Kim-tinh, như mình đang nhìn kia, chỉ là một ngôi sao, bé nhỏ như một viên ngọc, nhưng nó trong kính Télescope thì nó

không phải là viên ngọc nữa. Người ta đã thấy chung quanh nó có một lớp mây dày đặc, mịt-mờ...

— Cũng như lớp mây bao-bọc quả Địa cầu của chúng ta đây phải không ?

Kính viễn - vọng Palomar (Mỹ) lớn nhất hiện nay ở thế-giới

— Phải. Người ở Kim Tinh ngó xuống Trái Đất, chắc là cũng thấy một lớp mây bọc kín như thế. Nhưng kính Télescope vẫn nhìn suốt qua được, nhờ một thứ ánh-sáng lạ lùng, mà các nhà Thiên-

văn học gọi là « Ánh-sáng Trẻ » (*Lumière cendrée*), một ánh-sáng lờ mờ, huyền-ảo, màu xám xem như màu tro.

Nhà Bá-học GRUITHUISEN, Giám đốc dài Thiên văn-học Munich (Đức) hồi đầu thế kỷ XIX cho rằng ánh sáng ấy có lẽ là « đèn đuốc sáng trưng của nhân - dân Kim - Tinh mờ

hội liên - hoan thường - xuyên để ăn mừng những cuộc lễ về tôn-giáo hay chánh-trị gì đó chẳng ? » Có lẽ đó chỉ là câu nói đùa. Có điều chắc chắn là GRUITHUISEN đã thấy rõ trên mặt địa cầu Kim-Tinh có nhiều cây cỏ xanh um rặng rít như rừng núi xú ta vây.

Kính viễn-vọng GREENWICH, (Anh) nơi lấy giờ quốc-tế G.M.T.

— Minh ơi, Kim-Tinh cách Trái Đất ta m y triệu cây số ?

— Lúc nó xoay vào giữa Mặt Trời và Địa cầu, thì nó cách ta 41.000.000 ki-lô-mét, nghĩa là nó ở gần ta hơn hết (trừ Mặt Trăng là vệ-tinh của Trái-Đất, chỉ xa Trái Đất 384.000 ki-lô-mét). Nhà Bác học E. ROSS, ở đài Thiên-văn Yerkes, đã chụp hình được Kim-Tinh, và thấy có một lớp «bụi vàng» phảng phất trên mặt hành tinh ấy. Nếu có người ở, thì người ở trên Sao Mai nhẹ hơn chúng ta : thí dụ như ta nặng 60 kí thì người trên đó chỉ nặng 51 kí thôi, vì sức nặng của Kim-Tinh là 0.85 lần sức nặng của Địa-cầu. Sao Mai nhận lãnh ánh sáng của Mặt Trời 2 lần nhiều hơn Trái Đất chúng ta. Theo nhà Bác-học MOULTON thì nhiệt - độ của Kim-Tinh là 90 độ ở nhiệt đới, và 0 độ ở Băng cực. Nghĩa là khí hậu ở đây cũng gần như của ta. Sao Mai quay chung quanh mặt Trời là 225 ngày, nghĩa là gần 7 tháng 15 ngày của ta.

— Nếu thế thì ở Trái Đất, chúng ta được 100 tuổi bằng ở Kim-Tinh 162 tuổi ?

— Phải rồi, Theo CAMILLE FLAMMARION, một nhà

Thiên-văn-học trú danh của Pháp, thì ở Kim Tinh «cây cối» cũng có thể có đời sống như người, biết «suy nghĩ», biết «nói», vì người ta nhận thấy Sao Mai có nhiều hình thức sinh tồn biến đổi mãi mãi. Cho đến dỗi hiện nay có một số nhà Bác-học ở Mỹ qua viết rằng các đĩa bay bí mật (*Flying saucers*) thỉnh thoảng xuất hiện trên vòm trời Địa cầu là ở trên Kim-Tinh bay xuống... Anh đã đọc quyển «*Les Mystères des Soncoupes Volantes*» của FRANK SCULLY nói về các bí mật của Địa bay, thấy nhiều điều tiết lô lị lùng, khó mà tưởng tượng được, với trí óc hẹp hòi của chúng ta.

Thế-kỷ XVIII, nhà Bác-học EMMANUEL SWEDEN-BORG đã ức đoán rằng ở Kim-Tinh có lẽ có một loài người chỉ sống để chơi bời, ca hát và có nhiều thứ máy móc ly kỳ thỉnh thoảng vượt ra ngoài vũ-trụ. Trên ấy, cũng có đàn bà, con gái, nhưng họ không mặc quần áo, hoàn toàn khỏa thân, theo như Thần Thoại Hy-Lạp vậy ! Văn sĩ FONTE-NELLE (Thế-kỷ XVIII) thì cho rằng giống người ở trên Sao Mai chỉ sống về ái-tình, hoặc đi chăn

cửu, chăn dê ở các sườn núi rồi hát ca tiệc tùng vui vẻ, chứ không làm gì khác cả. Một nhà Thiên-văn-học Hà Lan, thế-kỷ XVIII CHRISTIAAN HUYGHENS, cũng ước đoán như thế. Nhưng trái lại, một số bác-học nguyên-tử lực của Mỹ trong mấy năm vừa qua, cho rằng người ở Sao Mai đã đến một trình độ khoa học rất cao và họ đã tìm ra nhiều thứ kim khí lạ để chế tạo ra nhiều máy móc lạ, như dĩa bay chẳng hạn, có thể vượt qua dễ dàng các vùng từ lực (magnetic fields)... để xuống quan sát trên không phận của Trái Đất.

Hiện nay, nhà bác-học VON BRAUN, cha đẻ của các Vệ-tinh nhân tạo Mỹ, quả quyết rằng khoa học hiện nay sẽ có thể dùng Mặt Trăng làm địa điểm căn cứ để thám hiểm lên Sao-Mai... Người ta có thể nghĩ- ngờ rằng biết đâu các nhà «Bác học» ở Sao Mai (Kim-tinh) đã đi trước ta, và đã dùng căn cứ Mặt trăng để thả dĩa bay xuống thám thính Địa cầu?

Dù sao, hiện nay khoa học toán số và Thiên văn học đang chăm chú đến Kim-Tinh, bởi lẽ nó có nhiều điểm giống với Trái Đất, về phương diện cấu tạo vật chất và không khí.

Tuy nhiên, kính Télescope mạnh nhất trên địa-cầu hiện nay, như kính Palomar ở Mỹ, cũng chưa phân biệt được thật rõ rệt đới sống trên mặt Sao Mai, vì lớp mây dày đặc bao bọc nó. Còn ngôi sao thứ hai, gần quả Đất, người bạn láng giềng số hai của chúng ta là Hỏa Tinh, thì các nhà Thiên văn-học đã chụp hình được rõ-ràng hơn. Bên đây là 6 tấm ảnh do kính Télescope của Hàn-Lâm-viện Thiên văn học Pháp đã chụp được trên mặt Hỏa Tinh.

Hỏa tinh đã xuất hiện trong Vũ trụ trước Địa cầu. Nó cũ hơn quả Đất của chúng ta mấy chục triệu năm. Trên mặt đất của Hỏa tinh có những vùng rộng lớn lờ-mờ, như là Đại-dương vậy. Những vùng khác thì thay đổi màu sắc tùy theo mùa. Như ở Trái đất ta về mùa hè thì trên Hỏa tinh các vùng kia có màu xanh lá cây, qua mùa Đông của ta thì trên đó đổi ra màu nâu đậm. Các nhà Thiên văn học cho rằng đó có lẽ là các rừng núi, cây cỏ, các đồng bằng, thung-lũng, thay đổi màu sắc từng mùa như ở dưới ta. Có một vùng tuyet mỏng, nhưng tuyet cũng tùy theo mùa, chứ không có thường xuyên. Có dưỡng khí, có thán khí. Bên đây

là bản đồ của một phần Hỏa tinh do nhà Thiên văn học SCHIAPARELLI người Ý, đã theo trong kính Télescope mà phát họa ra. Chúng ta thấy rằng trên ấy có nhiều mương hay là sông ngòi. Cũng có thè là các thành phố và đô-thị rộng lớn.

Các nhà Thiên-văn-học đã đo các "đường mương" ấy; dài từ 400 đến 5700 kí-lô-mét. Nhà Bác học PERCIVAL LOWELL cho rằng đó là hệ thống dẫn thủy của nhân dân Hỏa-tinh để đem nước từ vùng băng tuyết đến các vùng nhiệt đới. Khiến trên Hỏa tinh ngó xuống trái Đất, thì người trên ấy thấy Trái Đất chúng ta là một ngôi sao nhỏ tí cũng như ở đây chúng ta ngó lên Hỏa-tinh vậy.

— Mình à, em không hiểu lắm. Thí dụ như có người ở trên Kim tinh và Hỏa tinh thật thì làm thế nào họ « hiện hồn » về « cơ », như chúng mình thấy lúc này?

— Những chuyện huyền bí ấy chúng ta chỉ thử tìm lời giải trong khoa học mà thôi chứ chúng ta cũng không dám quả quyết được. Mình nên nhớ rằng hồi nhà thiên văn học CAMILLE FLAMMARION nghiên cứu trường tận các hành tinh của Thái dương

hệ và viết những quyển sách có danh tiếng về khoa ấy vào khoảng 1920-1926 thì các nhà thiên văn chưa khám phá ra được Hành Tinh Pluton. Hành tinh này mới được khám phá hồi năm 1930 mà thôi. Camille Flammarion cũng

Bản đồ Hỏa Tinh, do nhà Thiên văn học SCHIAPARELLI họa theo các hình ảnh thấy trong kính Telescopie ở Milan (Ý).

chưa biết rằng 1959 đã có hỏa tiễn lên đến đường quỹ đạo của Trăng và đang sắp sửa đồ bộ xuống cung Trăng. Một bước tiến bộ vĩ đại như thế thật là ngoài sự tưởng tượng của chính các nhà Thiên văn học của đầu Thế kỷ này, chứ đừng nói là của thời đại khoa học tiên phong của COPERNIC, GALILÉE, NEWTON...

Như thế, trong năm sáu chục năm nữa, khi mà hai đứa mình tóc bạc rỗng, mắt mờ miệng móm thì biết đâu nhờ khoa học mà Trái Đất này sẽ chánh thức giao thông được với Hoà Tinh, Kim Tinh? Hoặc giao thông bằng cá nhân vật chất (par individualité matérielle), hoặc bằng một phương pháp từ lực (procédé magnétique) vô cùng mạnh mẽ? Hiện nay, một người ở Paris và một người ở Saigon có thể nói chuyện với nhau bằng VÔ TUYẾN ĐIỆN Chỉ nghe tiếng nói mà không thấy người, thì sự giao thông bằng TỪ LỰC ĐIỆN (FLUIDE MAGNÉTIQUE) giữa người trên Trái Đất và người trên Kim tinh hay Hoà Tinh sẽ không còn là chuyện mơ hồ huyền hoặc nữa chăng?

Nói đến đây, đồng hồ đã năm giờ sáng. Ông Tú chỉ bà Tú xem một ngôi sao vừa xuất hiện ở phương đông :

— Mình ngó kia kia, ngôi sao nhỏ bằng hột cát mà ánh sáng màu da cam, đang lấp lánh nơi vòm trời mình kia, Mình thấy không?

— Ở đâu, Mình?

— Kia kia, bên chòm mây ưng-ứng ở phía Tây đó.

— À em thấy rồi. Ngôi sao đó là ngôi sao gì, hả Mình?

— Hòa tinh đấy. Hồi khuya nó ở gần sao Bắc-dầu. Giờ nó sắp lặn đấy.

— Nó bé hơn sao Mai nhỉ?

— Phải, chúng ta thấy nó bé nhỏ hơn Kim Tinh vì nó ở xa hơn. Kim Tinh cách ta 41 triệu kí-lô-mét. Còn Hòa Tinh cách đây ba năm, ngày 11 tháng 9 d.l. 1956, nó đi gần qua đất nhất, chỉ cách có 56.640.000 kí-lô-mét mà thôi.

6 giờ, Mặt Trời vừa lú lên bầm tím, hôm nay như không được vui vẽ. Một ánh nắng xám tràn hòa trên mặt biển. Một làn mây bay qua, che mất một nửa gương mặt ủ-é. Bà Tú cũng rầu-rĩ, nhìn mặt Trời, làm bầm :

— « Buồn ơi ! Chào mi ! »

• y học phổ thông •



Chuỗi

Ô nhiều bà mẹ săn sóc tỉ mỉ đứa bé từ khi mới lọt lòng, lo lắng tới cả những câu chuyện phải đề phòng rất xa xôi, thì lại không nghĩ tới đứa bé trong thời kỳ thai nghén, không biết rằng khi mình bắt đầu có thai, đứa nhỏ đã cần được chăm chú đến rồi. Những bà mẹ đó vẫn cứ thản nhiên sống theo lối sống quen thuộc, nhiều khi gây thêm cho người mẹ nhọc vì những việc thù tiếp, xã giao, giải trí, làm lụng... Các bà đó thận trọng pha sữa cho con, tính toán thêm bớ: từng phân độ nhỏ bé, đã không ngờ rằng trong thời kỳ thai nghén, mình uống rượu, dùng nhiều cà phê đặc, ăn những thức ăn khó tiêu, như thế đã dẫn độc cái thai gấp mấy mươi lần pha nhauin một phân độ sữa. Ấy thế mà, bà có biết đâu, cái thai khi còn trong bụng mẹ yếu ớt nhiều hơn là khi đã được sinh ra. Trong thời gian chín tháng thai nghén, các bà cần phải mỗi ngày mỗi nghỉ,

QUANG HÓA

mỗi đề ý tới nó. Chỉ một cớ tức
mình nho nhỏ, một cái ngã không
dùi cũng đủ ảnh hưởng tới thai...
Nếu nghĩ tới đó, chắc các bà
cũng thấy tại sao ta cần phải thận
trọng rất nhiều trong thời
 kỳ thai nghén. Mà sự thận trọng
này không có gì khó khăn vất-
vả. Chỉ có một số những lời
khuyên đơn giản, dễ thực hành
mà đôi khi các bà không ngờ tới
hoặc vô tình đã quên lẵng đi.

Nếu các bà muốn có một đứa
trẻ mập m้า, khoẻ mạnh, nếu
các bà muốn lúc sinh đẻ được dễ
dàng, chót lọt, nghĩa là như ta
thường nói, được «mẹ tròn con
vuông» thì xin các bà hãy theo
những lời dặn sau đây.

Khi bắt đầu nghỉ minh có thai;
xin mời bà đi khám ngay. Bà có
thể tới một nhà hộ sinh, phòng
mạch của một bác sĩ hoặc tới một
nhà thương công nào đó. Thầy
thuốc khám nghiệm sớm chừng
nào hay chừng ấy, sẽ khuyên bà
những điều cần thiết để tránh
những cái khò lớn về sau như
sanh non, đẻ khó, ra huyết nhiều
v.v... và tránh cho đứa bé những
bệnh di truyền bất trị.

Như vậy, việc đi thăm thai là

cần thiết và cũng là bồn phận của
các bà có thai. (1)

Người ta thường nói người có
thai phải ăn cho bằng hai người. I
Câu nói này không có giá trị nào
về phisiolog diện y-học. Tuy vậy
cũng không phải hoàn toàn là sai.

Các bà có bầu cần phải ăn
uống cho vừa đủ, đừng có ăn no
quá, mà cũng không thể chịu đói
được, nghĩa là ăn uống cho điều
hòa, có độ lượng.

Thức ăn phải lành, làm kỹ,
nấu chín. Nên ăn nhiều rau, cải,
trái cây, uống nhiều sữa, (mỗi
ngày 2, 3 ly). Sữa, và đậu chứa
nhiều chất vôi, trái cây có sinh-
tố, tất cả đều cần cho người thai
nghén. Thịt, cá, trứng, gan là
những thức ăn bồi, cũng rất cần.

Nên tránh dùng những thịt
muối, thịt ướp, đồ hộp, các loại
sò huyết, những thức ăn quá cay,
chua. Cứ rượu mạnh, trà đặc, cà
phê. Rượu vang cũng chỉ nên
dùng rất ít.

Tránh những thức ăn quá mặn.
Nếu nước tiêu của bà đặc,
nghĩa là có chất lòng trắng trứng
(1) Xin xem bài «Đi thăm thai»
đăng trong Phò-Thông số 21.

thì bà phải cứ hẵn không được ăn muối, các thứ nước chấm, thịt, cá, các thức ăn có bò muối như đồ, chả, nem v.v..., như vậy gần như là bà phải ăn nhạt. Bù lại bà có thể ăn thêm hoa quả, các đồ ngọt. Nếu bà không chịu khó kiêng cử như thế, nước tiểu sẽ dor hưa nữa, và bà có thể mắc chứng động kinh, còn gọi là chứng giật thai, (éclampie) là một chứng bệnh tối guy hiểm cho những người có thai, có thể làm chết cả mẹ lẫn con được.

Các bà không cần mua sắm gì nhiều lăm cho tốn tiền. Chỉ cần mặc cho đủ ấm, đừng để bị lạnh. Một người có thai phải mặc áo quan rộng rãi để cho cử động được thoải mái, để cho các cơ quan trong người nhất là cơ quan tiêu hóa và cho dạ con được phát triển dễ dàng không bị đè ép. Sự phòng ngừa này ở thời thượng cổ đã đi xa hơn nữa cho nên tiếng la tinh "incincta" chỉ người đàn bà có thai, còn có nghĩa là không deo thắt lưng.

Các bà đừng buộc bụng hay nịt ngực chặt quá. Đừng giữ gìn thai và tránh việc say con, từ tháng

thứ ba có thể dùng một thắt lưng đặc biệt (gọi là ceinture de grossesse) mua tại các hiệu bào chẽ thuốc thái Tây

Các bà phải bỏ hẳn giày hoặc guốc cao gót, chỉ đi dép hay giày thấp gót mà thôi.

Nên tránh không làm việc gì nặng nhọc quá. Nếu xưa nay bà vẫn làm công việc nặng nhọc thì lúc này cũng cần được nghỉ hoặc đổi sang những việc nhẹ nhàng hơn.

Hằng ngày có thể di lại vận động như thường, nhưng phải cho có chứng mực. Phải cần thận trong lúc đầu và lúc gần sanh, vì sơ ý những lúc ấy là khó tránh khỏi cái hại hư thai hay đẻ non.

Mỗi ngày đi bộ, thật thong thả độ một giờ hay nửa giờ cho ăn mau tiêu và khói táo (bón). Đừng đi cho đến lúc mỏi mới nghỉ, vì như vậy không những không lợi mà còn có hại. Tránh đi xa, đừng đi xe đạp, xe ngựa, những xe hay sóc. Ngừng bơi lội và từ tháng thứ bảy thì không nên đi xe lửa nữa.

Cứ dọn dẹp nhà cửa như

thường nhưng không nên làm việc nặng quá và dừng cử động một chỗ quá lâu.

Nên sống một cách giản dị. Bớt đến những chỗ đông người, bớt đi coi hát, chiếu bóng vì vừa một người lại vừa hứng lấy vi trùng.

Nên ngủ sớm và ngủ thật lâu. Nên dậy muộn. Hơi thay mồi mệt là cần phải nヘi ngoài ngay. Sáng sáng có thể tập thể thao nhưng nên hỏi qua ý kiến của thầy thuốc.

Hết sức tránh những lao lực quá độ, hoặc thể xác hoặc tinh thần.

★ TẮM RỬA

Mỗi tuần lě gội đầu một lần và mỗi ngày phải tắm một lần. Giữ gìn bộ sinh dục sạch sẽ luôn luon, vì đó vi trùng ngực hiềm dẽ tái, hại cho tử cung và buồng trứng. Nên lau rửa bì ngoài sáng, chiều bằng nước pha loáng thuốc tím. Không được bóm rửa ở trong nếu không có lệnh của y sĩ.

Một tháng trước khi sanh nhó lau rửa vú bằng rượu 60 độ có pha một nửa glycérine (mua ở các hiệu bào chế) để tránh cho vú khỏi nứt nẻ.

Vấn đề tắm rửa đã gây nên

nhiều thảo luận. Có người cho rằng tắm rửa thì vi trùng sẽ dễ vào bộ sinh dục. Có người thì cho da dễ được mềm hơn. Sự thực tắm rửa cốt cho da thịt sạch sẽ, cho mồ hôi dễ thoát ra ngoài. Trước khi đi ngủ nếu tắm nước nóng 37 độ trong một hai phút thì giấc ngủ sẽ ngon lành, ảnh hưởng rất tốt cho cái thai, miễn là đừng để bị lạnh.

Dù sao nヘr đừng tắm nóng quá, đừng tắm lạnh quá. Có thuyết cho tắm nóng quá sẽ dễ non mà tắm lạnh quá làm cho nước tiểu có nhiều lòng trắng trứng hơn (1)

Về mùa hè một người có thai cũng có thể đi tắm bể được, miễn là phải tắm nhanh đừng có bơi hay làm những cử động mạnh nào.

★ THUỐC MEN

Không được uống thuốc hay chích thuốc mà kbsng hỏi ý kiến của thầy thuốc.

Nên đi thăm thai thường luon, đúng ngày giờ hẹn và mỗi lần nhớ đem theo một chai nước tiểu lấy lúc bụng đói.

Cần phải thử máu và khám

(1) Tài liệu của bác sĩ Paul Morin & Paris,

phổi để tránh bệnh giang mai, bệnh lao.

Nếu có răng đau, phải đến cho một nha sĩ chữa ngay.

Bón uất rất hiềm nghèo trong thời kỳ có thai. Vì trùng ở lại trong ruột đè nọc vào máu hại cho bào thai và cả cho người mẹ. Ráng tập đi tiêu mỗi ngày, ăn nhiều rau, đậu, uống nước cam hay nước chanh tươi và vận động chân tay nhiều thêm.

Nếu thấy có huyết ra, dù là ít cũng phải đi nằm ngay và mời thầy thuốc đến coi.

Trong thời kỳ thai nghén, người hay bồn thăn khó chịu, buồn nôn, bón uất. Nếu thấy nhút đầu, ù tai, mửa nhiều, chân sưng to lên (phù) thì không còn lưỡng lự gì mà không đi thăm bệnh ngay.

Đó là sơ lược tất cả những điều cần thiết mà một người có thai không thể nào không biết tới.

Xin các bà hãy vui lòng theo với tất cả thiện chí của mình. Khi cái thai còn ở trong bụng mẹ nó theo bầm chất của người mẹ, nên người mẹ phải biết giữ mình và dưỡng thai, để đến lúc sanh được mẹ tròn con vuông.

Có thai không phải là có bệnh, xin bà đừng thấy trong mình biến đổi mà sợ sệt, song cũng chớ có thờ ơ. Nên vì thân mình và vì đứa trẻ đang nằm trong bụng mà các bà gắng theo phép vệ sinh trên đây rồi các bà sẽ vui mừng sanh ra được một đứa con khoẻ mạnh, xã hội thêm một công dân hữu dụng và loài người lại thêm được một «nòi giống tốt».

★ LÀM TRÍ KHÔN

Cô tiếng gõ cửa mạnh, dứa từ trung tin ra mở :

— Thưa ông, ông hỏi việc gì ?

Ông khách nghiêm nghị đáp :

— Tôi tìm chủ của chủ !

— Dạ, ông k ẽm có việc chi ạ ?

— Về một món nợ...

Dứa từ nói ngay :

— Chủ tôi đã di vắng từ chiều hôm qua...

Ông khách vẫn nói tiếp :

— ...mà tôi đến để trả đây !...

⇒ ... và đã trả về hồi sáng nay rời ạ !...

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

* THĂM LĂNG

Tiêu-thuyết của Tân-Vũ và Trúc-Duy-Ên (Định-Tường), 115 trang
khô-nhỏ, giá 30 đồng.

* PHÁP-VĂN TRUNG-HỌC.

(Của Cao-văn-Phái, Nhà-xuất-bản THIANK-ĐẠM, 353, Trường-minh-Giảng Saigon).

Sách dạy Pháp-văn lớp đệ-tứ, theo chương-trình mới của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục. Có những câu hỏi sau mỗi bài chọn lọc của các Văn-nhân Thi-sĩ Pháp. Có giảng ra Việt ngữ những chữ khó. Có Conjugaison, thème, traduction v.v... Rất dễ học — 120 trang giá 30 đồng.

* HOA TRANG TRẮNG

Thơ của Phượng-Cẩm. In và xuất-bản tại ĐÀ-NẴNG.
24 bài. In đẹp. Không đắt giá bán.

* VĂN HÓA NGUYỆT-SAN số 2.

«Phần đặc biệt về sân khấu» do Văn-hóa Vụ Bộ Thông-Tin
đã hành.

Một công trình nghiên-cứu rất dày dủ về bộ môn sân-khấu.
184 trang — giá 15 đồng.

* SÁNG ĐỘI MIỀN NAM số 1 và 2

Cơ-quan văn-nghè của Nha Kiến-Thiết. Nhiều hình ảnh rất
đẹp, ấn-loat tuyệt-xảo, do nhà Kini-Lai ấn-quán thực-hiện. Chủ
nhiệm: ông Võ Đức Diên, kiến-trúc-sư.

* TRANSISTOR (Lý-thuyết và thực-hành).

Của Kỹ-sư Lưu-văn-Â và Trần-Phương-Châu. (Trường Võ-tuyễn-
diện Tân-Phái, 50 Nguyễn-Huệ Saigon, xuất-bản.

Sách về kỹ thuật vô tuyến-diện dề cập đến các tiến triển mới nhất của vô-tuyến-diện từ ngày mây Transistor được chế tạo thay cho các đèn Radio. Những bài học dày dặn và rõ ràng, rất có ích cho những bạn chuyên tìm hiểu về Radio; 70 trang — giá 38 đồng.

✓ KHẢO-LUẬN TIỀU-THUYẾT TRUNG-HOA.

Tác-giả : Nguyễn-Huy-Khánh, Tựu của Nguyễn-Hiển-Lê
Nhà xuất-bản Khai-Tri, 62 Đại-lộ Lê-Lợi Saigon.

Sách gồm có 3 chương : Chương một, khảo luận về quá trình diễn biến của Tiêu-thuyết Trung-Quốc. Chương hai, đặc biệt dành riêng cho mây bộ Tiêu-thuyết giá trị của đời nhà Minh : *Thủy-Hử*, *Tam-Quốc*, *Nhạc-Phi*, *Tuý-Du*, *Kim-binh-Mai*, *Kim-Cô kỵ-quan*. Chương ba, nói về những tiêu-thuyết hay nhất ở đời nhà Thanh : *Hồng Lâu Mộng*, *Nho Lâm ngoại sử*, *Liêu Trai Chí Di*.

Ngoài công phu kê ciru chứng nhau một hiều biết sâu rộng, tác giả còn phân tách và xác định rõ rệt giá trị nghệ thuật và tư tưởng của những pho kiệt tác kia.

Một quyển sách có giá-trị đặc-biệt về Văn-học-sử Trung-Hoa, nhưng cũng giúp rất nhiều cho sự hiểu-biết đầy-dủ của chúng ta về các Bộ tiêu-thuyết quý báu nhất của Tàu mà hầu hết người Việt-Nam nào cũng đã đọc say mê.

Sách in đậm, rõ-ràng, dày 290 trang - giá bán 50 đồng.

✓ GIẢNG-LUẬN VỀ TÂN ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU.

✓ GIẢNG-LUẬN VỀ CHU-MẠNH-TRÌNH

Tác giả : Bùi-Giảng, Giáo-sư Việt-văn, nhà xuất bản Tân-Việt.

Sách luyện thi Trung-học đệ-nhứt và đệ-nhị cấp, gồm có các phần Tổng-luận, Tiêu-sử, bình giảng thơ văn và luận-de.

Soạn rất công phu,

✓ ĐỒNG SÔNG ĐỊNH MÊNH

Truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ.

Nhà xuất bản Tự-Do, 25-27-29 Sài-gòn. Võ-Tánh, 120 trang — giá 22 đồng.

✓ HOA MƯỜI PHƯƠNG

Tập thơ của : Định Giang — Hồng-yến-Điệp-thinelly-Hoàng — Kim-Tuấn — Nguyễn-mạnh-Tư — Như Lan — Phan minh Hồng — Thanh-Nhung — Tô-Giang — Trần Thảo Lư — Tuyết Linh — Từ Thạch — Võ hữu Quyền — Vương đức Lệ — Kiều-Thệ-Thủy — Trường-giang xuất bản.

Tất cả 70 bài thơ của 14 bạn trẻ, trong số đó có *Tuyết-Linh* và *Thanh-Nhung* ở (Nha-Trang), *Như-Lan* ở (Gia-dịnh) thỉnh-thoảng có thơ đăng trong PHÒ-THÔNG. Giá bán : 45 đồng.



Truyện dài của Cố VĂN NGA
(Tiếp theo P. T. số 21)

NÃY giờ mắng vui mừng
tiu liu, tôi q ê i mắt
những lè-lối dài khách,
nên vội bảo các anh :

— Các anh tắm rửa cho mát
nha. Tôi đã sắp sẵn khăn lông
và xà-bông thơm trong buồng
tắm rồi.

Thường thường, ở nhà quê,
bầu phản của chủ nhà phải lo
cho khách đến chơi được đủ
tiện nghi như ở nhà họ vậy.
Trước hết, khách phải được
tắm rửa mát mẻ, kế đó khách
nằm ngã lưng nơi bộ ván ở mé
trước có trải chiếu hoa, có gối
tai bèo thêu oanh, thêu yến, đê

dợi chờ mâm cơm thịnh soạn
đang làm dưới bếp sắp dọn ra.

Hết phiên Thanh đi tắm, tôi
điitch thân sang trước cho đầy lu
và mở rương lấy chiếc sà-rông
tơ và tấm khăn lông lớn là hai
vật kỷ niệm của ba tôi mua cho
lời ở Tân Châu trước khi người
mất, mà tôi tung tui cất giữ mấy
năm nay, ra để cho Thanh dùng.

Nghĩ cũng lạ, ái tình thật mầu
nhiệm lắm thay. Nó là cái chí
chí mà làm cho người ta sung
sướng, cũng như đau khổ, vì đã
nghe đến người; hơn minh. Thứ
xét lại người minh yêu, trước
kia minh không biết đến là ai;
ở đâu, minh cũng không rõ, mặt
mũi thế nào minh cũng chưa
biết, khi minh sanh ra minh có
biết họ là ai đâu và họ cũng
không hề biết đến minh nữa.
Ấy vậy mà khi đã biết, đã yêu,
minh sẽ thuộc hoàn toàn về
người ta, bỏ cha bỏ mẹ; bỏ cả
quê hương xứ sở để theo họ và
cuộc đời của minh từ đấy về sau
sẽ là của họ, của một người mới
đây còn lạ quắc lạ quen mà
minh lại thương yêu, kính
trọng hơn hết những người thân
thích, ruột thịt của mình.

Anh Thanh vào buồng tắm
thấy tôi còn đang chà bàn chải
răng trong phần đánh răng cho
anh, liền bảo tôi :

— Sao em xách nước chỉ cho
nhạc, anh tự lo lấy cũng được
mà.

Tôi luống cuống nói t...
—...Tôi...làm quen rồi.

Thanh đứng chặn nơi cửa
buồng tắm :

— Má đi đâu vắng nhà hả em ?
Tôi biết câu hỏi này chàng
vẫn để dành riêng cho tôi cái
tiếng má mà chàng gọi mẹ tôi,
nghe rất tự nhiên, và tôi cảm
thấy hả dạ làm sao. Tôi cúi
đầu xuống, má nóng ửng lên :

— Dạ má đi Giồng-riêng chiều
mai mới về.

— Còn anh Ba ?

— Anh qua bên Hà-liên rồi.

Thanh gật đầu và nói thêm :

— Vậy thì anh sẽ ở đây chờ
má, rồi mới trở về chợ vào
ngày sau.

Tôi ngạc nhiên nhìn
Thanh sững sốt, muốn mở lời
giữ anh ở lại nhưng ngại miệng
chẳng nên lời. Thanh dường
như hiểu ý và ngọt ngào bảo tôi :

— Anh về thu xếp công việc
ít lâu, thăm viếng cha mẹ xong
rồi lại trở vào. Em có bằng
lòng chàng ?

Tôi cười gượng, lách mình
bước trở ra. Thanh tắm xong, ra
bàn trước ngồi uống trà với các
bạn. Nhà có chuối khô, tôi đem
ra cho các anh dùng, ai cũng
hoan nghênh hết.

Chúng tôi trò chuyện vui vẻ
cho đến khi đồng hồ trên tường
gõ một tiếng. Đã một giờ khuya
rồi mà chúng tôi vẫn ngủ còn
sớm.

Em Năm tôi che miệng ngáp
dài :

— Các anh hôm rày đi ghe
một dù, chắc cũng muộn nằm
nghỉ cho khỏe ?

Lời đề nghị ấy được da số tán
đồng :

— Ồ, khuya rồi, tụi mình đi
ngủ là vừa. Ngày mai còn hoi
xuồng đi trong vùng cho biết.
Anh Thanh buồn ngủ chua ?

Tôi nhìn chàng chăm chú, sợ
mắt chàng dù chỉ từ đây đến
sáng. Có ai đã từng yêu, từng
đau khổ trong cảnh nhở nhung,
tất hiếu thế nào là sầuƯong tư
dắng đặc của một người đối
với một người. Nó là một sự
ràng buộc vô hình, dính như
keo và quen như sơn, khéng bứt
dứt, không cắt rời được, nó ám
ảnh trí óc ta, nó đục khoét tâm
hồn ta, nó gây sự thồn thức
trong linh ta, nó làm cho ta sầu
mơ mộng hão và không cho ta
xa rời hình ảnh của người yêu.

Càng yêu lắm, càng mắt nhiều,
càng làm cho ta đau khổ thầm
thìa thêm mải mải. Bài học yêu
đương, tôi mới được vỡ lòng,
mà tôi không ngờ đã ghi sâu
vào lòng tôi những nét hồn rõ
rệt như một chiếc bình thủy
tinh vừa nứt rạn ra. Khi vắng
mặt Thanh, tôi buồn dã dượi,
biếng làm, biếng ăn, biếng ngủ
mà không biết tại vì đâu, nhiều
khi muốn khóc thật to, thật
nhiều nhưng không tìm ra một
duyên cớ của sự khổ đau, may

thấy lại mặt chàng tôi tự nhiên hiểu rằng hai tâm hồn chúng tôi đã liên cảm nhau trong mộng trường và bây giờ tôi không sao có thể rời xa chàng được. Chính giờ phút ấy, nhìn vào mắt người, y ê u, tôi mới nghe tiếng con tim tôi đập rộn ràng chửa từng có và lòng tôi như mở hội, miệng tôi muốn thổi ra, không thể đè nén được, và chỉ một mình chàng nghe mà thôi, những nhớ nhung, sầu tủi cùng sự cảm mến triền miên của lòng tôi đối với chàng.

Tôi sợ Thanh rời xa tôi lúc này. Chàng đi nằm bày giờ là té ra đã vô tình lâm ru? Tình chàng chả nhẹ kém thiết tha hơn tình tôi? Và sự yêu thương cực điểm đang đốt cháy hừng hực bên lòng tôi không phải cũng là ngọn lửa lòng của chàng sao?

Tôi muốn kéo dài vô cùng tận những phút đối diện với chàng. Thời gian hãy ngừng lại, không giao động hẳn đi, và nhân thế hãy rời xa că, để chàng và tôi, chỉ còn tôi thôi, được sống vào một thế giới riêng biệt của Ái tình mà trong đó chẳng có dĩ vãng cũng như tương lai, chỉ toàn một hiện tại thơ mộng với nguồn hoan lạc vô cùng tận của một tình cao thượng và vĩnh viễn đời đời.

Các bạn Thanh lần lượt đi ngủ, Thanh vẫn ngồi hút thuốc. Ánh đèn sáng chỉ còn rơi chập chờn trên vách hai bóng người.

Ngoài sân, mảnh trăng hạ tuần

vừa mọc lên như chồiée lược cài bằng bạc gài trên chóp tóc lù-xù của một ngọn cầu già. Vườn cây lồ chỗ những đợt sáng lờ mờ. Xa xa, qua màn sương loáng những nóc nhà thoai thoải bên bờ ruộng in thành hình những hầm mồi đèn sậm trên mặt khuông-caph mờ mịt của đồng quê xa tít.

Thanh - khe khẽ gọi tôi :

— Em!

— Da.

— Em chưa buồn ngủ?

— Thưa chura.

Chúng tôi lại im lặng. Thời khắc trôi qua nhẹ nhàng quâ. Tôi chờ đợi, một sự chờ đợi rất êm-dju, xem chàng sẽ nói gì với tôi, và tôi sẽ trả lời sao cùng chàng. Trong cuộc đời, chỉ có giây phút chờ đợi của hai ngô lòng sắp cởi mở cho nhau mới hồi hộp một cách thích thú đê mê, mới ngượng ngùng một cách đắm say như trong đêm tân hôn, nơi phỏng hoa chúc, đón vợ chồng mới bắt đầu làm quen nhau.

Bên vách, một con cát kè thong thả buông ra những tiếng kêu nồng nè ỳ ạch. Tôi mấp máy môi nhấp nhẩm xem chẵn lẻ.

Thanh tinh ý, biết được tư tưởng của tôi, liền cất tiếng đếm tiếp theo vừa đủ cho tôi nghe và bảo rằng :

— Các-kè kêu chẵn mười tiếng tức là được điểm lành, buổi hội ngộ hôm nay sẽ hứa hẹn nhiều hạnh phúc vuôn tròn.

(Còn nữa)



ĐÁP BẢN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU HUYỀN
và BẠCH YẾN

* Bạn Trần văn Thi — Đà Nẵng

Cảm ơn thư của bạn và nhứt là đoạn thư bạn nhắc lại hồi tôi làm chủ bút báo « Tô Quốc » ở Saigon hồi tháng 9-1945, bị Dương bạch Mai mời lên Công An và sắp sửa cho đi mò tôm, nếu không có ba tắc lưỡi để tự bào chữa cho mình !

Hôm nào bạn có dịp đi Saigon, mời bạn ghé lại tòa soạn, chúng ta sẽ nói về vụ Khái Hưng bị thủ tiêu. Thân mến,

N. V.

* Cô Công tặng tôn nữ thị Tuyết-Ngọc — Huế — hỏi :

Có một người bạn trai gửi tặng em hai cánh hoa Pensées tròn với nước hoa (hay nước mắt?) cùng với một bài thơ tả về mùa Thu. Thưa cô, như thế anh ấy có ý gì đối với em ? Luôn tiện cô cho biết những thứ hoa mà người ta thường tặng cho nhau như : (Rose, violette, Pensée v.v...) có ý nghĩa gì ? hoa nào biểu hiệu cho sự nhớ nhung, tình bạn, tình yêu...?

ĐÁP :

Mỗi một cánh hoa, một màu sắc, đều tượng trưng cho một ý nghĩ, một câu nói thầm kín.

— Hoa Tương Tư (Pensée) : biểu hiệu cho sự nhớ nhung tha thiết.

— Hoa tim (violette) : không nên cho ai biết cuộc tình duyên của chúng ta.

— Hồng (Rose)	{	màu trắng : Tình yêu sâu muộn.
		bồng : Thè non hẹn biển, đỏ : Tình yêu đậm đà

- Mai (Abricotier), trắng hồng : tình yêu không được đáp lại
- Hạnh Đào (Amandier), hồng : yêu nhau vì tình nết.
- Mồng gà tây (Amarante), đỏ đậm : không có gì làm cho anh chán em.
- Cúc nhựt (chrysanthème), hồng : em không hiểu được lòng anh, — xanh : có một lúc anh đã tin em.
- Ngải-hương (Armoise), vàng : tôi đã có chồng rồi, không thể yêu anh được nữa.
- Sơn-Tra (Aubépine), hồng hay trắng : anh nên để đặt hơn một tí.
- Hải-Đường (Bégonia), hồng hay trắng : nên giữ tình bạn thân mật thi hơn.
- Thược-Dược (Dahlia), trắng : Cảm ơn tình quyến luyến của anh — hồng : anh sung sướng được em mến, — đỏ . tình yêu của anh là hạnh phúc của em — vàng : lòng anh tràn ngập hân hoan.
- Cà độc dược (Datura stramonium), xanh : em không nên tin những lời người ta nói xấu anh.
- Tường vi (Eglantine), trắng : anh đã bắt đầu yêu em, — hồng : Anh yêu em mãi mãi.— vàng : anh sung sướng được yêu em
- Đinh Tử (Giroflée), đỏ thắm : lòng anh không bao giờ thay đổi.— màu lila : càng ngày anh càng yêu em.
- Lay ơn (glaieul) hồng hay đỏ : một cành Lay-ơn cầm trong một bó hoa khác, cành Lay-ơn có mấy hoa là mấy giờ chúng ta sẽ gặp nhau.
- Lựu (Grenadier), đỏ tươi : anh muốn em hoàn toàn là của anh.
- I-mợt-tel (Immortelle) ; đỏ, trắng, vàng : niềm đau khổ không bao giờ người được.
- Lài (Jasmin), trắng : em chưa yêu anh ư ? — vàng : anh muốn em là tất cả của anh.
- Oải hương (Lavande), xanh : anh rất yêu và kính trọng em.
- Liễu (Dây) (Lierre), xanh . yêu anh, em sẽ chết theo anh.
- Huệ (Lis), trắng : tình yêu trong sạch.

— Cẩm quỳ (mauve) ; trắng hay tím : em không hiểu được
anh đau đớn đến bực nào

— Bạc hà (menthe), trắng hay tím : dù em không yêu anh,
nhưng anh vẫn giữ những kỷ niệm tốt đẹp về em.

— Trinh nữ (mimosa), vàng : không ai biết rằng anh yêu em,

— Mùy-ghê (muguet), trắng : em có sắc đẹp thùy mị. Cũng
tương trưng cho hạnh phúc, nếu tặng vào tháng năm Dương lịch.

— Lưu ly (myosotis), xanh : em đừng quên anh nhé.

— Thủỷ tiên (narcisse), trắng : em vô tình lầm.

— Súng (néenuphar), trắng : em không biết yêu.

— Cẩm chướng (œillet), trắng : tình bạn đậm đà, trong sạch.
hồng : tình yêu nồng nàn.

đỏ tươi : tin tưởng mối tình yêu

— Cẩm chướng thi nhân (Œillet de poète) nhiều màu : tình
yêu say mê.

— Cẩm chướng Án-dộ (Œillet d'Inde) màu lửa ; vẫn nhau
xót xa, thương nhớ.

— Cam (Oranger), kết duyên lành;

— Đào (Pêcher), hồng ; mặc dầu có trở lực, chúng ta cảng yêu
nhau.

— Pétunia : báo tin một cánh thư tình bị bại lộ,

— Mẫu đơn ; (Pivoine), trắng hay đỏ ; yêu em và luôn luôn săn
sóc đến em.

— Bách-lý-hương (Thym) ; Anh sẽ không bao giờ quên em.

— Uất kim hương (Tulipe) nhiều màu ; bắt đầu tỏ tình yêu.

* Bạn Lương-trọng-Minh — Saigon.

Bạn nói rất chí lý. Nhưng tùy theo trường hợp,— Thân mến.

* Bạn Hoàng hưu Hân — Trường Pellerin — Huế.

Ông Tú, bà Tú chỉ là những nhân vật tiền thuyết, có hình
vẽ trong PHÒ THÔNG số 21 và các số sau.

* Bà Thành Tâm — Saigon

1) Bà hỏi tại sao nước ALLEMAGNE mà tiếng Việt lại dịch là
NUỐC ĐỨC ? Xin đáp : chữ NUỐC ĐỨC là phiên âm chữ
«DEUTCH» chứ Không phải là chữ Allemagne. Chữ DEUTCH mới
đúng nghĩa là nước Đức.

2) Mục «Đáp bạn bốn phương» này là do cô Diệu-Huyền và tôi trả lời cho các bạn, chứ không phải riêng một mình tôi.

* Bạn Bùi Kim Lân — đường Duy Tân — Hội An — hỏi :

«Người ta thường ví thân con gái như 12 bến nước, may gặp bến nước trong thì nhở, rủi gặp bến nước đục thì chịu. Tại sao người ta không nói 13 hay 9 bến nước mà lại gọi chỉ có 12 ? và vì sao lại lấy bến nước làm ví dụ. »

ĐÁP : Người ta lấy theo Thập nhị Can : (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, v.v...) để làm ví dụ 12 bến nước, người con gái lúc lấy chồng thế nào cũng phải vào 1 trong 12 tuổi ấy, như chiếc thuyền cập vào 1 trong 12 bến nước, nếu may mắn thì được sung sướng bằng không thì sẽ phải chịu cực khổ.

* Em Trần Châu — học sinh — Saigon

Trên các bao thư thỉnh thoảng em thấy đề :

Ông X...

Cô Ông Y...

Saigon

Cô là chữ viết tắt của care of (aux bons soins de) có nghĩa là : nhờ ông Y trao lại giùm.

* Ông Lý-Thanh-Binh — đường Mac-dinh-Chi — Saigon.

1) Xin ông cho biết ông HẠNG-THÁC đối đáp với Ông KHỒNG TỬ, lớn lên trở thành người gì ? Có danh vọng gì không ?

2) Ông HẠNG-THÁC có dính dấp gì với dòng họ ông HẠNG-VÕ không ?

3) Xin cô vui lòng trả lời những thắc mắc sau đây :

a) Tại sao khi chết trôi, đàn ông trôi sắp, đàn bà trôi ngửa ?
b) Tại sao đàn ông có trái cổ, đàn bà không có ?

c) Tại sao người ta nói mục-dồng không hề bị sét đánh ? Còn con trâu là hiện thân của Bò Tát, sao lại bị sét đánh chết ?

d) Tại sao lươn và rắn trung nghịch nhau. Xin cho biết thời kỳ lươn lộn lốt để thành chồn đèn ?

e) Xin cho biết những con vật nào nghịch nhau, thí dụ như mèo nghịch chuột, chó nghịch mèo v.v... và tại sao chúng nó nghịch nhau ?

f) Tại sao rắn có loài đẻ trứng (rắn hổ) có loài đẻ con (rắn lục) ?
g) Tào Tháo bên Tàu kiếp trước là ông gì ? sau khi chết đầu thai làm ông gì ?

h) Xin ông cho biết thêm vài ông khác có tiếng tăm thuở xưa

như ông Tào-Tháo : về kiếp trước, và đi đầu thai của mấy vị ấy ? »

ĐÁP : 1) *Hạng-Thác* sau thành nhà phê bình văn học và Sử học danh tiếng Trung-Hoa.

* 2) *Hạng-Thác* không dính dấp gì với *Hạng Võ* cả.

3) a— Khoa học không nói khi chết trời đòn ông nằm sấp, đòn bà nằm ngửa. Nhưng theo lý số của Tàu thì cho rằng đòn ông thuộc dương, đòn bà thuộc âm.

b) Trong khoa giải phẫu không có giải thích tại sao đòn ông có trái cõi nổi ra, đòn bà không có. Nhưng theo lời truyền tụng thì tại vì ông Adam ăn trái cấm cho nên Chúa Trời phạt bắt nuốt trái pomme vào đến giữa cõi thi mắc kẹt ở đó. Cho nên đòn ông ngày nay còn mang cái «cực tội» ấy nơi cõi. Còn bà Eve không ăn nên khỏi bị.

c) Chuyện «*Con trâu là hiện thân của Bồ Tát*» là chuyện huyền hoặc hoàn toàn. Nếu đòi khi trâu bị sét đánh là tại vì trâu có sừng nhọn đang ăn giữa đồng, có thể bị sét đánh trúng. Còn mục đồng thấy trời sấm sét chay y núp nên tránh khôi.

d) *Con lươn* không bao giờ lộn lột để thành ra con chồn đèn. Vì lươn là thuộc về loài cá, còn chồn là con vật bốn chân, ăn thịt và có vú. Từ cổ chí kim, ở Đông phương cũng như ở Tây phương, người ta đã đặt nhiều truyền kỳ hoang đường về con Lươn, bởi nó có một sự kiện lạ lùng đặc biệt về sinh vật học. Là từ xưa đến nay, chưa bao giờ người ta thấy con Lươn có trứng, hoặc đẻ con, và người ta không hiểu nó do từ đâu sinh ra.

Bên Âu-Châu người ta truyền tụng rằng, có lẽ con Lươn do voi bùn lỵ nheen sinh ra chẳng ? Bên Tàu người ta lại cho rằng nó do con chồn đèn sinh ra, rồi khi chết lộn da thành trở lại con chồn. Bên ta thì cho rằng con Lươn và con Chạch là ở gốc cây ưa sinh nở ra. Sự thật đều sai cả. Vừa rồi có hai nhà sinh vật học *Grassi* (người Ý) và *Schmidt* (người Đan Mạch) đã nghiên cứu và khám phá ra rằng, ở nước ngọt con Lươn không bao giờ có trứng và cũng không sanh đẻ. Cứ đến mùa Thu là những con Lươn đực và Lươn cái lớn tuổi đều tìm các mạch nước mà lội về biển. Vì giống Lươn chỉ sanh đẻ ở nước mặn mà thôi. Chúng nó phải ở biển hai năm, mỗi con Lươn cái đẻ ra ít nhất là 2.000.000 (hai triệu) cái trứng, trứng nở ra lươn con, lớn như ngón cổ dẹp, dài độ 2mm. Chúng bơi lắn vào các miệng sông, rồi đến cuối mùa Đông, đầu mùa Xuân chúng mới bắt đầu bơi vô nước ngọt (sông, ruộng, ao, hồ v.v..)

Dần dần xương sống mới cứng và lớn lên. Lươn đực sống

được 10 năm, Lươn cái 20 năm mới có khả năng sinh nở và bấy giờ chúng mới tìm đường về biển để... kết duyên tần tảo ! Nhưng con lươn lớn mà người ta bắt đem bán ở chợ đều đã sống được mươi mấy hai chục năm rồi. Có lẽ vì đời sống của loài Lươn có vóc bí mật như thế, nên người ta mới bày đặt ra lầm chuyện hoang đường về nó.

e) Hầu hết các loài rắn đều đẻ trứng (Ovipares) (Rắn Hồ, rắn nước...) nhưng cũng có loại rắn đẻ con (Rắn lục) vì trứng nó nở trong bụng (ovovivipares).

f) Theo thiền ý của chúng tôi, chuyện đó không có căn cứ vững chắc, không phải tài liệu xác thật về lịch sử, vậy xin miễn đáp.

Bạn Võ thanh Mỹ — k.b.e. 4324

Chúng tôi chỉ thấy câu : «Đường đi khó, nhưng không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông» trong bài «Mạo hiểm» của Nguyễn Bá Học, chứ không được thấy trong tác phẩm nào của Nguyễn-Trãi.

* Em Hùng ở Salgon (Cô Bình Minh trả lời)

Em nên viết thư cho H. biết không nên nói xấu em với một người khác. Nên giữ ôn tồn và nhã nhặn thì hơn.

* Bạn Trung-Tiền — Gò-Công.

Đến đám tang, mình chia buồn với tang gia, thi đến đám cưới, mình chia vui với gia chủ chó sao ? Cái buồn riêng của người ta cũng như cái vui riêng của gia đình họ, mình chia xinh với họ, ấy là tổ tình thân ái. Còn Chung vui là khác, là chính mình cũng được hưởng cái vui đó. Ví dụ như hai họ suối già đều chung vui. Còn mình ở ngoại cuộc chỉ là bạn tèo, thi mình chia vui với là đúng phép lịch sự.

* Bạn N. V. H. — Công dân vụ — Quang Nam

Theo chúng tôi biết thì quốc phục Việt Nam đã có lâu đời rồi và không thay đổi mấy, hoặc có phần biêt chút ít về chi tiết (rộng, hẹp, dài, ngắn v.v...) là tùy ở mỗi địa phương. Ví dụ như kiểu áo và vai thi trước đây vài chục năm chỉ từ Quang Trị, Huế, và đến Nhị trang mới mặc, chít ở Bắc và Nam không mặc. Hoặc lai rộng huy hẹp cũng tùy địa phương (Bắc mặc lai rộng, Nam lai hẹp v.v...)

Hiện nay, người Bắc vẫn mặc áo rộng lai, dài quá gối, quần rộng, người Nam mặc áo ngắn đến gối, quần không rộng quá. Người Trung thi theo kích thước vừa phải. Về y-phục dân ông, không biết thế nào cho «hợp thời trang».

❖ Bọn Thiện Phúc — Huế hối:

- «1) Hiện thời trên thế giới nước nào không còn án tử hình.
- 2) Cho biết những tác phẩm danh tiếng của HOMÈRE, CICÉRON SOCRATE và ARISTOTE.

- 3) Cho biết tiêu sử của Họa sĩ VAN GOGH.»

ĐÁP 1) Hồi xưa dân tộc nào cũng có luật án tử hình. Người Á-Đông, và người Hébreux thi chặt đầu. Người Hy-lạp, chặt đầu hoặc thắt cổ, hoặc bắt uống thuốc độc. Người La-Mã cũng chặt đầu, hoặc treo cổ trên cây, hoặc đốt cháy, hoặc bỏ vào bao rồi quăng xuống biển. Ở Pháp, chặt đầu hoặc treo cổ, thiêu hỏa. Từ hồi cách mạng 1789 thì máy chém. Ở Anh treo cổ, ở Mỹ ngồi ghế điện. Nhiều nước khác xử bắn. Ở Ý đã bỏ án chết chém, rồi lại tái lập.

2.—

SOCRATE, Triết học Hy-lạp (468-400 tr. J. C.) không có viết một quyển sách nào cả. Chỉ có sách của các môn đệ chép và giảng lại Triết học của ông mà thôi :

PLATON : *L'apologie, le Criton, le Phédon.*

XÉNOPHON : *L'apologie, le Banquet, les Mémoires.*

ARISTOTE, học trò của PLATON, cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều của Socrate trong những quyển *La Rhétorique, La Poétique, la Morale à Eudème* ...

3.— HOMÈRE Thi sĩ Hy-lạp, xưa nhất và danh tiếng nhất. Không ai biết ông sinh năm nào, chết năm nào. Nhiều nhà phê bình văn học không tin rằng ông có thật. Nhưng bảy thành phố lớn của Hy-lạp tranh giành nhau cái vinh dự là quê hương của ông. Người ta đoán có lẽ thi sĩ sống vào khoảng Thế kỷ thứ IX trước J. C. Từ xưa truyền khẩu lại rằng hai Bộ truyện anh hùng ca ILLIADE và ODYSSEE là của HOMÈRE, và nhiều tập thơ của Homère đã bị thất lạc hết chỉ còn lại : HYMNES HOMÉRIQUES, BATRACHOMYOMACHIE

8.— VAN GOGH (Vincent) Họa sĩ người Hà Lan. Sinh : 1858 tại Zundert, chết 1890, tại Auvers sur Oise. Làm công nhân hàng ở Paris, ở London. Bắt đầu vẽ tay: «Les mangeurs de pomme de terre» những kẻ ăn khoai tây) «Le vannier» (thợ dán thúng). Sau đến Paris, hợp tác với các họa sĩ danh tiếng ANQUETIN, TOULOUSE — LAUTREC. EMILE BERNARD vẽ những tranh «Hoa» (Fleurs). Bị động kinh, chữa bệnh ở Auvers, rồi trong lúc bị bệnh hành hạ đau đớn, tự tử bằng một phát súng lục đè lại nhiều bức tranh quý giá màu sắc rực rỡ, và nét bút điêu hòa, uyển chuyển; *La Chambre de Van Gogh. Le paysan au grand chapeau, l'Homme à l'oreille coupée, le jardin public d'Arles, v.v...*

★ Một bạn đọc ở Huế.

Tác phẩm gì của ngoại quốc muốn dịch, phải xin phép tác giả.

★ Cố Trịnh Hồng Loan — Vĩnh Long.

Nếu bạn có đến tuổi trưởng thành rồi, bạn có có quyền tự lựa chọn người bạn trai năm, nhưng nên đến hỏi thè thức làm giấy tờ hôn thú tại phòng hộ tịch nơi bạn ấy đang ở.

BẠN ĐỌC VIỆT

★ MỘT ĐỒNG BÀO THIỀU SỐ (Việt Nam mới)

của Vy-van-Làng, trưởng Thiếu sinh quân.

Kính gửi;

Ông : Giám đốc báo « Phò-Thông ».

Thưa ông, tôi là một người dân thiểu số miền thượng-du Bắc-Việt, đã lâu tôi cố lâm lâm tôi trong các tài liệu sách báo nhưng không thấy dấu tích về sắc dân này cả,

Xem Phò-Thông số 16 mục Văn-chương Thái-Lan có những câu thơ trùng với tiếng nói của tôi, tôi đâm hoang mang không hiểu tôi là người phát xuất từ đâu.

Thưa ông, chúng tôi một số dân ngót triệu người. Sống lan tràn khắp miền thượng-du Bắc-Việt, như những quận và tỉnh : Lang-Sơn, Cao-Bằng, Na-Săm, Thát-Khê, Kỳ-Lưu, Bắc-Cạn, Bình-Liêu, Điện-Lập v.v...

Trong những năm khói lửa vừa qua, những dân này luôn luôn bị đốt sát cánh với người Việt và đã đờ nhiều máu xương trên các chiến trường đè dành quyền tự-chủ như ngày nay. Người Pháp đã có ác cảm gần cho cái danh từ là « Thủ » sự thật chúng tôi là người Tày.

Thưa ông mặc dùn với chính thè Công-hà ngày nay chúng tôi là người Việt nhưng vẫn không tránh khỏi những thắc-mắc. về nguồn gốc sắc dân của chúng tôi. Thưa ông, có phải trước kia chúng tôi cũng là người Việt, nhưng vì loạn-lạc chay trốn vào những vùng xa-xôi hẻo lánh đèo lánh nạn, rồi dần dần mất liên-lạc nên mới đến ra những phong-tục lập quán và tiếng nói khác chăng?

Chúng tôi có nên đưa lên mặt báo những văn tíu, phong-tục ngô-nghĩa ấy không?

Xin ông vui lòng giải đáp, tôi thành thật cảm ơn.

Một đọc giả trung thành nhất của Báo Phò-Thông

VY-VÂN-LÀNG

ĐÁP : Xin có lời chào mừng bạn, và mong bạn gửi các tài liệu của bạn về tòa soạn. Rất hoan nghênh.

* TÌNH YÊU TRONG HỌC ĐƯỜNG

Của bạn Lê Thiên Vỹ – Hội An

«... Đây là những điều mà cháu nhớ ông già đãp hộ :

1) Theo cháu biết thì nhà trường rất cấm học sinh yêu nhau.

Vậy nhà trường có cấm Giáo-sư yêu học sinh không ?

2) Một giáo-sư đứng dắn có nên yêu học sinh của mình dạy không ?

3) Bộ quốc gia giáo dục có biện pháp gì để thường (phai) một giáo sư yêu học sinh không ?

4) Học sinh yêu nhau rất có hại, nhưng học sinh (nǚ) yêu giáo-sư thì có hại hay có lợi cho Thuần phong mỹ tục ?

Trên đây là những điều cháu rất thắc mắc mong quý hảo vu lòng trả lời cho cháu biết. Cháu rất cảm ơn.

Đáp : Các điều đó, bạn nên hỏi quý ông giáo-sư của bạn thì hơn.

*

* Về bài của ô, NG., KHẮC-THIỆU trong P.T. số 20

Chúng tôi có nhận được một bức thư của ô. Nguyễn-khắc-Thiệu xin đăng tải sau đây .

Huế 29.9.1959

Kính ông,

Bàu trước đợt mệt không thấy tin tức của PHÒ.THÔNG và bàu THI.NHÂN V.N HIỆN ĐẠI của tôi, nên tôi gửi cho NHÂN-LOẠI. Đến khi nhận được thư của Cô Bạch-Yến báo tin rằng ông sẽ cho đăng bài ấy ở số 20, tôi liền có thư cho Nhân Loại để đừng đăng nữa. Nhưng không kịp. Tuy vậy Nhân Loại chỉ đăng có một phần ít bài của tôi. Vậy Phò Thông đã đăng lại toàn bài thì không có gì bất tiện cả. Dù sao tôi cũng ân-hận điều đó lắm. Mong ông thông-cảm cho..,

Nguyễn khắc Thiệu trường trung học Bồ Đề HUẾ

L.T.S. Chúng tôi có đăng mấy lời thanh-minh trong ố 20, vì chúng tôi muốn tránh sự hiểu-lầm của báo Nhân-Loại rằng chúng tôi đăng lại bài của báo ấy, thế thôi. Chứ tuy-et-nhiên chúng tôi không có ý gì khác.

Xin ông thông-cảm cho — Đa tạ.

CẢM-ĐỘNG rơi lệ ! HẤP-DẪN cực điểm !

SỐNG như cuộn đời ! BUỒN như thế sự !

Ý đẹp VĂN hay ! MÓI LẠ chưa từng có !

Đã phát hành [khắp nơi và đang được hoan nghênh khắp nơi :

« KHÁT TÌNH »

Tình-cảm Thời-đại Tiêu-thuyết
của ĐOÀN-NGỌC

Sách dày đúng 200 trang. In tuyệt đẹp !
Giá phổ thông : 32đ.

TÌM NHÀ HÀO TÂM

* Nam sinh đệ tam, 16 tuổi, có chí, có lòng, ở tỉnh xa (con của một thi-nhân có tâm-đạo, chẳng may thọ nạn trở thành tàn phế, già cành sa sút nặng) đang trù-tính lên Saigon học Ban Tú-Tài, nhưng thiếu phương tiện.

* Muốn tìm một nhà hảo tâm (người Việt Nam hoặc ngoại quốc) ở Saigon, giúp cho phương tiện học-hành, đào tạo tương-lai. Xin giúp một năm. Qua năm sau sẽ nhờ nhà hảo tâm khác thay thế.

Địa chỉ : Cậu LÊ THANH VÂN
học sinh đệ III. Trường Thủ-Khoa-Nghĩa
CHIÂU-ĐỐC (An-giang)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHA TỒNG GIÁM ĐỐC
KIẾN THIẾT VÀ THIẾT KẾ

ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tống-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Đặc-Đắc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55 lô an ủi		2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1959

Sở Xổ-Số KIẾN-THIẾT

K. D. số : 296/HĐKD — Saigon, ngày 24-10-1959

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gio-Long — Saigon